

Tác Giả và Tác Phẩm

Thanh Tâm Tuyền (I)

Tiểu sử

Tên thật: Dzur Văn Tâm.

Tác phẩm

Ba tập thơ : Tôi Không Còn Cô Độc (1956), Liên - Đêm
Mặt Trời Tìm Thấy (1964, Sài Gòn), Thơ ở Đâu Xa (1990, Mỹ)
Ba truyện : Bếp Lửa (1957), Khuôn Mặt (1964), Dọc Đường (1967).



tranh Đinh Cường

Mục Lục

Thanh Tâm Tuyền – Bùi Giáng - 2
Dọc đường – 2
Cửa sổ, mở nhịp ba – Cổ Ngư – 8
Cuối đường – 10
Biển cổ thứ nhất của văn học thời hậu chiến – Phạm Xuân Nguyên - 14
Trên mây – 18
Thanh Tâm Tuyền – Đặng Tiến – 23
Chim cú – 30
Thanh Tâm Tuyền, người thi sĩ ấy - Bùi Vĩnh Phúc – 34
Nghệ thuật đen - 49
Thanh Tâm Tuyền: Những điều nhớ - Ninh Hạ - 57

Phụ đính I:

Thơ Thanh Tâm Tuyền
Thơ Thanh Tâm Tuyền - Nguyễn Vy Khanh - 88

(Tim bài đọc: ở “Keyboard”, nhấn nút “F5”, đánh số trang, rồi “Enter”)

Thanh Tâm Tuyền Bùi Giáng



Thanh Tâm Tuyền như một vị tướng lãnh gan lì, sử dụng một loại võ công chỉ riêng một mình ông đạt tới quai nhai cảnh giới.

Mọi kẻ về sau học tập võ công ấy đều thất bại.

Công lực thâm hậu, Thanh Tâm Tuyền lại còn trẻ quá, do đó, ông bước đi trên trận địa một cách quá ngang nhiên, chẳng bao giờ ông bận tâm tới những môn võ công khác của những đối thủ, bất kể chúng là thiên tài hay là chẳng.

Đọc đường

Ba người đàn ông ngồi quay xung quanh cái bàn gỗ tròn trong quán và cùng hướng về phía quốc lộ chạy mất hút vào trong rừng cao su ở hai bên. Quán bằng lá nằm cuối dãy phố mười lăm chiếc, sát cạnh con đường đất xe hơi có thể vào ngăn phố với rừng cao su. Đầu trên dãy phố là đồn Dân vệ rào ba lần thép gai trên treo lủng lẳng những ống lon rĩ. Người đàn ông ngồi ngoài cùng kể cây cột chống, mặc áo lá quần xà lỏn, một chân co lên ghế, tay bưng ly cà phê uống từ hóp nhỏ. Người đàn ông liền bên vận quần áo *kaki* sờn rách, đầu đội nón bẻ vành, chân đi giày không vớ, cầm chiếc muống nhỏ xíu gõ nhịp lên bàn. Người ngồi tách riêng một phía già hơn hết, tóc tiêu muối, vận quần lãnh đen bám bụi đỏ, áo túi trắng ngả màu, trước một ly cà phê sữa:

-Có lẽ tụi nó về hết rồi. Ông già nói

-Còn mà. Ít nhất còn cái 601 chưa về.

-Vậy ai chơi nổi với mày nữa. Mày thuộc hết số xe còn gì? Thằng này điếm quá.

-Ờ... tôi nhớ nhưng biết cái nào tới trước cái nào tới sau? Người vận quần áo *kaki* đỏ mặt cãi với ông già. Người bận áo lá quần xà lỏn nói:

-Ăn chung gì? Giờ mình chơi hết các thứ xe đi.

-Đâu có được. Mắt tao nhìn không rõ. Xe be chạy cà rà cà rề tao còn ngó thấy. Chớ bọn xe đồ, xe nhà giờ này nó chạy chối chết làm sao tao trông kịp.

-Ai ăn lộn tí mà sợ.

Ông già lắc đầu:

-Tao cũng không chơi nữa.

Bà chủ quán mập bự, ngồi khuất phía trong, nửa dòm vô trong nhà, nửa dòm ra phía trước, hỏi

giọng khan như bị cúm:

-Nãy giờ cha nào ăn?

-Huê. Không ai ăn thua hết. Người đàn ông đội nón phân trần. Ông già sờ dép, đứng lên thọc hai tay vô túi áo, móc tiền:

-Nè, trả tiền ly cà-phê. Tao về cho sớm. Tối nay thế nào cũng có hành quân.

Ông đặt mấy đồng bạc cắc lên bàn, bỏ ra theo phía hông quán, bước ngay xuống con đường đất đi sang phía bên rừng cao su, vòng sau một gốc cây ngoài bia đứng tiều. Tiếng nước chảy mạnh xoi vào thân cây. Người đội nón nghiêng đầu ngó la to:

-Ông già gân dữ quá ta.

Người ngồi ngoài cùng chột vênh tai nghe ngóng. Tiếng âm ì ở tít xa.

-Còn tao với mày hả?

-Đâu có ngán.

-Bài cào hay sóc đĩa?

-Thứ nào cũng được. Cho mày lựa.

Người vận áo lá vừa nhúu mày suy nghĩ vừa lắng nghe tiếng động. Khuôn mặt dài ốm nhăn nhó. Người đội nón dờ chiếc nón xuống và tiền rớt xuống mặt bàn. Y suy nghĩ dò xét kín đáo hơn, cặp mắt mơ màng nhìn vào những lối cao su thẳng tắp. Ông già từ gốc cây bước ra đường cũng ngửa cổ nghe.

-Đậu cái này rồi về tía. Người đội nón gạ gẫm.

-Tụi bay tuột dù hết rồi. Máy bay trực thăng đó.

Hai người đàn ông còn ngồi trong quán ngó nhau. Người đàn bà cũng nói:

-Trực thăng thiệt.

Vài phút sau, tiếng động cơ nổi rõ hơn, tới gần. Chiếc trực thăng bay sà thấp ngang qua quán, sang phía rừng cao su bên kia lộ, quần vài vòng lớn rồi trở lại hướng cũ. Ông già nhìn theo, cười khoái trá nói: Tao biểu mà. Rồi ông bước đi. Con đường đất chạy men bia rừng cao su dẫn tới một xóm lá lơ thơ. Buổi chiều vàng rực ở phía đồn Dân vệ, nhưng phía rừng cao su xanh xẫm xuyên qua những gốc cây thẳng tắp đến cả hai cây số ngàn, một chút trời sáng của quãng lộ quẹo như rớt xuống ngang tầm đất. Hai người dân vệ từ trong lối xóm trở ra, chân mang giày bó túm ống quần bám sinh và bụi đất: một người đeo súng hai tay bưng trên miệng hút vào chiếc lá tre non kêu chít chít từng hồi như tiếng chim, một người quàng hai tay trên hai đầu súng đặt nằm ngang cần cổ ngó phía trước, cả hai mặc đồ đen đội những chiếc nón vải đen có lưới. Họ rẽ vào quán, dựng súng vô vách, ngồi vào chiếc bàn gỗ còn dư trống. Một người kêu người đàn ông vận áo lá:

-Còn nước đá không?

Người sau này vẫn ngồi nguyên thế cơ chân, chỉ xoay nửa thân trên hỏi lại người đàn bà:

-Còn nước đá không mày?

-Để coi. Chắc còn...

Người đàn bà vác tấm thân nặng, lê bước vô sau bếp, lục cục tìm kiếm và hỏi ra ngoài:

-Mấy chú uống gì?

-La-de.

Người dân vệ vẫn bưng tay lên miệng nút kêu những tiếng chít chít, trong khi người bạn ngó lên tấm vách trong có cái giá bày các chai nước hơi màu xanh, màu đỏ, màu vàng, màu trắng, màu nâu xếp dài theo vách ván ám khói đen. Chỉ còn hai chai la-de trên giá. Người đàn ông vận áo lá, chủ quán, nhăn mặt ngó chỗ khác vì tiếng nút kêu của người dân vệ. Người đàn ông đội nón liệng chiếc muỗng xuống bàn kêu:

-Cha. Lâu thấy mẹ.

Người đàn bà mang hai cái ly đá chặt cục bự nhô khỏi miệng ly đặt trước mặt hai người dân vệ, rồi lại ạch quay trở vô giá lấy nước. Mụ dùng răng cắn mở nút chai xong cất tiếng hít hà, đưa cánh tay áo quẹt ngang mồm. Ly của người dân vệ mãi với trò chơi bọt sủi tràn ra bàn. Anh ta buông tay, chiếc lá tre xanh nõn ép dính dọc theo ngón tay cái bên phải. Anh thủng thẳng liệng chiếc lá xuống vũng nước trên bàn. Người bạn hỏi:

-Uống lệ đi mây. Bọn chúng đi qua thấy về lại cần nhân.
Người đàn ông đội nón bỏ ghế ra ngoài hè đứng ngó mông hai đầu đường vắng như tờ. Đàng
chân trời trước mặt, tiếng phi cơ âm ỳ rồi tắt lặng không thấy dáng. Cách quán hai ba nhà, là
tiệm sửa xe máy. Một người thợ liu hiu làm việc với chiếc xe máy lật chổng bánh lên trời. Người
đội nón quay vô biểu:

-Tối nay về Biên Hòa ngủ. Còn cái sáu lẻ một mà.

-Ờ, để coi.

Hai người dân vệ uống cạn ly đứng lên sửa lại quần áo, đội mũ, đeo súng trả tiền sửa soạn
bước ra khỏi quán. Người đàn bà vừa nhét tiền vô túi vừa nói với chồng:

-Có đi Biên Hoà coi chừng giùm tôi vụ đó...

Hai người dân vệ ra khỏi quán, tiếng về phía đồn, dáng đi nghiêm chỉnh hơn. Người nút lá tre đi
trước cách bạn chừng hai ba thước, cả hai đều quay dòm vô các mặt phố. Có tiếng gọi trong
rào kẽm gai ở đồn và họ cất bước chạy lúp xúp. Trong quán người đàn bà nói, trong khi người
đàn ông mở hộc tủ của cái bàn trên bày mấy ve bánh kẹo, chai tôm khô củ kiệu chỉ còn thấy
nước đục vàng, kê bên dưới giá xếp nước hơi, lấy tiền, trên đầu người đàn ông, treo tòn ten
vào móc sắt hai nải chuối già và chuối sứa:

-Mấy cha chỉ bày chuyện đi chơi không à!

Người đàn ông đi tới chiếc ghế bố đặt bên vách, nơi người vợ ngồi để vừa ngó được phía sau
phía trước, lượm chiếc áo sơ-mi khoác lên thân, nói:

-Mày không thấy trực thăng quần nãy giờ sao mây. Bộ mày muốn tao chết...

-Còn tôi để không chết hả. Cứ đi hoài tiền đâu chịu cho thấu.

-Tao là đàn ông mày nghe chưa? Ở nhà để lỡ như lần trước chúng vô bắt kéo thầy về rùng cho
chúng. Một mình tao phải kéo bốn cái thầy mày nhớ không, cả đêm cả ngày tới chừng về phát
đau còn bị người ta kêu lên kêu xuống hỏi hoài... Mày chịu vậy không? Tao ở nhà... Đ. m. thứ
đàn bà ngu!

Người vợ kéo quần lên tới bắp vế gãi, mặt mụ dờ dãi không còn phản ứng. Người đội nón
bước trở vô quán nói tiếp:

-Mấy bay quần là có chuyện mà...

Người đàn ông chủ quán tỏ vẻ khinh bỉ vợ, bỏ vô sau rửa mặt, rửa chân rồi thủng thẳng trở ra
xỏ quần. Hai người đàn ông ra đứng trước quán. Trong rừng cao-su nghe tiếng còi xe nhận inh
ỏi, ba chiếc xe đồ đua nhau chạy tới. Dẫn đầu là một chiếc "bờ dô" mũi khoằm. theo sau là hai
xe cá. Chiếc "bờ dô" thẳng ngay trước quán, hai xe cá vượt đi luôn. Người đàn ông chủ quán
quay vô biểu vợ:

-Tao đi nghe mây.

Người vợ nặng nề bước ra, dặn dò:

-Mai sáng về ghé chợ mua đồ về nghe.

Người đàn ông mới dóm đặt chân lên thang phía sau xe, đợi bạn chui vô khoang nói:

-Đ.m. nhớ mà.

Người lơ chạy vô quán nói:

-Xin miếng nước chị Hai. Không đợi trả lời, thót vô sau nhà. Người tài xế nhấn còi thúc hối, ló
đầu ra ngoài:

-Tính ngủ trong đó sao mây?

Người lơ chạy ra mặt còn nhẫy nước, nhảy bám vào đuôi xe la lớn:

-Rồi, chạy đi.

*

Chiếc xe từ từ ngừng trước đồn Dân vệ. Người lính gác trong chòi canh bắc loa tay kêu đuổi:
Tới trong kia đậu. Chiếc xe chuyển bánh đi qua hết đoạn đường rào kẽm gai đậu trước quán
hớt tóc. Người lơ xe nhảy xuống đất kêu vô trong:

-Xuống lệ lên cha nội.

Một người đàn ông tay ôm bọc giấy dầu, lom khom bước xuống. Tới đất, người đàn ông lại

muốn trở lên, nói:

-Không phải đây...

Người lơ đã bước lên bục gỗ đưa tay cản ngang:

-Vậy tí quên hay tí làm đường rồi. Tí ráng đợi đây đón xe sau mà về. Chớ tí cứ ngừng hoài đợi tí kiếm nhà tới đêm tối tí mới về tới nhà. Cô bác kêu quá trời.

-Cho tí đi khúc nữa...

-Tí hết tiền rồi. Rồi, chạy đi.

Chiếc xe rồ ga chặng thẳng vào phía rừng cao-su xấp lạnh. Người đàn ông đứng lại bên đường ngoắc. Hắn vận bộ bà ba đen, chân đi xăng-đan, tóc cắt ngắn, mặt mũi gồ ghề xanh xao. Hắn ngửa mặt nhìn lên trời trông chiếc trực thăng từ phía rừng cao-su bay tới, đứng im rồi hạ thấp trên bãi trống bên kia đường. Tiếng nổ ù tai, cánh quạt quay cuốn bụi đất mù một khoảng; cỏ cây ngã rạp. Người lớn con nít ùa ra khỏi nhà ngắm coi, bọn con nít chạy băng ngang lộ tới đứng bên bãi cỏ, tiếng người kêu gọi bị gió và tiếng động cơ quạt bay tung mát hút. Chiếc trực thăng đáp xuống nhưng không tắt máy, nó đậu vài phút rồi lại từ từ cất lên và bay đi về hướng đồn Dân vệ tránh xa quốc lộ. Trẻ con và người lớn còn đứng lại ngắm và bàn tán. Một vài người nhìn thấy người đàn ông bạn bà ba đen ông bọc giấy dầu đứng trước quán hớt tóc.

Quán hớt tóc là một chòi lá chỉ có một mái dựng trên một bức vách gỗ thùng sữa, và hai cây cột ngoài, ba mặt bỏ trống. Trong quán không có người, thợ đã nghỉ, nhưng vẫn còn một chiếc ghế ngồi trước một tấm gương đóng chặt trên vách, dưới tấm gương là một cái hộc gỗ treo bằng dây kẽm, không có vật dụng nào để trên. Người đàn ông ngó thấy mặt mình trong gương, con lộ bãi cỏ, mô đất cao xa mờ.; hắn ngoảnh mặt bước tới quay lưng lại đồn Dân vệ hướng về phía rừng cao-su. Kế bên quán hớt tóc là một tiệm chạp phô của người Tàu, tới một căn nhà ở đóng cửa, trên các cửa đóng dán những bích chương và khẩu hiệu tuyên truyền, tới một tiệm trữ Âu dược. Một tấm bảng gỗ treo ngang đóng đưa với dấu thập đỏ. Qua khỏi tiệm trữ Âu dược là một nền nhà đổ, rồi một khoảng đất vuông cao hơn mặt đồng, trồng rau muống, làm chỗ họp chợ. Trên nền đất có vết cháy đen loang, cỏ vàng úa không mọc được. Sát chợ là nhà việc: mái thủng, tường lỗ chỗ vết đạn, các cửa sổ bể gãy, tấm bảng treo rớt chỉ còn một đầu dính trên tường, nhìn vào trong gạch ngói bừa bãi chưa thu dọn. Nhà kế bên nhà việc cũng bị xập mái trước. Khối gian nhà đổ, dây phở nguyên vẹn. Người đàn ông đi qua một tiệm thuốc Bắc, trong tiệm một người con gái Tàu lai ngồi đọc báo sau quầy hàng; một tiệm bán sách vở và tạp hoá; một lớp học với mười bộ bàn ghế và tấm bảng đen; tiệm sửa xe máy với một người đàn ông đang lui hui sửa ngoài hè. Người đàn ông ôm gói đứng lại nhìn người thợ đang làm việc. Anh này chợt ngừng lên loe miệng cười với người đàn ông, nhưng nụ cười tắt ngay tức thời. Anh thợ ngừng hẳn tay ngắm nghĩa người lạ. Người đàn ông cố gắng cười gượng gạo hỏi:

-Giờ này còn xe trở xuống không anh?

-Có lẽ hết.

Nói xong, người thợ tiếp tục làm việc, bỏ mặc người lạ đứng ngẩn nhìn xuống. Một hồi im lặng, người đàn ông nói:

-Cám ơn anh Hai.

Người thợ không đáp, cũng không ngó lên. Và người đàn ông lại bước đi. Kế tiệm sửa xe là tiệm chạp-phô nữa của người di cư. Người đàn ông bà quần áo nâu, răng đen, vắn khắn, mắt hấp háy đứng bên mấy bó củi và tĩn nước mắm ngó người lạ chằm chằm. Người đàn ông ngó mong sang rừng cao-su bên kia lộ. Hắn đi qua hai căn nhà nữa. Trước một căn đóng cửa đặt một cái lu nhỏ đầy nắp gỗ và một cái ca nhôm máng trên tường. Người đàn ông tiến lại bên cái lu, đặt gói giấy xuống hè, mở nắp, lấy cái ca múc nước trong lu uống ừng ực. Uống xong hắn lại múc thêm một ca đầy đứng xích ra gần lộ đổ vào tay rửa mặt và cổ. Nước trà màu nâu đen. Lấy khăn trong túi lau khô mặt, hắn đặt nắp lu, máng ca trở lại chỗ cũ, ôm gói đồ đi tới tận cùng dãy phố là con đường đất đỏ vắng hoe ngăn cái quán và rừng cao-su. Hắn đứng ở đầu đường đất ngó mong vào xóm, nhìn con lộ chạy ắt giữa hai hàng cao-su tối. Hắn bước vô quán, ngồi

bàn phía ngoài, đặt gói đồ lên một cái ghế. Người đàn bà mập từ sau bếp bước ra nói:

-Hết trơn nước đá rồi, cà-phê cũng hết...

-Thím cho ngồi nghỉ đỡ đón xe.

Người đàn bà ngó khách từ đầu tới chân. Trong rừng cao-su tiếng ve bồng kêu từ xa lan tới gần. Người đàn ông ngó quanh khắp quán hỏi:

-Thím có bán cơm không?

-Không, không có cơm.

Người đàn bà bỏ vô sau nhà. Người đàn ông ngồi thẳng lưng, mó máy bật cái giầy thun buộc gói giấy dầu. Hắn móc trong một túi áo lấy ra một xấp giấy gói kỹ kiểm lại và đếm những tờ giấy bạc. Máy tờ giấy năm đồng, mười đồng. Người đàn bà trở ra hỏi:

-Không có xe hả?

-Không có, sợ hết.

Người đàn bà bồng lẳng nghe bảo:

-Có xe be tới đó.

Người đàn ông vội ôm gói đồ chạy ra lề đường. Hai chiếc xe be kèng càng rần rần từ trong rừng cao-su, xe chạy chậm. Người đàn ông đưa tay lên cao vẫy kêu: Cho quá giang... Hai người tài xế đưa tay vẫy chào và xe vẫn chạy.

Người đàn ông thất vọng lẩm lũi trở vô quán. Từ một trại binh xa lác vọng lại tiếng kèn chào cờ buổi chiều. Ve kêu rộn hơn. Người đàn bà hỏi:

-Chú ở đâu tới?

-Tôi đi kiếm thằng em của tôi làm đồn điền cao-su. Có lẽ tôi đi lộn xe. Máy năm trước đây tôi có lên một lần nhưng không nhớ rõ. Tôi nhớ khu nó ở gần lộ.

-Ôi, đồn điền cao-su biết mấy mà kiếm? Đồn điền tên gì ở đâu mới được chớ?

-Tôi không nhớ, tới đúng nơi thì tôi biết.

-Chú nói chuyện trời đất không à.

Người đàn ông đặt gói đồ lên bàn, hai tay ngồi ôm lấy nó. Người đàn bà đột ngột sáng giọng hỏi:

-Giờ chú tính sao?

-Tôi không biết tính sao hết. Tôi đón xe...

-Người đàn bà cao giọng hơn:

-Chú nói cà rợn hoài. Giờ này kiếm xe. Chú tính mà mắt tôi. Bộ khi không chú ngồi đó không cho tôi đóng cửa tiệm đi ăn cơm hả? Chú tính chuyện gì? Tôi kêu lính trên đồn xuống đây bây giờ...

Người đàn ông sừng sốt, giật hai tay ông gói đồ vào bụng ngó trân người đàn bà:

-Tôi nói thiệt mà thím. Tôi đón xe mà.

-Mà tôi biểu chú không còn xe nữa. Chú tính cách sao?

Người đàn ông ngó ra lộ, ra ngoài rừng, nói một mình:

-Ờ, không còn xe.

Tiếng ve kêu chỉ còn lẻ tẻ rời rạc xa xa. Trời bắt đầu tím trên nền bóng núi xa. Người đàn bà tìm quẹt đốt cây đèn dầu hôi mắt vẫn dòm chừng khách lạ. Một chiếc xe díp vụt ngang lộ như một cơn gió. Người đàn ông dợm đứng dậy như muốn rượt theo kêu, lại ngồi xuống ghế. Đèn thấp lên. Cửa bên hông mở ra phía con đường đất bên bìa rừng đã đóng. Người đàn bà đặt cây đèn lên bàn trong, tiến đến gần người đàn ông hỏi:

-Giờ chú tính sao?

Người đàn ông ngập ngừng:

-Thím cho tôi ngủ đậu. Thím làm phước. Mai tôi đón xe về sớm.

Người đàn bà kêu lên:

Đâu có được chú. Nhà tôi đâu phải nhà cho mượn. Biết chú là người thế nào mà cho ngủ đậu.

Lỡ đêm chú cất cổ tôi sao? Chồng tôi đi khỏi, tôi không chứa đàn ông...

-Thiệt tình mà thím, tôi đi kiếm thằng em tôi. Thím làm ơn làm phước... Chớ giờ này tôi biết tính sao?

Người đàn bà suy nghĩ vài giây:

-Bộ chú lữ độ đường thiệt à...

-Thiệt mà thím. Chớ khi không tôi tới đây làm gì.

Người đàn bà lại cao giọng:

-Không được. Chú ở đâu tới, tôi không biết. Chú xin ngủ đậu, không được. Lữ đêm có chuyện gì người ta xét nhà, tôi nói sao. Không được. Tôi thương chú, ai thương tôi. Thôi chú đi đi, cho tôi ăn cơm. Tôi đói bụng rồi.

-Tôi đi đâu?

-Đi đâu thầy kệ chú chớ. Mắc mớ gì đến tôi.

Người đàn ông chậm chạp đứng lên nhưng chưa bước đi. Người đàn bà tự động lùi lại một bước thủ thế. Người đàn ông nài nỉ:

-Tôi đi đâu? Thím nghĩ coi...

-Tôi không biết. Mấy người rắc rối lắm. Tôi không kêu lính trên đồn là may phước lắm.

Người đàn ông ngập ngừng bước ra khỏi quán. Dây phở và con lộ im như tờ, chỉ nghe tiếng ve rộ xa và tiếng côn trùng khởi trở lẽ tẻ ở bãi cỏ. Người đàn bà khép cửa quán nhưng vẫn còn ló đầu dòm theo người lạ. Người đàn ông đi trở ngược dây phở. Trong tiệm chạp-phở, gia đình đang ăn cơm trên bộ ngựa ở ngoài. Người đàn bà vắn khăn đang bới cơm không ngó thấy bên ngoài. Người lạ mặt đứng lại trước tiệm sửa xe. Người thợ đã tắm rửa, thay đồ, ngồi trên ghế ngay trong cửa ôm cây đàn ghi-ta đang khẩy. Người đàn ông đứng lại, rồi tiến tới bên cửa:

-Chào anh.

Người thợ ngừng tay khẩy, ngó lên hỏi:

-Gì anh?

Người đàn ông đứng trân một hồi rồi mới nói:

-Anh Hai làm ơn chỉ giùm tôi có chỗ nào ngủ đậu một tối, tôi lữ đường hết xe về.

Người thợ cười riếu, gác cẳng lên thềm cửa:

-Chỗ ngủ đậu. Anh tới đầu quán hỏi coi...

-Tôi hỏi rồi. Họ không chịu.

-Vậy tôi cũng chịu.

Người thợ lại tiếp tục khẩy đàn và cười một mình. Người đàn ông vẫn đứng im tại chỗ:

-Anh Hai cho tôi ngủ đậu. Dưới đất cũng được. Mời tôi đón xe về sớm.

-Cha này rơn hoài ta. Tôi đâu quen biết anh.

-Anh cho tôi ngủ đậu một tối thôi.

-Bộ anh cho là tôi khùng hả. Cha này kỳ quá...

Người đàn ông quay mặt về phía rừng cao-su trong ấy bóng tối đã đầy. Ngoài rừng trời chạng vạng nhá nhem. Người đàn ông đi tới bên lề đường. Một vài tiếng đại bác nổ âm ở xa. Hắn đi vài bước về hướng nhà việc rồi bỗng quay bước. Trong tiệm xe máy tiếng đàn dạo đến khúc mùi mẫn. Hắn đến trước căn nhà có đặt lu nước ở ngoài và dừng lại. Nhà cửa đóng kín không thấy ánh sáng. Hắn gõ nhẹ lên cánh cửa rồi nghe ngóng. Có cả mấy phút không có tiếng trả lời. Trong nhà tiếng niệm Phật rất nhỏ. Hắn đứng đợi nghe tiếng mõ đều đều thỉnh thoảng đệm tiếng chuông. Trời cứ tối dần. Một hồi hắn lại gõ cửa và sau tiếng ho là tiếng hỏi nhỏ:

-Ai đó?

Người đàn ông không đáp. Hắn lại gõ cửa. Trong nhà lại có tiếng hỏi: Ai đó? Tiếng động trên cửa và một lỗ hồng tròn được kéo ra ngang tầm ngực người đàn ông:

-Ai ở ngoài đó?

Người đàn ông cúi nghiêng xuống ngang mặt với lỗ hồng:

-Tôi lữ độ đường.

-Chú kiếm ai?

-Dạ không, thưa bác con kiếm chỗ ngủ tối nay. Bác cho con ngủ nhờ.

Bên trong im lặng khá lâu, tiếng thì thào rồi nghe giọng già run rẩy:

-Thôi chú ơi, tôi tu hành chú đừng phá tôi.

-Thưa bác, thiệt tình con lữ độ đường. Con đi kiếm thằng em mần trong đồn điền cao-su lại lên

lộn xe. Giờ không có xe về. Bác cho con ngủ đậu một tối. Mời con đón xe về sớm.

-Thôi mà chú, chú kiếm nơi khác. Tôi tu hành mà.

-Không đâu họ chịu cả. Bác làm phước thương con.

-Tôi biết chú nói thật. Nhưng chú thương chúng tôi. Chúng tôi không làm hại ai cả. Chú cảm phiền. Trong nhà chỉ có mấy bà cháu không có đàn ông. Lỡ ra tội nghiệp chú ơi...

-Thưa bác con thiệt tình. Con không gạt. Con đi kiếm người em.

Bỗng trong nhà có tiếng thiếu nữ ngắt ngang:

-Bà tôi nói thiệt mà. Khi không tới đòi ngủ đậu. Ai mà tin được. Tội tôi là lính trên đồn nghe thấy xuống tới.

-Tôi thiệt tình mà cô Hai.

-Thiệt hay không thiệt cũng không ai chứa người lạ trong nhà.

Một tiếng nổ ầm rung chuyển đất. Lũ hồng đống xập lại và tiếng chân chạy trong các nhà, Mọi cửa đều đóng vội. Những tiếng nổ tiếp theo còn cách xa. Người đàn ông dáo dác ngó ra đường. Trên trời phía rừng cao-su trái hỏa pháo bắn vọt lên lơ lửng vài phút rồi tắt. Tiếp theo một trái hoả pháo khác. Người đàn ông đứng ôm bọc giầy bên lu nước.

Cửa sổ, mở nhịp ba

Cổ Ngư

Trí nhớ con người kỳ lạ và đôi khi cũng thật kỳ cục. Có những chuyện bâng quơ không đâu, mà lại cứ ghim cứng vào óc, mãi không chịu nhả. Với cái tên Thanh Tâm Tuyền chẳng hạn. Tôi còn nhớ như in, một hôm, lúc chưa đến mười hai tuổi (nghĩa là chưa đến 30.04.1975, tôi chắc chắn như vậy), đang đứng chơi vợ vẫn, tự nhiên nghe bố nói: “Một cửa sổ, hai cửa sổ, ba cửa sổ..., Thanh Tâm Tuyền làm thơ như thế, ai mà chẳng làm được!” Ngó trước ngó sau, chỉ mình tôi đứng đó. Không hiểu lúc ấy, bố phát biểu cảm tưởng về thơ Thanh Tâm Tuyền với thằng bé con, hay đang ta thán bâng quơ một mình? Tôi cứ ngạc nhiên mãi, không hiểu tại sao trí nhớ kém cỏi của mình lại cứ nhất định khư khư giữ cái kỷ niệm chẳng có gì đáng nhớ ấy cho mãi đến tận bây giờ?

Thuở bé, đối với tôi, mỗi người lớn là một điều kỳ vĩ, bố lại còn vượt cao hơn những người khác. Ông to lớn, ông đẹp, ông oai, ông được những người chung quanh nể vì, trọng quý. Ông giỏi trong chuyên môn, lại tài hoa, chơi *guitare hawaiienne*, có nhiều kỷ niệm đẹp với nhạc sĩ Đoàn Chuẩn. Ông yêu những tình khúc của Phạm Duy, Văn Cao, Trịnh Công Sơn, Phạm Đình Chương, Từ Công Phụng, Cung Tiến, nghe đi nghe lại mấy cuộn cassette thu tiếng hát Thái Thanh, Khánh Ly, Lệ Thu, Duy Trác, Sĩ Phú. Nhưng sách trong nhà thì hiếm. Ngoài sách báo thiếu nhi của anh em tôi, còn lại, đa số là sách khảo cứu về nhân chủng học, một ít truyện Pháp, một ít truyện dịch. Thơ, tuyệt đối không. Vậy mà sao mấy câu thơ Thanh Tâm Tuyền từ đâu lọt vào mắt bố để ông xỏ ngang ra một lời bình, và nó thản nhiên nằm chết cứng trong trí nhớ của tôi hơn ba mươi năm qua. Ngẫu nhiên? Tiền định? Chẳng biết, chỉ có điều, thuở ấy, bố nói gì, cũng đúng! Nghĩa là: thơ Thanh Tâm Tuyền không... hay.

Có một thời mới lớn, tuổi choai choai, ngựa non háu đá, trên con đường vượt thắng của mình, tôi quyết định đập gãy hết mọi chuẩn mực, nhảy phóc qua những bảo ban, chỉ dạy, ý kiến áp đặt của người chung quanh, kể cả của bố! Thế là, tôi đi tìm đọc... thơ Thanh Tâm Tuyền! Nhưng tìm ở đâu ra bây giờ? *Bếp lửa* cũng đã cháy thành than tro cùng với bao nhiêu “văn hóa phẩm đòi truy” khác hết cả rồi! Cuối cùng, nhặt đâu đó được hai bài. So với những dòng thơ của Tố Hữu đang phải nhàu nhàu học thuộc lòng để có tài liệu mà trích dẫn khi làm văn nghị luận, “Bài ngợi ca tình yêu” và “Phục sinh” thật lạ lùng và bí hiểm. Cũng có *tổ quốc*, có *Việt Nam* đó, nhưng sao lại cho *cống rãnh với gót giày miệng uống tro than* vào đứng bên cạnh?

Con ngựa buồn lừa trốn con người là sao? Cười lên sặc sỡ có sai ngữ pháp tiếng Việt không? thanh tâm tuyền có gì đặc biệt hơn Trần Thiện Thanh mà lại phải gào lên những ba lần trong một bài thơ ngắn? Và còn chẳng viết hoa tên mình! Đọc tới đọc lui vài lần, tôi đi đến kết luận: không, thơ của ông này không dễ cảm, nhưng chắc chắn không dễ làm như lời bố tôi đã phán!

May sao, trong một cuộn băng *cassette* đã bắt đầu nhão, tôi nghe được Thái Thanh hát “Đêm màu hồng”. Mấy câu thơ trúc trắc được âm nhạc thổi vào một luồng sinh khí mới, và tôi thuộc gần hết giai điệu cũng như lời bài hát chỉ sau một lần nghe. Chất thơ rập của thơ Thanh Tâm Tuyền đã được nhạc Phạm Đình Chương phủ lên một lớp *vern* bóng ngời. “Đêm màu hồng” quả là một tình khúc hiem hơi của hạnh phúc gia đình, không uỷ mị, không ồn ã, nó êm, lướt, bay vút, mở rộng thênh thang, với *em là lá biếc là mây cao là tiếng hát, với tôi đẹp như hình tôi, với cả bàn chân những đũa con...*

Nhiều năm sau, tôi được nghe chính giọng Phạm Đình Chương hát lên những câu thơ gân guốc trong bản nhạc cùng tên: “Bài ngợi ca tình yêu”. Nhiều năm sau nữa, có vài lần, tôi vừa lái xe giữa Paris vừa lẩm nhẩm điệu *valse* nhịp ba:

*Đi đi anh đưa em vào quán rượu
Có một chút Paris
Để anh được làm thi sĩ
Để anh được làm thi sĩ
Đi đi anh đưa em vào quán rượu*

Rồi đột ngột từ trường qua thứ, chuyển nhịp chậm, lời *boston*, rơi. Lắng:
Hay nửa đêm Hà Nội...

“Dạ khúc” biến thành “Dạ Tâm khúc”, “Lệ đá xanh” phân thân giữa ca khúc cùng tên của Cung Tiến và một nhạc phẩm khác của Phạm Đình Chương: “Nửa hồn thương đau”^[1]. Cứ như thế, thơ Thanh Tâm Tuyền từ từ thấm vào tôi bằng con đường vòng: âm nhạc.

Hôm qua, bố tôi vẫn còn nói chắc như đinh đóng cột: “Một cửa sổ, hai cửa sổ, ba cửa sổ...” là thơ Thanh Tâm Tuyền, và ông giữ nguyên ý kiến của mình về mấy câu thơ đó, không hề suy suyển. Đúng vào khoảng tuổi của bố cách đây ba mươi năm, bây giờ, tôi chỉ còn biết vái tứ phương, hỏi hơn một chục đàn anh, đàn chị văn nghệ, những nhà thơ, nhà văn cùng thời hay gần thời Thanh Tâm Tuyền ở Việt Nam, Pháp, Mỹ, đâu đâu cũng chỉ nhận được những cái lắc đầu không biết hoặc câu trả lời lấp lửng: “Hình như là thơ của ông, còn trích từ bài nào thì... chịu!” Internet với Google cũng không giúp gì tôi hơn. Chẳng lẽ, với tôi, mấy câu thơ ấy rồi sẽ trở thành huyền thoại, cứ lơ lửng mãi, không cách nào biết được căn nguyên? Nhưng, chỉ rõ một điều, từ nhiều năm nay, đã có những người kêu lên *thanh tâm tuyền* lúc này hay lúc khác, và vì thế, ông không còn cô độc, như đã tự khẳng định ngay từ tập thơ đầu tiên của mình.

Choisy-le-Roi cuối tháng 03.2006

^[1]Nhạc sĩ Phạm Đình Chương đã giữ nguyên giai điệu đoạn “Đôi khi anh muốn tin ôi những người khóc lẻ loi một mình” của ca khúc “Lệ đá xanh” (thơ Thanh Tâm Tuyền, nhạc Cung Tiến) để kết thúc nhạc phẩm “Nửa hồn thương đau” của mình. Gần đây hơn, bài thơ “Lệ đá xanh” cũng đã được nhạc sĩ Phạm Quang Tuấn (Sydney- Úc) phổ nhạc.

Nguồn: Tạp chí Văn số đôi 113-114, tháng 05 & 06.2006

Cuối đường

Đầu năm 1949 tôi bỏ Sài Gòn về Hà Nội. Từ một thành phố yên ổn vui tươi trở lại, tôi rơi xuống một thành phố điêu tàn ngơ ngác. Những ngày đông lạnh lẽo ngán thêm vì giờ giới nghiêm. Ngay giữa phố đông đúc như Hàng Bông, Hàng Đào vẫn còn nhiều nhà đổ nát tan hoang. Khoảng bảy giờ tối hết xe điện, người ta nhường phố xá cho lính lê dương say rượu. Thỉnh thoảng về muộn tôi phải đi qua những phố vắng tanh, vội vã lún lút trên vỉa hè hay sau hàng cây như một tên ăn trộm. Có khi lính Tây đuổi tôi để được la hét cho đỡ buồn, tôi chạy quanh co hết phố này sang phố khác như chơi dượt bắt với chúng. Một hôm tôi bị rượt nà từ phố Đường Thành, chạy về Quan Thánh. Vừa băng qua vườn hoa Hàng Đậu sang phía Nhà Thương Khách thì từ một ngách tối một tên xô ra chụp được tôi.

Tôi vùng vẫy và đánh trúng mặt nó khiến cái mũ trắng rơi xuống đất, tôi có thể chạy thoát. Nhưng tôi đứng nguyên một chỗ nhìn tên lính cúi xuống nhặt mũ, nó cười sằng sặc. Nó trẻ bằng tôi, mắt xanh như mắt mèo. Nó quàng vai tôi, mời tôi vào quán uống rượu. Tới mười giờ đêm, nó dìu tôi về tận nhà. Trước khi chia tay, nó ôm hôn lên đầu cổ tôi như mưa rồi khóc. Tôi tức giận gạt mạnh nó rồi lao đảo vào nhà. Chị tôi sợ hãi đóng chặt ngay cửa. Tên lính còn đứng lại đập cửa la hét nguyên rủa hàng giờ sau mới chịu bỏ đi.

Nhà tôi ở khu Ngũ Xá. Hồi ấy tôi thất nghiệp ăn ở nhờ gia đình chị tôi, dạy mấy đứa cháu nhỏ trừ tiền cơm. Tiền tiêu vặt vĩnh là tiền dành dụm trong mấy năm làm ăn ở Sài Gòn. Mỗi buổi sáng tôi dậy với những chuyến xe điện thứ nhất lên phố. Những chuyến xe buổi sáng thường kéo theo hai ba toa tối om chạy băng băng không ngừng, tôi nhẩy bám vào toa sau cùng chắc chắn không phải lấy vé lên đến tận chợ Hôm. Trời buổi sáng bao giờ cũng lạnh cóng, tôi tựa vào thành xe trông lại phía sau con đường sắt bóng mờ và mặt đường tê cứng. Qua đầu phố Hàng Đào nơi một đồng gạch đỏ tôi còn thấy những mảnh vải rách rưới rúc vào nhau mà ngủ. Đến chợ Hôm trời cũng đã mờ sáng. Tôi ghé xuống lề đường ngồi xồm ăn một đồng xôi lúa nóng chan mỡ hành béo ngậy rồi đi lang thang dạo đến chín giờ về thư viện đọc sách.

Bỏ học đã lâu, tôi định lợi dụng thời gian nhàn rỗi này học thi Tú Tài. Thư viện thật tĩnh mịch, mặt bàn nhẵn trơn tru, ghế cao và rộng. Phòng đọc sách lớn nhưng thường thường chỉ có dăm bảy người, mỗi người một bàn thật xa nhau để khỏi nhìn thấy nhau. Chúng tôi làm việc trong không khí dễ dãi quen biết, mỗi người có thể mượn số sách không giới hạn bày đầy trước mặt trong khi luật lệ ấn định không lấy quá hai cuốn một lần. Tôi chọn một góc kín đáo khuất sau một cái cột mà từ người thủ thư cho tới người giám thị phòng đọc ngồi ở chỗ của họ không thể nhìn thấy tôi. Góc ấy lại gần lò sưởi ấm, lúc nào buồn tôi có thể ngủ được. Thường buổi trưa tôi ngại không về nhà, tôi ăn buổi trưa - một cái bánh tây, một ly cà phê sữa - ở ngay gian nhà gửi xe của thư viện. Quãng năm giờ tôi rời thư viện vì vào giờ ấy tôi thường gặp phải những ông công chức mới hồi cư vào lục lợi những chồng công báo dày hàng chục năm để tìm cái nghị định bổ nhiệm xin hồi ngạch.

Mùa đông qua hết, đến mùa xuân rồi tôi vẫn chẳng học được chữ nào, óc của tôi chưa quen lại được bài vở. Hằng ngày tôi vẫn lui tới đều đặn thư viện nhưng toàn đọc sách truyện nhảm nhí. Tôi có ý định kiếm việc làm. Những chuyến xe điện buổi sớm đã chạy chậm hơn một chút trong buổi mai êm dịu và toa xe cuối cùng không còn tối nhiều như khi mùa đông nữa. Tôi thường phải lẩn tránh người soát vé đứng ở toa đầu máy nhìn xuống rình mò.

Một buổi kia trời bỗng trở rét dữ dội. Con tàu lại chạy với tốc độ mùa đông. Tôi thành thói đứng tựa thành xe quay lưng lại với toa đầu máy, lắng nghe tiếng khẹt khẹt của cái cần điện chạm vào dây ở trên đầu. Người soát vé xuống đứng bên cạnh lúc nào tôi không hay. Hấn vồ vào vai tôi làm tôi hoảng hốt. Không quay lại tôi vội vàng nhẩy ủa xuống đường. Đạp mạnh làm tôi ngã úp xấp và chết ngất.

Khi hồi tỉnh tôi vẫn còn nằm trên mặt đường cạnh đường sắt. Tôi quờ tay lên đường sắt bóng và mặt nhựa gồ ghề. Phố xá lặng thinh. Rồi tôi nghe tiếng xe điện sắp đến từ xa. Chỗ tôi nằm

ngay đầu Hàng Đào, những manh vải rách rưới vẫn quần lấy nhau ngủ vùi. Tôi lồm cồm bò lên vỉa hè. Chuyến xe điện qua thản nhiên. Áo tôi rách toạc một mảnh ở vai, chân tay mặt mũi tôi sây sát rớm máu. Tôi khập khểnh đi xuống Hồ Gươm vốc nước rửa. Nước lạnh giá làm đau xót các vết thương. Tôi ngồi xuống vệ cỏ khóc cho ảm mắt, cuồng hợm, và ngược. Chán không khóc nữa tôi đứng dậy.

Chiều hôm ấy rời khỏi thư viện tôi không muốn về nhà. Tôi muốn ngủ đêm ở một chỗ khác nhưng chẳng nghĩ ra chỗ nào có thể về được. Tôi cứ lang thang qua các phố cho tới khuya. Trời rét như cát tôi chỉ mặc một tấm áo “blouson”. Các vết thương nhức nhối. Mồ hôi nhờn cả da mặt. Tôi tức giận vô kể. Tôi không gặp những tên lính Tây say quấy phá. Tôi chờ đợi một đội tuần tiễu nào sẽ nhốt tôi về trại giam. Hay thí cho tôi một tràng đạn sợ hãi vào ngực. Tôi sẽ nằm thẳng cẳng ở giữa cái thành phố co dím này. Cuối cùng tôi vẫn phải về nhà. Chị tôi dương cặp mắt khiếp hãi nhìn tôi. Ông anh rề càu nhàu trong màn. Sáng hôm sau chị tôi bôi thuốc đỏ vào các vết trầy, tôi ngồi nhà không lên phố. Tôi gọi lũ cháu mang sách vở tới gần xem xét và đánh cho chúng một trận nên thân. Chị tôi khép nép sợ sệt thay cho con. Tôi tát chúng mạnh quá đến nỗi bàn tay ê ẩm. Chị tôi xuống bếp khóc, lũ trẻ ra ngoài đầu hè khóc, bỏ gian nhà trống cho tôi với những vết thương bắt đầu mưng mủ.

Trong năm ấy tôi gặp một đứa bạn cũ hồi còn học lớp nhất trường tỉnh. Hấn trông nom một xưởng sửa chữa xe hơi. Hấn mời tôi vào một quán nước cạnh đền Bà Kiệu. Cầu Ngọc Sơn đã được sơn lại mới đỏ như quét màu. Mùa xuân còn mới trên màu nước của Hồ Gươm, những rặng cây ven hồ. Tôi ngỏ ý với bạn muốn xin làm chân phụ việc ở xưởng hẳn để học nghề sửa chữa. Hấn hỏi tôi mấy năm ở Sài Gòn tôi làm nghề gì. Tôi nghĩ lại cũng ngạc nhiên không hiểu tôi đã sống cách nào, tôi không có nghề nghiệp gì hết, tôi trả lời như vậy với hẳn. Hấn bảo tôi tại sao không xin đi làm, tôi còn đồ được cái bằng Trung học Pháp đâu như hẳn không có bằng cấp gì. Tôi nói tôi vốn ghét ngồi bàn giấy. Hôm sau theo lời hẹn tôi tìm đến xưởng máy. Tôi lên một chuyến xe điện đã đông người, chạy từng chặng nhỏ qua các phố tấp nập. Xưởng ở trong ngõ khuất nẻo giữa phố Tây. Tôi bước giữa hai hàng rào rậm lá mát mẻ xếp đặt chương trình trong đầu. Mỗi buổi sau giờ làm việc tôi sẽ thông thả về thư viện nghỉ ngơi đọc sách. Ông quản lý chưa đến, tôi phải đợi. Tôi ngồi trên cái đe sắt giữa sân, chung quanh bữa bộn dụng cụ và người ta làm việc. Thỉnh thoảng tôi cũng chuyển dùm lên tay, không rời chỗ cho người khác, cái búa cái lặc lê... Nắng đã làm tôi bứt rứt nhấp nhồm. Ông quản lý đến. Hấn trông thấy tôi từ cổng vào và mỉm cười với tôi. Song hẳn còn đi dặn bảo công việc cho mọi người khắp lượt mới đến chỗ tôi. Hấn rủ tôi ra ngoài đường. Hấn lại đưa tôi vào quán nước hôm qua, ngồi đúng cái bàn cũ. Ngập ngừng mãi hẳn ngỏ ý khuyên tôi tìm việc khác làm vì hẳn thấy công việc ở xưởng không hợp với tôi. Lúc ấy tôi mệt mỏi ngáp dài không buồn trả lời. Hấn móc túi cho tôi ba trăm bạc. Bất tay từ giã hẳn tỏ ra ân hận đã không chiều ý tôi nhưng hẳn nhấn mạnh rằng như thế rất hợp lẽ và tốt cho tôi về sau này.

Tôi lủi thủi trở về thư viện. Chỗ tôi thường ngồi có người chiếm mất. Tôi bực mình, phòng đọc sách có hàng chục bàn trống sao hẳn lại lủi vào góc ấy. Tôi đến đứng đằng sau lưng ghế của tôi, bảo với người ngồi rằng đó là chỗ hàng ngày của tôi chiếm yêu cầu hẳn rời đi chỗ khác. Hấn ngừng mặt nhìn tôi, bộ mặt đẹp trai. Hấn rời sang ghế bên cạnh. Tôi ngồi vào chỗ xong lại bảo hẳn tôi không thích ai ngồi gần tôi như thế vướng víu tôi lắm. Tôi yêu cầu hẳn ngồi sang bàn khác và nên chọn bàn nào khuất khỏi tầm mắt tôi, tôi không ưa sự có mặt của người khác. Hấn lại nhìn tôi một lần nữa, hiền lành và dễ thương. Rồi hẳn lặng lẽ thu xếp sách vở đổi chỗ khác. Tôi ngủ chập chờn rất nhiều giấc nhỏ trên ghế. Mỗi khi chợp đi trong đầu tôi ồn ào náo nhiệt, tỉnh lại chung quanh lặng ngắt quạnh hiu. Vào giữa trưa tuyệt đối yên tĩnh. Tấm kính lớn che mặt trước phòng đọc sách mỏng như tờ giấy. Mọi người đã về hết chỉ còn người thủ thư và người giám thị ngồi nguyên chỗ. Tôi xuống nhà gửi xe ăn trưa. Cái đầu ghế dài ở trong góc tới một người đã ngồi. Hấn tỏ ý muốn chào tôi và tôi ngạc nhiên không quen mặt. Hấn đứng lên, tôi ngồi vào chỗ bỏ trống. Trong tối nhìn ra tôi mới nhớ mang máng hình như hẳn là người đã chiếm chỗ tôi hồi sáng trong phòng đọc. Tì tay vào tủ hàng, hẳn trông ra phố. Dáng của hẳn là học trò, người gầy dong dong, tay chân què quào như củi. Mái tóc chải lật ngược đầu lớn so

với mình. Mắt hần mỗi khi nhìn buồn một vẻ thản nhiên. Tôi bỗng thấy tội nghiệp hần. Và tôi gọi chuyện trước để chúng tôi quen nhau. Tên hần là Quang.

Từ sau mỗi lần ra thư viện Quang ngồi trước mặt tôi. Công việc của hần là chép và tự mình họa những bài thơ lãng mạn vào một cuốn vở đóng bìa gáy da kỹ lưỡng. Tôi bực mình một hôm đã giảng cho hần biết cái lãng mạn ấy lỗi thời lắm rồi. Đời sống của người ta không phải là những giây phút ngồi gọt rũa tỉ mỉ những cảm xúc, tình ý vụn vặt. Đời người là một sự trống rỗng lớn cần lấp đầy bằng tất cả những gì mình có, nghĩa là sự tự do của mình. Đừng giết thì giờ lối đàn bà. Và trong khi hần ngồi viết như thế có nhiều người đang chết. Nghe tôi nói Quang buồn lắm, hai tay hần lúng túng vụng dại. Hần tâm sự với tôi về gia đình của hần. Mẹ hần nghiện thuốc phiện, hần còn chị cả chưa lấy chồng, một đứa em trai học cùng lớp và bốn đứa em nhỏ. Gia đình nghèo túng, hần đang nộp đơn xin việc. Hần tiếc không được theo đuổi học hành và biết mình không đủ thông minh, tinh thần để tự học. Đứa em trai học ngang hần thông minh xuất sắc hơn hần. Hần thú nhận rằng bản chất của hần là yếu đuối không thể sống mà không nương tựa vào kẻ khác. Có phải ai cũng phá vỡ được hiện tại của mình để phiêu lưu vào tương lai đâu. Tôi bảo hần tôi là người rất ghét nghe chuyện tâm sự. Tôi không nghèo nàn đến nỗi phải giả bộ sống bằng những mẫu chuyện tưởng tượng của kẻ khác. Nội đời của tôi đủ cho tôi sống chưa hết, đủ cho tôi biết thế nào là khổ sở, là ý nghĩa của kiếp người. Đời hần là của hần, hần phải tự nhận lấy mà sống, tôi không can dự gì hết. Rồi tôi mỉm cười nói cho hần biết thật ra sự khổ sở của hần cũng chẳng lấy gì thâm lắm. Sau buổi nói chuyện ấy chúng tôi yên lặng nhưng vẫn chơi với nhau.

Mùa hè, tôi và Quang thân mật với nhau hơn, chiều chiều tôi đi chân với Quang về qua nhà hần. Nhà Quang ở là buồng trong một căn nhà bị trái phá bắn sục phía ngoài. Gạch ngói được xếp đống gọn gàng, nhưng cỏ hoang mọc bừa bãi trên nền đất. Tôi dậy thêm mấy đứa trẻ hàng xóm cùng lũ cháu và chị tôi mua cho tôi được một chiếc xe đạp cũ. Thịnh thoảng tôi đèo Quang xuống Hồ Tây tắm. Hần không biết bơi chỉ ngồi trên bờ trông quần áo cho tôi và mơ mộng. Một bữa tôi nhất định kéo hần xuống nước, hần suýt chết đuối nếu tôi không bình tĩnh. Lên bờ mặt hần tái mét thờ không ra hơi. Khi về hần bảo nếu chẳng may hần chết hôm ấy gia đình sẽ cho là hần tự tử vì thất tình. Cô hàng xóm hần để ý vừa bỏ nhà theo trai. Tôi cười riêu nói rằng chỉ những anh chàng yếu đuối mới cần ái tình làm chỗ trốn thân phận và mới thất vọng ê chề. Người ta dễ yêu nhất vào trường hợp nào? Khi người ta thất bại, khi người ta sợ phải chịu đựng kiếp sống một mình nghĩa là khi người ta bỏ chạy. Quang không bày tỏ ý kiến. Tôi đưa hần về nhà và đạp xe đi chơi.

Thành phố Hà Nội đông đúc hơn trước. Buổi tối đã nhiều người dạo mát quanh bờ Hồ và những phố buôn bán. Tôi ra bờ sông, lên nằm dài trên một đống cát còn ướt người ta vừa lấy ở dưới sông lên. Tôi nằm im và buồn không muốn cử động.

Ít hôm sau Quang từ biệt tôi để đi làm. Hần xin được một chân Công An, hần nhìn tôi dò xét ý kiến. Tôi chẳng quan tâm. Hần cười cho biết thêm nhiệm vụ của hần là ngồi bàn giấy biên chép tên những người hồi cư. Hần phải lên quận VT thuộc tỉnh Sơn Tây. Hần muốn được cùng tôi đi chơi. Tôi từ chối vì vốn ghét cái không khí những buổi chia tay. Hần bắt tay tôi về nhà thu xếp hành lý. Tôi chúc hần may mắn.

Thịnh thoảng được ngày nghỉ về Hà nội Quang vẫn tìm gặp tôi. Nhưng chúng tôi chẳng biết nói chuyện gì với nhau nên những cuộc gặp gỡ hết sức ngắn ngủi và tẻ nhạt. Hồi này tôi được một người quen cũ của gia đình giao cho trông nom một tràng than. Công việc bận rộn suốt ngày, tôi không còn thì giờ nghĩ ngợi lãng nhãng. Lần gặp cuối cùng tôi thấy Quang đen và vững chãi hơn trước, tôi bảo hần biết điều ấy. Quang mỉm cười nhưng con mắt thì vẫn buồn một vẻ thản nhiên.

Khoảng hơn tháng sau tôi đọc báo thấy tin quận VT nơi Quang làm việc bị tấn công trong đêm tối, tất cả nhân viên trong quận đều bị bắt mang đi. Tôi muốn tới hỏi thăm gia đình Quang song lại thôi vì nghĩ không quen ai. Tôi qua lại nhiều lần căn nhà đổ nát nhìn vào trong thấy ánh đèn thấp thoáng rồi không vào. Tôi bỏ đi trong các phố tối nhiều cây. Trời đã lại mùa đông rét ngọt. Tôi hút nhiều thuốc đến buồn nôn. Khi trời đã khuya lắm, tôi lạnh nổi gai ốc cùng mình, ngực

còn cào khó chịu. Tôi phải ngồi dựa vào cửa một căn nhà và oẹ cho nôn mửa, nước mắt nước mũi đầm đìa. Tôi ngoẹo đầu vào tường đá hoa ngửi ngoi để chịu. Trước mặt tôi là cái cầu đá xe lửa cao và rét với những làn cổng đục tối om. Nôn xong tôi lại hút thuốc lá. Người tôi nhẹ như khói. Tôi không nhớ tại sao tôi lại về được đến nhà lúc nào.

Công việc bán than không chạy, tôi nghỉ việc và lại ra thư viện. Phòng đọc sách nhiều người đến làm việc hơn trước. Tôi không còn chiếm được chỗ ngồi cố định thường lệ nữa. Và lại tôi cũng không còn muốn ngồi suốt ngày vì không được ngồi cô đơn. Trong dịp này tôi gặp và quen Tuấn - em trai của Quang. Đúng như Quang nói, Tuấn thông minh lanh lẹ hơn Quang. Hắn hay đọc sách chính trị và có nhiều cao vọng. Tôi không thích Tuấn nhưng thường nói chuyện với Tuấn nhắc tới Quang. Tuấn chê anh là an phận, tầm thường. Đối với tôi Tuấn cũng coi là cùng một loại. Tuấn cho rằng muốn làm được việc lớn nhiều lúc phải hy sinh những người thân của mình dù có phải làm cho họ khổ sở, không phải là ích kỷ, vì việc làm của mình sẽ có ích lợi cho một số người nhiều hơn. Nên mặc dầu biết gia đình nghèo túng, Tuấn vẫn không muốn đi kiếm tiền giúp gia đình sợ làm lỡ dở sự nghiệp to tát sau này của mình. Tôi không bao giờ nói gì với Tuấn hết.

Sáu tháng sau ngày bị bắt Quang trốn thoát trở về Hà Nội. Tuấn cho tôi biết tin. Quang đi bộ rờn rã một tháng trời và lạc ở rừng chịu đói chịu khát cho tới khi không bước được nữa phải bò phải lết. May gặp quân tuần tiểu Pháp nhặt được đưa về Hà Nội. Quang sắp chết và hiện nằm ở bệnh viện Đặng Vũ Lạc, Hàng Cỏ. Tuấn nói tại sao Quang có thể ngu dại chỉ vì gia đình mà liều lĩnh đến chết. Tôi tức giận mắng Tuấn là thằng bất nhân bất nghĩa. Tuấn sững sờ không ngờ tôi hung tợn làm vậy. Tôi nói nếu Tuấn xác láo nữa tôi sẽ trừng trị Tuấn đích đáng. Đòi người không thể giảm lược theo mấy nguyên tắc về chính trị tư tưởng hay triết học, người ta không phải bắt buộc sống theo một vài khái niệm sẵn có. Tương lai không phải là con cáo ộp dưng để dọa và bóp chết hiện tại. Phải làm đầy hiện tại, làm đầy... Tôi tới ngay nhà thương. Đẩy cửa buồng vào, tôi trông thấy một bộ xương trần truồng. Thịt không còn, da teo lại cháy xém, những đầu khớp xương nhô ra. Trên mặt râu tóc xồm xoàm, khô cứng. Tôi chỉ còn nhớ Quang nơi hai con mắt vẻ buồn vẫn thản nhiên. Quang cười, răng nhe ra vàng ớn, lợi đỏ và dài. Quang không nói được. Tôi lấy tấm chăn mỏng phủ lên người Quang, lát sau mẹ của Quang trở vào. Mặt và môi bà thâm xịt nhưng mắt đỏ hoe hai tay gầy guộc run rẩy. Bà kể lể biết bao nhiêu nỗi đau lòng. Bà lật lại chỉ cho tôi trông những khuỷu tay khuỷu chân trầy loét cả xương. Tôi vẫn trông vào mắt Quang, mắt Quang vẫn đảo được và Quang quay mặt đi. Quang không thể cựa quậy, không thể mặc quần áo được. Quang tỏ dấu cho mẹ im lặng. Hai hôm sau Quang chết.

Đám ma Quang đưa vào buổi sáng. Đêm hôm trước tôi không thể ngủ. Sáng tôi dậy trước cả những chuyến xe điện. Tôi nhảy chuyến xe đầu tiên lên phố. Buổi sáng mùa hè mát mẻ, bánh xe lăn rần rần, tiếng chuông điện kêu riu rít. Tôi đứng tựa sau xe cạnh thùng mủng của vài người từ ngoại ô vào. Những người ấy xuống chợ Đồng Xuân, tôi còn lại một mình. Qua Hàng Đào, căn nhà đồ nát đầu phố đã biến mất mang theo cả những mảnh vải rách rưới, tôi mua vé đi hết đường. Hành khách buổi sáng thưa thớt. Tàu băng ngang thành phố để lại ra ngoại ô. Tàu chạy sát vào những mặt nhà thấp chưa tỉnh hẳn. Tôi cứ nhìn vào sự chuyển động ấy mà thấy chóng mặt. Ở trạm nghỉ cuối cùng tôi bước xuống vỉa hè sứt mẻ, dưới đường cát bụi lồi lõm. Tôi đi bộ vào trong làng để đến nghĩa địa, khu đất rộng ở trên một gò cao. Từ đây tôi có thể quan sát cảnh vật chung quanh, một vài người đứng trơ vơ giữa đồng rộng và một khu đồn rào nữa.

Trên cỏ sương hãy còn ướt, một vài lỗ đất đã đào sẵn sâu hoắm. Tôi trải lá và giấy dưới một gốc cây ngồi đợi đám ma của Quang. Một quá tôi có ngủ đi mất một lúc. Bàng hoàng tỉnh dậy đám ma vẫn chưa tới. Nhiều tiếng chim hót trên đầu. Đã nhiều năm tôi không để ý nghe tiếng chim hót bao giờ. Tôi đứng lên và lắng tai. Xa xa thoảng lại cả tiếng xe điện chạy và tiếng chuông vội vàng. Từ phía rặng cây ở chân trời con đường đất tiến lại qua mắt tôi. Một thứ tiếng động âm ỉ không biết phương nào đưa tới. Tiếng động rõ dần làm rung chuyển mặt đất lan tới chỗ tôi đứng. Một đoàn chiến xa xuất hiện bò lù lũi. Mặt đường bị đào lên. Đoàn xe càng tới

gần tôi càng dính tai nhức óc. Thân thể tôi cũng rung lên như mặt đất mỗi lúc một dữ dội. Tôi nghẹn ngào và lại nằm lẩn xuống cỏ. Chân tay mặt mũi tôi như bị cào cấu bởi những móng tay sắc. Lát sau thì cảm giác tê dại. Trong tận cùng của cơ thể sự vùng vẫy từng hồi yếu dần và lịm đi. Tôi nhắm mắt vì nắng rực rỡ ở trên mi. Đầu óc tôi rất sáng. Giá lúc ấy người ta mang chôn tôi, tôi cũng biết nhưng không thể nào làm gì để chống lại.

[Trích lại từ Khởi Hành, số Tháng Tám, 2004]

Biến cố thứ nhất của văn học thời hậu chiến Phạm Xuân Nguyên

Bài viết sau đây của Phạm Xuân Nguyên vốn là một trao đổi với Trần Mạnh Hào cách đây 12 năm, song trong chưa được công bố. Nhân bài “Sự lập lờ trong đánh giá về Thanh Tâm Tuyền” của Vũ Đức Tân vừa đăng trên *Người Hà Nội* số 38, ngày 22.9.2006, tác giả Phạm Xuân Nguyên gửi đến talawas bài viết này.

Talawas

Trong bản tham luận nhan đề “Từ Thơ Mới đến thơ hiện đại” đọc tại cuộc hội thảo “Vấn đề tính dân tộc trong thơ Việt Nam hiện nay” do Trường viết văn Nguyễn Du tổ chức (Hà Nội, 14/4/1994), sau đăng lên ở tạp chí *Nha Trang* (số 25, tháng 7–8/1994), tôi viết về nhóm *Sáng Tạo* và Thanh Tâm Tuyền như sau: “Nhóm văn nghệ sĩ tập hợp quanh tờ tạp chí *Sáng Tạo* (1956-1961) chủ trương làm “văn nghệ hôm nay” trước hết là thơ. Họ kêu gọi đoạn tuyệt Thơ Mới (gọi là thơ tiền chiến), họ tuyên bố làm thơ bây giờ. Nhà thơ tiên phong của nhóm, người triệt để thí nghiệm thơ tự do – thơ bây giờ, Thanh Tâm Tuyền, cho ra ngay tập *Tôi không còn cô độc*, ‘biến cố thứ nhất của văn học thời hậu chiến’ (Cao Thế Dung)”.

Anh Trần Mạnh Hào trong bài “Lại bàn về thơ hiện đại” đăng báo *Nhân dân chủ nhật* (số 45, 6/11/1994) viết về vấn đề này như sau: “Trong dòng văn học chính thống của miền Nam Việt Nam, Thanh Tâm Tuyền giữ một vị trí khá quan trọng. Về thơ, ông là ngọn cờ của nhóm *Sáng Tạo*”. So với bài trao đổi với tôi trước đây đăng ở báo *Văn nghệ* (số 38, 13/8/1994), lần này ý của anh Hào về Thanh Tâm Tuyền không khác nhận định của tôi, có phần lại còn mạnh hơn.

Tôi viết tiếp trong bài của mình: “Dù sao, thơ tự do của nhóm *Sáng Tạo* đã đạt được những bước đi đầu tiên, đã bắt đầu làm rạn nứt nếp quen sáng tạo và thường thức thơ lối tiền chiến, đã hé mở cho thơ một lối đi tìm mình, như vậy, cách hơn ba thập niên trước, thơ Việt đã nhúc nhích đi tới hiện đại”.

Ở bài mới này của mình, Trần Mạnh Hào muốn bác lại nhận định trên của tôi bằng cách “nêu ra một vài nét về hành trình thơ của ông (tức Thanh Tâm Tuyền - PNX) nhằm giúp bạn đọc thêm tư liệu nhận ra chân, giả”. Và anh Hào đã trả lời câu hỏi: Thanh Tâm Tuyền là ai về mặt thơ ca? theo cách hiểu của anh. Bây giờ tôi sẽ đưa ra câu trả lời của tôi cho câu hỏi đó.

Trước khi vào vấn đề tôi xin giới thuyết thơ hiện đại theo quan niệm của tôi. Thơ hiện đại là thơ dụng chữ, không phải dụng ý, là thơ chủ cảm không phải chủ hiểu. Nhóm *Xuân thu nhã tập* là bước đi thứ nhất có tổ chức theo hướng này để làm mới thơ, hiện đại hoá thơ. Thơ Mới và thơ sau thời nó tuy nội dung rất khác nhau (mà thế tất là phải khác) nhưng về thi pháp lại cơ bản giống nhau, một thứ thi pháp “chủ yếu mang tính đơn tuyến, đơn nghĩa và một tính mục đích quá rõ ràng nhằm diễn đạt một ý đồ có sẵn” (Lê Đạt). Ý kiến nói rằng sau thời 1932–1945 thơ Việt chủ yếu vẫn nằm trong vòng hoặc vẫn chịu áp lực mạnh của Thơ Mới chính là nói theo tinh thần này. Nhóm *Sáng Tạo* là bước đi thứ hai có tổ chức nhằm muốn phá “vòng vây” của loại

thơ tuyển tính đó.

Trở lại thơ ca Thanh Tâm Tuyền, muốn biết ông đã hiện đại chưa, hiện đại đến mức nào, cần phải xét đến:

- 1) Những ý kiến của ông bàn về thơ.
- 2) Sáng tác thơ của ông.
- 3) Đánh giá, nhận xét của giới văn học về ông.

Tôi xin lần lượt đi qua ba mặt đó:

1. Thanh Tâm Tuyền cùng các thành viên của nhóm *Sáng Tạo* đầu những năm 60 đã có các cuộc thảo luận về văn nghệ tiền chiến ở Việt Nam, về ngôn ngữ mới trong hội họa, về nhân vật trong tiểu thuyết và về thơ bây giờ. Các cuộc thảo luận đó nhằm mục đích “*thanh toán với thế hệ trước, xác định lại giá trị đích thực của nghệ thuật tiền chiến, khơi mở một con đường tiến tới trước nghệ thuật hôm nay. Một nghệ thuật để con người chinh phục thân phận của chính mình. Một nghệ thuật mang trong nó sự vận động biện chứng của huỷ diệt và sáng tạo*”.

Trong cuộc bàn về thơ, khi đi tìm một định nghĩa cho thơ bây giờ, Thanh Tâm Tuyền nói: “Thơ bây giờ vẫn giữ cái phần tinh túy của thi ca từ xưa đến giờ. Hegel nói thơ là phần nghệ thuật trẻ nhất của nhân loại. Thời đại khi báo một tương lai mới là lúc thơ phát triển mạnh nhất. Thơ là một tiếng nói hoà đồng. Thơ dẫn vào một thế giới hoà đồng. Ở thơ không thể có không khí của một thế giới bất trắc. Thơ bây giờ cũng vậy. Không muốn rơi vào ngõ bí, phải tìm thấy một niềm tin tưởng dù có thể hết sức ngây thơ. Một xã hội báo hiệu diềm chết nếu không có thi ca. Thi ca báo hiệu sự sống tương lai”.

Đây là về nội dung, còn về hình thức, ông thấy: “Thơ bây giờ là một sự xáo trộn ngôn ngữ. Ta phải ghi nhận công của phái siêu thực Tây phương đối với ngôn ngữ. Tôi làm thơ, ngoài mỗi ám ảnh chung về tư tưởng đức lý nói trên, còn theo đuổi một mỗi ám ảnh về ngôn ngữ. Nhà thơ còn đóng một vai trò trong đời sống ngôn ngữ dân tộc. Nhà thơ tầm thường là thợ ngôn ngữ. Có tài là kẻ sáng chế ngôn ngữ. *Thắc mắc của tôi là thơ bây giờ có tạo được một ngôn ngữ mới không?*”. Trước câu hỏi của một đồng nghiệp nêu lên: Tại sao phải đổi mới thơ?

Thanh Tâm Tuyền trả lời là vì mỗi thời đại có một ngôn ngữ thơ riêng và ngôn ngữ thơ bây giờ hoàn toàn khác hẳn ngôn ngữ thơ thời tiền chiến.

Ông giải thích: “*Tại sao bây giờ còn những người cảm được những bài thơ tiền chiến của Xuân Diệu, Huy Cận, một thứ ngôn ngữ tôi xếp vào loại ngôn ngữ đã chết rồi. Lý do giản dị là ở người đọc chứ không phải ở nhà thơ. Nhà thơ đã không vượt qua được thời đại mà người đọc thì đã sống lùi thời đại mình. Còn bảo rằng ngôn ngữ Xuân Diệu, Huy Cận hay bất cứ một nhà thơ nào thuở trước giống ngôn ngữ thời nay chỉ là vì đã quan niệm nhầm lẫn về ngôn ngữ thi ca. Không nên quan niệm ngôn ngữ thi ca bằng những từ ngữ riêng rẽ. Nhà thơ nào cũng phải dùng những tiếng: em, anh, chúng ta v.v..., một số ngữ vựng chung, không thể đặt những chữ mới. Nhưng cái chứa đựng của từ ngữ đã biến đổi theo toàn thể cơ cấu bài thơ, và ngôn ngữ thi ca là toàn thể cơ cấu đó. Cho nên nhà thơ ngày nay có thể dùng những chữ rất cổ, nhưng những chữ ấy đã có một đời sống mới trong thơ bây giờ*”.

Thanh Tâm Tuyền đừng nên hỏi thơ bây giờ có lập dị hay không vì đó là “*một giả vấn đề che đậy những thiên biến của những tâm hồn nông cạn*”. Vấn đề là ở chỗ khác: “*Tại sao không hỏi thơ bây giờ có làm mình cảm được hay không? Giả thiết tận cùng lý luận, nếu lập dị mà vẫn cảm được thì sao không nhận cái lập dị ấy? Nhưng nói thế tôi không bảo thơ bây giờ lập dị. Và lại vấn đề rung cảm còn phải đặt với thời đại của nó*”.

Thanh Tâm Tuyền cho Thơ Mới chỉ là biến dạng của thơ cũ bởi vì “*Trong Thơ Mới cái tâm hồn thi nhân của quá khứ vẫn còn được lưu truyền*”. Ý kiến này cực đoan nhưng không phải không hiểu được nếu chúng ta biết đòi hỏi “*thoát*” Thơ Mới đến tận hôm nay vẫn đang là vấn đề đối

với thơ Việt. Trên tinh thần ấy Thanh Tâm Tuyền khiến cho Hoài Thanh đã “không sao hiểu nổi cái độc đáo nơi con người thi sĩ” Hàn Mặc Tử. Nghĩa là Hàn Mặc Tử, đối với Thanh Tâm Tuyền, mới đích thực là Thơ Mới. Nhận định này của ông khớp với các nghiên cứu về Hàn Mặc Tử từ trước đến nay. “Tâm hồn thi nhân” của họ Hàn, nhất là ở phần thơ Đilen, là chưa từng có trong thơ Việt truyền thống. Không thể đi vào hồn thơ Hàn Mặc Tử nếu không có lối ngộ tôn giáo, tâm linh. Thanh Tâm Tuyền và bạn bè ông ở nhóm *Sáng Tạo* đề xướng thơ bây giờ là muốn có được cái độc đáo như ở Hàn Mặc Tử. Đối với họ “thơ không còn là cứu cánh của đời sống, thơ chỉ còn là phương tiện để họ vào sâu trong ý thức gặp mình, gặp được đời sống và may ra gặp được hồn người”. Thơ đó có thể hàm súc, linh diệu, có thể tối tăm, kỳ bí – Thanh Tâm Tuyền đã đi giữa hai bờ ấy khi thành khi bại. Ông là người triệt để, nhất quán từ lý luận sang sáng tác trên con đường thơ tự do mà nhóm *Sáng Tạo* mở ra cách đây gần bốn chục năm. Lẽ cố nhiên thành để lại kết quả, bại để lại kinh nghiệm, trường hợp Thanh Tâm Tuyền là một thực tế không thể bỏ qua khi nghiên cứu sự vận động của thơ Việt sau thời Thơ Mới.

2. Thời kỳ 1954–1975 Thanh Tâm Tuyền chỉ có hai tập thơ: *Tôi không còn cô độc* (1956) và *Liên đêm mặt trời tìm thấy* (1964). Chỉ riêng tựa đề tập thứ hai một nhà phê bình năm 1967 đã phải luận đoán như sau: “đây phần lớn là cái áng thơ mà tác giả đã sáng tác nhân cuộc tình duyên với một người (LIÊN), nhân khoảng thời gian đen tối sau khi người đẹp rũ áo bỏ đi (ĐÊM) và nhân lúc chợt khám phá ra một tình yêu mới (MẶT TRỜI TÌM THẤY)” (Phạm Việt Tuyền). Ở tập thơ đầu, Thanh Tâm Tuyền ý thức rất rõ việc ông đang làm là khai phá một vùng đất mới. Ông tuyên bố với các khách thơ: *Ở đây tôi là vị hoàng đế đầy đủ quyền uy. Bởi vì người vào trong đất đai của tôi / người hoàn toàn tự do / để cai trị tôi có những luật lệ tinh thần mà người phải thần phục nếu người muốn nhập lãnh thổ / người hoàn toàn tự do / và có thể ném cuốn sách ra cửa sổ.* Khi định nghĩa một bài thơ hay ông viết:

Hoàn thành bao nhiêu tác phẩm

Chỉ để sau rút kết luận một lời

Anh hãy từ biệt mọi người cho đẹp bằng tác phẩm của anh

Một câu thơ hay tự nhiên như lời nói

Bài thơ hay là cái chết cuối cùng.

Quả thật, tập *Tôi không còn cô độc* đã chứng tỏ được tài năng và tầm vóc của Thanh Tâm Tuyền từ hồi bấy giờ, do đó đã gây được một ảnh hưởng đáng kể về sau này...

Ở tập sau, Thanh Tâm Tuyền nói rõ hơn thế nào là thơ tự do. Đó là thứ thơ “không gieo vần lối đồng âm đồng thanh, vần của nó là vần ẩn giấu cách xa (có thể đi tới khác âm nghịch thanh), nhịp điệu của nó là sự phối hợp của một toàn thể không khuôn trong một số câu nhất định khiến cho hơi thơ tự do dễ kéo dài hơn các hơi thơ khác”. Trong thơ tự do có “nhịp điệu của hình ảnh” và “nhịp điệu của ý tưởng”, cả hai là “sự thể hiện của nhịp điệu của ý thức”.

Để có khái niệm về thơ tự do Thanh Tâm Tuyền, tôi xin dẫn ra đây một bài.

Tĩnh vật

Mẫu bánh mì ở góc bàn

Và cốc nước trong như mắt đẹp

Thôi để giấc mơ lên cỏ hoa

Hiện hình nổi chết

Từ ngón tay

Hết cả niềm hồn hậu

Người đau bằng màu bằng âm thanh

Những ngày nghèo đói

Ăn mày
Cổ sức tiếng cười trên cổ nổi
Tóc mai
Phố nhỏ lên chiều mãi nhớ thương
Người nhỏ muôn ngàn giấc máu ra khỏi ngực
Là tĩnh vật
Kể đi ngoài kia la vào mồm
Sống.

Bài này đăng trên tạp chí *Sáng Tạo*, số Xuân 1957. Gần bốn mươi năm trước đọc nó chắc nhiều người ngỡ ngàng không biết nhà thơ định nói gì. Đọc đi đọc lại hình như có một nỗi niềm buồn đau, hoang mang nào đó bàng bạc khắp cả bài thơ.

Vấn Phạm Việt Tuyên nhận xét: “Theo hiểu ý, những bài thơ thành công nhất của Thanh Tâm Tuyên không phải là thứ thơ dễ hiểu nhằm mục đích giảng giải, kể lể, mô tả, kích động, để thỏa mãn lý trí hay lương tâm, mà là thứ *thơ thuần túy*, có một tiềm lực huyền bí tạo ra niềm hứng khởi nâng tâm hồn con người hướng lên cái hay cái đẹp siêu việt gần như nhiệm màu. Đây là thứ thơ phải hiểu bằng trực giác, phải nhờ tưởng tượng và tình cảm để nếm cái khoái trá bí mật nhưng có thật đối với những kẻ định dùng cân lượng của văn xuôi mà đo lường...”. Tôi thấy nhận xét này đúng với tinh thần thơ Thanh Tâm Tuyên và chỉ đúng cách đọc thơ hiện đại.

3. Cuộc làm mới thơ táo bạo, quyết liệt của Thanh Tâm Tuyên, cố nhiên, đã gây dư luận sôi nổi trên văn đàn miền Nam cuối những năm 50 đầu những năm 60. Nhà thơ trẻ tuổi (ông sinh năm 1936) gốc xứ Nghệ này không để cho người ta thờ ơ, buộc ai đã đọc đều phải lên tiếng khen chê, bàn cãi gay gắt. Trong rất nhiều bài viết về Thanh Tâm Tuyên trước 1975 ở miền Nam, tôi chú ý bài phê bình nghiêm túc, thẳng thắn của Cao Thế Dung. Ông viết:

“Thanh Tâm Tuyên là một nhà thơ hay chỉ là nhà văn? Chúng tôi xin nói thẳng ra rằng, ông là một nhà văn hơn là một nhà thơ. (Điều này Thanh Tâm Tuyên cũng đã có lần tự nhận – P.X.N). Một nhà văn có một tâm hồn thơ, có cảm quan thơ và có nghĩ về thơ. Vậy thì thơ ông ra sao?... Thơ ông thì không phản ánh được ý nguyện của ông. Nhưng khi Thanh Tâm Tuyên trở về với thực chất thuần thể Thanh Tâm Tuyên thì thơ ông quả là tiếng thơ không những mới mà còn đủ cao điệu của tầm vóc thơ”. Nhà nghiên cứu kết luận: “Về thơ - với thơ tự do và *Tôi không còn cô độc* – Thanh Tâm Tuyên đã có một thời vàng son, và thời ấy đã đi qua dĩ nhiên không bao giờ trở lại. Nhưng nhất định thi phẩm đầu tay của Thanh Tâm Tuyên phải là một trong những biến cố thứ nhất của văn học thời hậu chiến”.

Sau 1975 các tác giả ở hải ngoại mỗi khi có dịp nhìn lại văn học miền Nam 1954–1975 đều có nhận định, đánh giá về trường hợp Thanh Tâm Tuyên. Trong bài viết về nhóm *Sáng Tạo* (*Hợp Lưu*, số 16, tháng 4–5/1994) Trương Vũ viết:

“Những bài thơ của ông quyến rũ nhiều độc giả. Hiểu được hay không, cảm được hay không, qua thơ Thanh Tâm Tuyên, họ bắt đầu tin rằng thi ca có một cái cõi khác, ngoài cái cõi thi ca mà họ vốn biết. Điều đó kích động sự tìm tòi của nhiều người. Những người mới làm thơ sợ những nét ước lệ hơn trước. Đồng thời, miền Nam cũng bắt đầu có nhiều thi sĩ làm thơ thật lạ lùng, so với trước đây. Có nhiều bài thơ hay cũng như có rất nhiều bài dở. Thơ dở không ai nhớ, nhưng những bài thơ hay đã làm giàu cho nền văn học ở miền Nam, thật ra còn khá nghèo so với nhiều nền văn học khác trên thế giới”. Về thơ Thanh Tâm Tuyên viết ở hải ngoại với bút danh Trần Kha và ở trong tập mới in năm 1990, Trương Vũ nhận xét: “Những bài thơ sau này của ông tuyệt vời. Bây giờ ông là một nhà thơ tự do đúng nghĩa. Ông không tránh né thơ cổ điển. Ông làm thơ lục bát, thơ ngũ ngôn, thơ thất ngôn... và dĩ nhiên rất nhiều thơ tự do. Gần như bài nào cũng đặc sắc. Và, vẫn là thơ Thanh Tâm Tuyên. Tôi cho rằng ông là người vẫn tiếp tục đi tới trên con đường rất khó mà ông đã chọn”.

Nhận xét của Cao Thế Dung và Trương Vũ, theo tôi, đã nói được khá chính xác giá trị thơ Thanh Tâm Tuyền và ý nghĩa cuộc đời mới thơ của ông đối với thơ Việt miền Nam nói riêng và thơ Việt nói chung. Nhân đây về trích đoạn thơ Thanh Tâm Tuyền gửi Thi Vũ tôi muốn lưu ý Trần Mạnh Hào hai điều. Thứ nhất, Thanh Tâm Tuyền viết “thái độ đối với thơ không chính” chứ không phải “thơ không chính”. Thứ hai, Thanh Tâm Tuyền có quyền “vô trách nhiệm” với mình như vậy nhưng người nghiên cứu thì không được quyền dựa vào đó để “vô trách nhiệm” với lịch sử văn học. Tác phẩm đã hiện hữu phải được đối xử đúng với hiện hữu của tác phẩm. Những lời tuyên bố, sự khẳng định hay sự phủ định của tác giả không thêm bớt được gì nhiều vào giá trị tự thân của tác phẩm đã sinh tồn.

Thanh Tâm Tuyền cùng nhóm *Sáng Tạo* là một hiện tượng của văn học miền Nam thời kỳ 1954–1975. Trong nền văn học ấy còn nhiều hiện tượng khác. Đặt trong tiến trình văn học dân tộc để khảo sát các hiện tượng đó là một yêu cầu lịch sử và khoa học. Một thái độ thiện chí, khách quan, khoa học khi tiếp cận đối tượng nghiên cứu ở đây sẽ giúp ích nhiều cho văn học. Và không chỉ cho văn học.

7. XI. 1994
© 2006 talawas

Trên mây

Tia nắng đậu trên gáy bắt đầu đốt nóng. Nước bồ kết nâu vàng bọt, mái tóc lật rũ quần queo lờm xờm. Thành chậu nhôm trắng còn dấu những vết tiện xoay tròn như chỉ đĩa hát. Nửa miếng gạch tàu viền xi măng lồi giữa hai ống quần đen ướt, những ngón chân móng đỏ húp. Bồ kết nồng hắc làm rít những sợi tóc trong răng lược khó gỡ. Lan bóp món tóc xơ xác vượt xuôi nắm chùm quay tròn, mặt nghiêng nghịch: trên đầu bờ tường ghim mảnh chai xanh và những cửa sổ đóng của tòa lầu cao trong nắng. Tóc quật phạch phạch rào rào như cánh quạt máy bay đang khởi động.

Con Năm ở ngoài nhà, đi vào, bước xuống sân, đến ngòi sau lưng, lấy khăn áp lên gáy.

"Xối nữa cho tao".

Nước lăn rờn rờn xuống mặt mũi, sau nhắm mắt như được nhấc bổng trong một vùng hơi nhẹ tênh của mùa hè nhà quê, buổi trưa cao im trên các ngọn tre rợp phủ mặt đường đất. Móng tay con Năm cào sát xuống da đầu tê điếng. Nước luồn qua cổ xuống ngực thấm ướt áo lẫn với mồ hôi như tắm, vú không nịt buồng thông đưng đưa, Lan mím môi giữ chặt mỗi xúc động đang lan mất hút. Còn gì đâu? Lan quơ giật cái khăn trên tay con Năm, lau mặt, vò tóc, rồi đứng lên. Hai chân mỗi tê, khom lưng, cầm chùm tóc quay phần phật trong không khí. Những sợi vàng cứng vì uốn hấp nhiều lần như loài dây leo khô quấn trên các hàng rào nắng bụi. Ngày kia khi tóc bạc thật khó coi, có lẽ phải cạo đầu buộc khăn như mấy bài vải.

"Ai vô hồi này đó?"

"Một ông hỏi cô Tuyết".

"Mày nói sao?"

"Nói cô Tuyết đi khỏi. Ông này coi bộ lạ mặt chưa tới đây lần nào".

"Cô Tuyết biết không?"

"Cô ấy nằm trong giường, có cậu gì ở đó mà".

Lan giẫm chân đất, leo lên thềm, ngồi bệt xuống gạch ngang ngưỡng cửa hong tóc. Dưới sân nắng, con Năm đổ nước, lấy chổi quét, tiếng chổi quẹt quẹt cùn mòn. Qua cửa phòng mở, Hội ngủ trên giường, ngáy đều đều, đầu tuột khỏi chiếc gối mềm trũng giấu cánh tay giăng ngang bỏ không, thân ngửa phơi trần chỉ mang chiếc xi-líp nhỏ xíu, hai chân duỗi xòe mở theo hình quạt. Chàng ngủ ngon lành như đứa con trai mới lớn, thân dưới dầy động cứng mạnh. Anh chàng đang mộng gặp đàn bà, Lan nghĩ. Buổi trưa êm tĩnh tuyệt vời trùm khắp hàng phố, trên các mái ngói lô xô, những mặt lầu khu phố sau lưng. Con Năm đi lên nhà, lén nhìn vào buồng giấu mặt cười, tới gần khoảng ngăn với buồng, chọn chỗ sạch trên lối đi, nằm lẩn trên gạch nghỉ ngơi.

Buồng ngoài Tuyết gây gỗ trở lại với thằng bồ. Chỉ tại thằng đàn ông hồi nãy tới khuấy lên cuộc cãi lộn tưởng đã im. Chúng ào ào, xoay trở, chốc chốc phát lớn tiếng.

"Về đi cho tao ngủ mày. Tao mệt rồi".

"Tao không về, mày làm gì".

"Không về thì nằm yên. Đừng động về người tao".

"Mày làm tàng với tao..."

Chúng vật lộn như sắp đánh nhau tới nơi. Thằng "lòi" thật dữ tợn, "cao bồi" có hạng. Con Năm góc đầu nghe ngóng, liếc về phía Lan.

"Năm, xuống mua nước mía uống mày. Lấy cái ca bự..."

Con Năm uể oải ngồi lên, móng chân nó cũng bôi thuốc, ngực nó dướn căng.

"Nguyên chất nghe Năm".

Nó trở xuống bếp, lén dòm vào chỗ Hội nằm, đi chậm bên cạnh tấm màn hoa che kín giường của Tuyết. Cửa ngoài mở, nắng chóa trên chòm cây ngoài hè hắt vào đến ban công chung chạy dài suốt dãy lầu.

"Mày làm khổ đời tao. Sao mày không bỏ tao cho rồi?"

"Còn lâu. Tao đâm chết mày chớ khi nào bỏ mày".

Lan rùng mình thờ nhẹ. Cái số con Tuyết khôn nạn, nó chỉ gặp toàn những đứa không ra gì. Một chốc Lan phân biệt rõ nhịp động của cuộc ái ân sôi nổi lịm tắt dần vào trong hơi thở ban trưa nghẹn giữ. Mỗi cổ nhưng không dám tựa vào tường, Lan nhặt cây tăm dưới đất cạy móng tay, móng chân. Hội động dầy mê ngủ, nước loang ướt mảnh vải che, da bụng thoi thóp. Lan cười, choài tay khép cửa buồng nghĩ: Anh chàng mệt choáng váng, khó mà tỉnh dậy.

Con Năm bưng ca nước mía đầy, mồ hôi trán lấm tẩm, nói:

"Tắc xi ủi thẳng cha đi xe gắn máy bề sọ, phòi óc. Trông khiếp quá".

"Ờ đâu?"

"Dưới ngã tư, cô ra mà coi".

Lan buộc khăn lên tóc, đi chân đất ra ban công đứng ngó xuống. Tuốt đầu phố đám đông tụ họp dưới đường và trên hè. Bên xe buýt nắng trái vàng lấp lóa. Trong sân ga sau, gió cuốn bụi đất lên cao bên những toa than. Anh Tây già độc thân ở căn kể bên ủ rũ trong bộ đồ xám đen quanh năm, tay ôm cặp sách, bước từ trên xích lô xuống, đi mau ngang hè chui và trong vòm cổng cầu thang. Có lẽ hắn ở tiệm hút vè, leo thang khá lâu, lê bước trong hành lang cắm cúi. Hắn mở khóa vào nhà, đóng cửa lại ngay, không hiểu hắn làm gì một mình trong gian nhà rộng không ai nhìn thấy phía trong.

Bây giờ Tuyết và thẳng bồ lại thăm thi êm ái, trước khi bị vùi xuống giấc ngủ muộn. Lan sang nước mía vào ly để sẵn trên bàn đầu giường cho Hội, Hội vẫn ngủ say, rút người co quắp, hai bàn tay kẹp giữa hai đùi. Chàng có thể làm dơ tấm nệm trắng. Chàng cần ngủ, cần nghỉ ngơi, cần ăn uống, vui đùa. Chàng cũng còn trẻ nhưng không thật tốt. Như thế là đã quá đủ.

Vài phút sau, Hội tỉnh, kêu ọ ọ trong họng và hé mắt. Chàng trải duỗi tứ chi, không nhúc nhích, như nghe ngóng lấy thân thể mình, rồi ngóc nửa mình dòm xuống thân và bật ngã xuống nệm lại, thờ hất mạnh. Lan vào buồng, ngồi ghé xuống mép giường, mím cườì chế nhạo. Hội vẫn lim dim, thờ đều, da mặt của chàng càng nhòe, Lan khuyu hai cánh tay, đóng gông lấy cổ Hội, áp má xuống ngực chàng:

"Kỳ cục hả. Tại em đấy".

Lan cật hai chân lên giường, nhưng vẫn ngồi co nghiêng, nhòai mặt lên úp vào bên cổ chàng, lướt môi trên trái yết hầu nhấp nhô, tóc của Lan còn ẩm bện lại từng lọn buông rủ.

"Tại em? Chứ không phải anh làm xấu".

Hội xoay nghiêng cằm, tránh hàm răng cắn của Lan, vò đầu nằng:

"Em mới gọi đầu".

Lan kéo người lên, đồng thời vòng tay sau gáy Hội lôi theo.

"Dậy đi tắm anh".

Hội như không có xương sống nhào ngã vào Lan.

"Kìa. Coi chừng. Bẩn hết người em bây giờ".

Hội cườì khinh khích, tiếng cườì trửng ròn như nắng rực tươi bên ngoài, rõ ràng và chân thật, tiếng cườì vẫn làm Lan tin cậy. Hội không khi nào dối trá. Cuộc phiêu lưu mạo hiểm của chàng chỉ có một chốn nghỉ là Lan, dù Hội có thể gặp nhiều người đàn bà khác. Chàng còn trẻ, không có gì đáng kể, đáng để ghen tức. Chàng cần được tha thứ vì đời sống bấp bênh vô định, không còn cha mẹ cũng chẳng ai thân thích. Chỉ còn Lan, đi đâu rồi cũng trở về đây để được săn sóc chiều chuộng, trừ khi chàng chết. Lan ném cho Hội cái "sà rông", chàng quán mãi vẫn tụt, bao giờ Hội cũng vụng về trong các việc vụng vặt. Hội bước dềnh dàng hai chân vệt như anh ba Tàu

bán thịt quay.

"Đói quá".

"Nước mía đầy. Anh uống đi".

Hội nốc một hơi cạn ly, bọt trắng dính quanh mép rồi nhe răng cười, hàm răng trắng bóng đều như những hạt na.

Mười một giờ. Hội chạy xồng xộc vào nhà, cởi liệng áo quần, ôm lấy Lan còn ngái ngủ, hôn túi bụi, ghì Lan muốn ngộp. Lan sẵn sàng đón Hội, nhưng Hội còn ngây ngất vì chuyến bay buổi sáng trên dãy Trường Sơn với những khoảng mưa lộng, dữ xô đập lúc lắc thân tàu, Hội nói và rồi ngủ tít. Lan đành ru Hội bằng cơn trốn, còn nàng nổi đập dềnh một mình với những hồi giục giã của thân thể buông không trong hơi nồng nực.

Hội trông ra buồng ngoài, ra dấu hỏi thăm Tuyết.

"Nó đang có bồ?"

Lan đẩy lưng Hội xuống sân, qua quăng nắng lấp lánh, du chàng vào phòng tắm. Hội đứng ngơ ngẩn như không có ý nghĩ trong đầu. Lan tìm mang chậu, khăn, xà phòng vào và móc cửa lại. Trong bóng mờ hắt vài khe nắng, Hội ngồi xồm thu hình như đứa trẻ hãi sợ. Lan giật tung tấm "sà rông", vắt lên dây, cầm chậu thau múc đầy nước trong bể dội ào trên đầu Hội. Chàng đưa tay vuốt mặt liên hồi, cười sằng sặc phun nước phì phì, ngồi bệt hẳn xuống nền xi măng, gỡ những dải buộc xi-lip xoay mình lại làm điệu bộ dọa dẫm và bắt chợt ôm choàng lấy Lan. Lan vùng vẫy.

"Ướt hết. Ngồi yên nào".

Lan bỏ tấm áo cánh ướt, ở trần. Ngoài sân, tiếng chân và tiếng cười của con Năm.

"Suyt, con Năm nó cười..."

Lan nhặt hòn đá nháp mài sát tay chân, lưng bụng của Hội. Hội nhột, co rúm người ngọ nguậy, cố nín cười, bật thành những tiếng khí khí trong cổ. Không nhịn được, Hội vầy nghịch ngực nàng, lấy ngón tay vân vê chòm vú. Lan mím môi trấn tĩnh:

"Xát xà phòng, kỳ lấy đi, ông mãnh".

Hội vầy văng bọt xà phòng vào người Lan bảo: "Để anh làm em thành nàng Bạch Tuyết". Lan đứng nép vào góc tường né tránh, còn Hội vuốt nắm lấy từng mảng bọt ném tới, rơi ở nửa chừng tan dưới mặt đất. Đợi cho Hội đã chán, Lan đến bên bể nước, múc dội ào ào từ đầu đến chân chàng, lau mình chàng bằng khăn bông khô, bắt mặc quần áo và đuổi ra ngoài. Lan nhất định không tắm trước mặt Hội. Còn một mình, Lan tự ngắm thân thể đều hiu tẻ lạnh khó hiểu. Nước đang thoát chảy róc rách trong cống, tường ẩm tỏa hơi mát, Hội thổi sáo miệng đi lên nhà. Lan mím cười hài lòng: Hội vẫn yêu mình. Nếu Hội chết, mình trở thành góa phụ. Hội có thể mất tích và mình vẫn chờ đợi. Lan nhắc thầm như thỉnh thoảng trong những phút hân hoan nàng vẫn nói với Hội: "Cảm ơn Hội, cảm ơn Hội". Lan hát thành tiếng lúc nào không hay, bài hát trong những đêm vắng Hội khi ngồi trong xe của những người khách quen đưa nàng về nhà, Lan cất tiếng ca bằng khuôn nhìn phổ im ngủ, quên người bên cạnh.

Hội đứng chải tóc trước gương, cười rộng khi thấy bóng Lan. Cặp mắt đen ngời như trên cao độ chàng vẫn bay vào biên biệt. Chiếc áo sơ mi mỏng căng trên khung ngực. Từ người chàng tỏa ra ánh trẻ trung đậm thắm làm Lan mê và sợ. Lan ngồi trước bàn trang điểm, chải tóc, khuôn mặt trần mát mẻ, má và môi không tô phủ hiện lên màu xanh tái. Tóc dính ướt chải bẹp,

như một cô bé mười bốn mười lăm. Lan cười hình ảnh ngây ngô trong gương. Hội bơm nước hoa vào ngực gáy, cổ, hai bên thái dương của Lan, nàng níu cổ Hội hôn tham lam vào miệng chàng. Hương thơm đường mía chưa tan trên lưỡi chàng. Mắt Hội nhìn thẳng, mở nguyên như một bầu trời bằng. Buông Hội, Lan cười khanh khách, Hội ngỡ ngác. Lan nghĩ mau: chàng không đứng trên đất, chàng lơ lửng trên mây không bao giờ chàng đáp xuống nên chàng vẫn yêu mình, yêu như bị trời liệt vào giấc mê dài không tỉnh. Đích thực mình không còn chút giá trị nào – một vũ nữ đang dần vắng khách, một đào già – và may mắn bắt được hạnh phúc rơi rải như hoa giấy. Những chùm hoa giấy không hết, rớt mãi, bay tung trong không khí một buổi chợ phiên, chợ phiên không đóng cửa.

"Em mặc jupe nhé".

Con Năm đi ngang qua, liếc vô. Hội khép cửa buồng, không khí dịu nhẹ. Chàng đứng cạnh giường, gương mặt ngấm thân hình Lan phô bày như mới thấy lần đầu. Cả gia tài của mình, của kẻ xấu số, còn chừng đó, niềm vui duy nhất mang đến cho Hội. Chàng trườn ngang nệm, níu tay Lan kéo ngã.

"Coi chừng. Nhàu hết áo anh".

"Cần gì Lan. Đêm qua khi anh bay trông thấy những phố thấp đèn nổi dập dềnh dưới vực tối, mừng ghê..."

Chàng vẫn thốt những lời tình tự đột ngột, không sửa soạn, Lan hoang mang chẳng hiểu rõ ý định. Những lúc ấy Hội nói một mình, thổi những ý nghĩ lông bông nàng không bắt kịp.

"Phải có em ở cạnh anh yêu em liền. Giống như hôm nào từ xa lộ mình nhìn về phía Sài Gòn. Hôm ấy Sài Gòn bay ở trên cao hơn đầu một tí. Còn trên máy bay, đèn bay tan dưới thấp..."

Hội kêu: "Lan, Lan", cù cho nàng phải mở mắt cười ngật nghẹo. Nàng đẩy nâng thân Hội lên, chàng bám cứng lấy hông như còn muốn kéo dài cuộc tình tự. Lan mặc chiếc váy bó màu rêu, đeo xâu chuỗi dài cuốn hai vòng, kêu con Năm đứng ngoài ban công vào coi nhà. Tuyệt và thẳng bồ vẫn ngủ mê mệt.

"Tội nghiệp".

"Em nói gì?"

"Em nói con Tuyệt".

Lan khoác tay Hội xuống thang. Cầu thang chung rác rưởi bẩn thỉu. Dưới gầm là chỗ trú của một ông lão ăn mày. Ban ngày chỉ thấy mấy ống lon và một manh bố trải. Từ khi gặp Hội, bằng lòng cho Hội lên phòng riêng, vào lúc ba giờ sáng và chàng lì lợm ở lại cả ngày hôm sau, dường như Hội không hề chú ý đến Tuyệt ở chung. Chàng lui tới, đi về nằm trên giường, đùa rờn và ngủ. Ban đầu Lan cũng sợ Hội mê Tuyệt, Tuyệt trẻ đẹp hơn, ở tiệm nhảy, nó đứng đầu sổ những vũ nữ có hạng. Dần dần Lan nhận ra vẻ dửng dưng của Hội, chàng không để ý đến Tuyệt. Nhiều đêm, hai ba giờ sáng ở tiệm nhảy về, Lan và Tuyệt còn dong đèn trò chuyện, riêu cợt với nhau về những anh chàng si ngốc theo đuổi bị dối gạt, lúc về phòng, Lan gặp Hội nằm trong màn chờ, không bực dọc, chẳng khi nào chàng bước ra ngoài góp chuyện cả. Thái độ ấy khiến Tuyệt ghét Hội cay đắng, Tuyệt bảo: "Thằng bồ của mày nó khinh người". Một lần say rượu, năm giờ sáng Tuyệt mới về được đến nhà, đập cửa phòng Lan: "Cho tao ngủ chung với. Tao nằm một bên thằng bồ mày cũng được chứ sao?" Hội mở đèn, bảo Lan dìu Tuyệt về giường của nó, thay quần áo, lau mặt, dỗ nó ngủ. Tuyệt khóc như cha chết, vật vã, lảm nhảm. Lan nói: "Ngủ đi mày, ngủ đi mày". "Tao không muốn ngủ một mình, mày cho tao vào ngủ với mày". Lan phải nằm lại với Tuyệt, thủ thỉ: "Trong đời thế nào cũng có một người yêu mày thật nhưng mày chưa gặp được đấy thôi". "Không, không đứa nào yêu tao cả". Những người đàn ông đến với Tuyệt đều bỏ đi và để lại cho nó rất nhiều tiền. "Tiền làm gì", Tuyệt ném tiền vào bàn bạc không đếm xỉa. Con của nó để ra gửi cho ai nuôi không nghe nhắc đến. Thằng bồ nhóc này con nhà giàu, còn đi học và cũng sẽ chẳng ở lâu với nó, Tuyệt bất kể. Nhưng Lan nghĩ

khác, nàng muốn cảm chân họ Tuyết bất cứ người đàn ông nào đến với nó. Mỗi bận bỏ nó tới, Tuyết vắng nhà, Lan lo lắng nói dối quanh, sai con Năm chăm sóc để giữ ở lại đợi Tuyết. Nhưng Tuyết về là hai đứa vặc nhau không tiếc lời. Bên hạnh phúc của Lan, Tuyết lêu bêu trong những đêm dài mệt mỏi chán chường. Lan đã nói vậy với Hội và chàng hỏi: "Em muốn anh lấy luôn Tuyết hả?" Không thể được, Lan cũng biết không thể được. Hạnh phúc không thể san sẻ, tình yêu chỉ có một. Ngoài hè, chiều đang đợi trên một bầu trời nắng mỏng. "Ăn xong đi chơi. Tối ngay nghỉ đi".

Lan bầu vào bấp tay Hội như giữ lấy cho mình những giây phút sắp tới.

"Anh đói lắm. Phải kiếm tiệm gần nhất. Cơm tây, cơm ta hay cơm tàu nào?"

"Cơm tây đi anh".

"Ừ. Chốc nữa trời sẽ tím. Em nhớ nhớ, hễ trời tím là mình đi ăn cơm tây. Uống rượu vang vào cho em say một bữa".

"Tối đi đâu chơi anh?"

"Đi nhẩy".

Một đám khách quen hay gọi ngồi trong một chiếc xe hơi chạy ngang ngoài cỏ vẫy cười với Lan. Hội không trông thấy, chàng ngoảnh vào trong các mặt nhà, bước dài kéo Lan đi mau hơn. Đàng xa những hàng cây cao dài thẳng, buổi chiều ửng vàng phía bờ sông thoáng.

Thanh Tâm Tuyền Đặng Tiển



tranh Nguyễn Thuyền

Nhà thơ, nhà văn Thanh Tâm Tuyền qua đời trưa ngày 22 tháng 3-2006, tại thành phố Saint Paul, Minnesota, Hoa Kỳ, thọ 70 tuổi.

Thanh Tâm Tuyền là một tác gia chính yếu đã làm mới nền văn học Miền Nam, trước 1975, và góp phần tạo nên một khúc quanh cho văn học Việt Nam nói chung trong nửa sau thế kỷ 20. Ông đã làm mới câu thơ, bài thơ, ý thơ và quan niệm thi ca Việt Nam. Ông cũng làm mới câu văn xuôi, cách kể chuyện bắt đầu từ truyện Bếp Lửa.

Ông du nhập nghệ thuật phương Tây bằng cách đọc trực tiếp, không kinh qua trường học Pháp thuộc như các nhà văn, nhà thơ lớp trước. Ảnh hưởng phương Tây do đó có tính cách trực tiếp, tự do và sáng tạo. Ngược lại, ông có khả năng thiết lập quan hệ hữu cơ và mật thiết giữa các bộ môn văn học và nghệ thuật : Thơ, Văn, Nhạc, Họa, như ở các nước phương Tây.

Về nội dung chính yếu, chất liệu trong thơ văn Thanh Tâm Tuyền là ý thức thất bại. Thất bại của con người trước định mệnh nói chung, cụ thể là sự bất lực của giai cấp trí thức tiểu tư sản Việt Nam trước thời cuộc. Viết văn, làm thơ, làm nghệ thuật nói chung, là cố gắng vượt qua sự thất bại đó, biến nó thành nghệ thuật.

Thanh Tâm Tuyền là người sâu sắc, uyên bác, tài hoa, nghiêm túc, tư cách và tiết tháo.

*

Thanh Tâm Tuyền tên thật là Dzur văn Tâm, sinh ngày 13 (có nơi ghi 15) tháng 3 năm 1936, tại Vinh, Nghệ An. Trong bài Thơ Mừng Năm tuổi, làm năm Nhâm Tý 1972, ông đã kể chi tiết tiểu sử (1). Từ 1952, ông đã đi dạy học, trường Minh Tân, Hà Đông và có truyện đăng báo Thanh Niên, Hà Nội.

Sau đó, 1954 vào Nam hoạt động trong Tổng Hội Sinh Viên Hà Nội di cư, cùng với những người sẽ trở thành bạn văn nghệ về sau: Doãn Quốc Sỹ, Nguyễn Sỹ Tế, Trần Thanh Hiệp, cùng chủ trương nguyệt san Lửa Việt.

Tại Sài Gòn, 1955, ông viết cho các tuần báo Dân Chủ, Người Việt và nổi tiếng từ những tác phẩm đầu tay, tập thơ Tôi Không còn Cô Độc, 1956, và truyện Bếp Lửa, 1957. Thời điểm này, ông tích cực tham gia biên tập báo Sáng Tạo (1956-1960) do Mai Thảo đứng tên, và ông thường được xếp vào "nhóm" Sáng Tạo, có ảnh hưởng lớn trên văn học Miền Nam suốt một thập niên.

1962, bị động viên vào trường Sĩ quan Thủ Đức, được giải ngũ, rồi tái ngũ trong Quân lực Việt Nam Cộng Hòa, phụ trách chủ yếu việc huấn luyện văn hóa, và làm báo quân đội, "tám năm quân ngũ chưa nổ một phát súng với địch" (1972), cấp bậc cuối cùng là Đại úy. Sau 1975, bị bắt đi học tập, trong 7 năm, tại trại Long Giao (Long Khánh) và nhiều trại cải tạo Miền Bắc. Cuối cùng sang định cư tại Hoa Kỳ từ 1990. Ông qua đời vì ung thư phổi, tại nơi cư ngụ.

Thanh Tâm Tuyền là tác giả khoảng mười đầu sách; ba tập thơ: Tôi Không Còn Cô Độc (1956), Liên - Đêm - Mặt Trời Tìm Thấy (1964, Sài Gòn), Thơ ở Đâu Xa (1990, Mỹ). Ba truyện: Bếp Lửa (1957), Khuôn Mặt (1964), Dọc Đường (1967). Bốn tiểu thuyết: Cát Lầy (1966), Mù Khơi (1970), Tiếng Động (1970) Một Chủ Nhật Khác (thang 2, 1975). Một vở kịch ngắn: Ba Chì Em (1965). Một phiếm luận Tạp Ghi (1970). Ông còn nhiều tác phẩm chưa xuất bản, như tiểu thuyết Ung Thư đăng nhiều kỳ trên báo Văn, từ 1964, là một tác phẩm quan trọng.

Miền Nam Việt Nam những năm 1955-1960 bùng lên một sinh khí văn hóa. Hàng triệu người từ Bắc di cư vào Nam, những người từ nông thôn bước vào, hay trở về thành thị sau chiến tranh, tình hình an ninh và giá cả ổn định, các trường trung và đại học phát triển, sách báo, đĩa nhạc, nhập khẩu ào ạt với giá rẻ nhờ ngoại viện. Thơ Thanh Tâm Tuyền xuất hiện trong bối cảnh đó. Ít người mua và cầm trong tay tập thơ Tôi Không Còn Cô Độc, nhưng nhiều người, nhất là giới thanh niên, đọc thơ ông trên tạp chí Sáng Tạo, bên cạnh thơ hiện đại khác của Tô Thùy Yên, Quách Thoại, Nguyên Sa, Trần Thanh Hiệp, Người Sông Thương.

Người đọc theo dõi, tìm hiểu, chứ thật sự yêu thích thì không nhiều; cũng có người, có bài báo chê trách là thơ lập dị, bí hiểm, hũ nút.

Mười lăm năm sau, tháng 11-1973, khi sự nghiệp thơ văn Thanh Tâm Tuyền đã an vị, báo Văn đã ra một số đặc biệt về đề tài này, ngày nay là tư liệu hiếm quý. Trên báo này, Lê Huy Oanh, nhà biên khảo chuyên về thơ, đã có hai bài: một bài kể lại quá trình tiếp xúc thơ Thanh Tâm Tuyền, từ chỗ ghét bỏ đến yêu thích; một bài giải thích "lối thơ Thanh Tâm Tuyền" qua bài Phục Sinh nổi tiếng trong sự khen chê, với những câu: Tôi buồn khóc như buồn nôn... Tôi buồn chết như buồn ngủ...

Tôi Không còn Cô Độc có lẽ chỉ là lời tâm nguyện như khi nhà thơ nói tôi gọi tên tôi cho đỡ nhớ, hay có người cầm súng bắn vào đầu / đạn nổ nhip ba / không chết. Người đọc bực mình vì những lời lạ lẫm như thế thì ít, nhưng nhiều người phẫn nộ vì lời thách thức in ở đầu sách: "Ở đây tôi là hoàng đế đầy đủ quyền uy. Bởi vì người vào trong đất đai của tôi, người hoàn toàn tự do. Để cai trị tôi có những luật lệ tinh thần mà người phải thần phục nếu người muốn nhập lãnh thổ. Người hoàn toàn tự do. Và có thể ném cuốn sách ra cửa sổ".

Lê Huy Oanh kể lại rằng: "trước đó tôi đã quẳng tập thơ qua cửa sổ, rồi lại nhặt lên, trân trối nhìn nó một hồi lâu trước khi từ từ, rất từ từ áp nó vào ngực" (báo Văn đã dẫn, tr.8). Dĩ nhiên đây là cách nói tượng trưng.

Trưởng thành trong kháng chiến chống Pháp, Thanh Tâm Tuyền nhất định phải biết câu thơ phá thế thời 1946, như Nhớ Máu của Trần Mai Ninh, Đèo Cả của Hữu Loan, Sáng mát trong

như sáng năm xưa của Nguyễn Đình Thi. Nhưng dù phá thể, câu thơ này vẫn còn giữ vần điệu. Thanh Tâm Tuyền phá vỡ cái vỏ ngữ âm của câu, hay bài thơ : loại trừ vần, không theo nhịp của ngôn ngữ, xáo trộn thanh điệu bằng trắc ; muốn như thế, ông phải sắp xếp lại ý tưởng, hình ảnh, để làm mới ngôn ngữ. Thơ xưa đem tư tưởng ra " diễn ca ", còn Thanh Tâm Tuyền tháo gỡ guồng máy ngôn ngữ ra từng bộ phận rồi lắp ghép lại thành những chức năng mới, trong văn bản mới.

Dựa trên lời Nietzsche, ông gọi đây là quan niệm nghệ thuật Dionysos đối lập với quan niệm Apollon, " nghệ thuật phá vỡ những hình thức sẵn có hỗn loạn trong những niềm cảm xúc, một nghệ thuật của say sưa, một vẻ đẹp hãi hùng mọi rợ, nghệ thuật bắt nguồn từ một nhân sinh quan bi thảm ".

Câu này trong bài Nỗi Buồn Trong Thơ Hôm Nay, Thanh Tâm Tuyền viết năm 1955 - khi ông 19 tuổi - là một văn kiện cơ bản, trong lý luận về thơ. Trong chừng mực nào đó, nó tiếp nối bài Mấy YU Nghĩ về Thơ của Nguyễn Đình Thi năm 1949, về nguyên tắc và lý thuyết. Về mặt nội dung và thực tiễn sáng tạo, Thanh Tâm Tuyền đi xa hơn.

Chất hiện đại trong thơ ông một phần do ảnh hưởng thơ thế giới, chủ yếu là thơ Pháp, từ Rimbaud, Lautréamont đến Apollinaire, nhất là thơ Siêu Thực của nhóm Breton, Eluard, mà ông tiếp thu trực tiếp, mà không kính qua nhà trường Pháp thuộc như thế hệ đi trước. Thanh Tâm Tuyền không học đúng bài bản như Xuân Diệu, Vũ Hoàng Chương, cho nên tự do hơn. Xuân Diệu, về già, vẫn mơ ước làm một Ronsard. Thanh Tâm Tuyền thạo tiếng Pháp, ham đọc, nên tiếp xúc được với nhiều tác giả trên thế giới từ Gorki, Plekhanov, Marx, Trosky đến những tác giả mới hơn như Laurence Durrell hay Soljenitsyne qua tiếng Pháp. Từ đó, thơ ông có chất quốc tế, trong nền Cộng Hòa Thế Giới :

Các anh Cộng Hòa đã chiến đấu cho Tây Ban Nha.

Xứ sở Lope de Vega Garcia Lorca.

Một Breton tình điên còn nức nở.

Mà Hy vọng Malraux còn thổn thức.

Và mãi Ernest còn tiếc thương.

Andalousie đói quên khiêu vũ.

Việt Nam ốm yếu quên ca dao.

Câu "quốc tế ca" của Thanh Tâm Tuyền nhiều người thuộc nhất có lẽ là hai câu đầu dùng làm tựa đề cho bài thơ, đăng trên báo Sáng Tạo, số 4 tháng Giêng 1957 :

Hãy cho anh khóc bằng mắt em.

Những cuộc tình duyên Budapest.

Bài này làm vào tháng 12-1956, một tháng sau khi Hồng Quân Liên Xô, nhân danh khối liên minh quân sự Vác-xô-vi tràn ngập Hung-ga-ri và thủ đô Bu-đa-pet. Sau đó ông còn làm tiếp Bản Anh Hùng Ca Budapest cũng đăng trên Sáng Tạo.

Thanh Tâm Tuyền chưa bao giờ ra khỏi Việt Nam cho đến ngày sang Hoa Kỳ định cư vĩnh viễn. Nhưng thơ ông đầy những thành phố : Vác-xô-Vi, Béc-Lin, Bình Nhưỡng, Bắc Kinh, Moscou, Praha, Paris, Madrid, Bruxel, Genève. Nhưng không có lũy tre, con đò, bờ dâu, nương sắn.

Thơ Thanh Tâm Tuyền là thơ thành phố : thơ Pháp, đến Prevert là hoàn toàn đô thị hóa ; thơ Việt Nam, đến Thanh Tâm Tuyền cũng quành vào đô thị. Xưa kia, Nguyễn Bính đã mơ Phường Chèo làng Đặng ; gần hơn, Đinh Hùng còn nhớ tháng giêng quê bạn hội đêm rằm ; đến Thanh Tâm Tuyền Tôi Không Còn Cô Độc là tên một bài thơ dưới dạng hợp xướng hiện đại, với nhiều giọng hát, và có giọng thi sĩ :

Tôi đã chết nghẹn ngào.

ôm tình yêu tự do chật ngực.

tôi chết và chối từ.

đừng ai gọi tôi là thi sĩ.

(...)

Hôm nay tôi dự hội.

*hôm nay dùng mắt nhìn.
hôm nay dùng lời dụ.
cô đọc phút tan tành.
tôi không còn cô đọc.
Ông già : tôi không còn cô đọc.
Hợp xướng : tôi không còn cô đọc.
Em gái : tôi không còn cô đọc.
Hợp xướng : không ai còn cô đọc.
không ai còn cô đọc...*

Thơ Thanh Tâm Tuyền khi ngân vang hợp xướng, khi u uẩn tiếng kèn đồng :

*Một người da đen một khúc hát đen.
Bầu trời đen sâu không cùng.
Những giòng nước mắt.
Xé nát thân thể bằng tiếng kèn đồng.
Bằng giọng của máu của tủy của hờn bắt đầu ngày tháng.
Giữa rừng không lối rừng mãi trống không.
(...)
Vi blues không xanh, vi điệu blues đen.
Trên màu da nức nở.
(Đen, Sáng Tạo, số 8, tháng 5-1957).*

Thơ Thanh Tâm Tuyền, tự nó, là một thế giới, và đồng thời một không gian nhìn ra thế giới. Đây là đặc tính của thơ Thanh Tâm Tuyền, ở những nhà thơ khác dù rất hiện đại, cũng không có, hoặc không rõ nét. Ví dụ trong thơ Tô Thùy Yên, chủ yếu ta thấy thâm kịch Việt Nam ; thơ Lê Đạt chủ yếu phản ánh tâm cảnh người dân châu thổ Sông Hồng ; thơ Dương Tường đưa vào nhiều tiếng nước ngoài, thành thót giọt mưa dương cầm tím mộng scheherazade, vẫn là cái liếc nhìn ra thế giới, không phải là tầm nhìn sâu thẳm, xâu xé, xoáy vào thân phận làm người, chủ yếu là người nhược tiểu. Nói như vậy, không có ngụ ý rằng thơ Thanh Tâm Tuyền nhẹ tính cách dân tộc. Phân biệt dân tộc với nhân loại là phiến diện : trong thế giới có Việt Nam và trong Việt Nam có thế giới. Trong Guernica của Picasso có Bến Tre, trong tranh khắc gỗ đình làng Việt Nam có Picasso. Tôi nói thơ Thanh Tâm Tuyền trong hình thức và nội dung là một bước ngoặt trong nghệ thuật và tâm thức Việt Nam là vậy. Tuy nhiên cũng phải ghi nhận với ít nhiều tiếc rẻ là lối thơ Thanh Tâm Tuyền không có người thừa kế. Bản thân Thanh Tâm Tuyền về sau, trong tập Thơ ở đâu xa cũng trở về với những thể thơ truyền thống. Nhưng đây là những bài thơ làm trong lao lý, trong những hoàn cảnh đặc biệt, không cho phép chúng ta suy diễn về lý thuyết. Dù sao ông đã mở ra những chân trời mới và cách tân quan niệm thi ca.

*

Câu thơ, bài thơ mới, đọc qua thấy ngay. Câu văn, cuốn truyện mới, khó nhận ra hơn. Người bình luận phải phân biện : mới so với cái gì, và mới ra sao. Nhưng điều cụ thể nhất lại là : người đọc đương thời có nhận ra nét mới ấy không ?
Thưa rằng có. Nhà văn Nguyễn quốc Trụ, 1973, trên báo Văn, số đặc biệt Thanh Tâm Tuyền đã dẫn, có một bài viết căn cơ trình bày giá trị, nghệ thuật và tính chất súc tích của truyện Bếp Lửa, 1957. Ông trích dẫn cặn kẽ nhiều văn bản, nhiều tham khảo, để lại một chứng từ chính xác (2) .
Tôi còn một chứng từ riêng : bạn tôi là Đinh Ngọc Mô, nhiều người biết vì có thời hướng dẫn mục Đố Vui Để Học trên truyền hình Sài Gòn, quen nhau từ 1965 tại Đà Lạt, gặp lại nhau 1970 tại Paris. Lúc ấy, Mô sống vất vả, lang bang, đi đàn hát trong các nhà hàng Việt Nam để mưu sinh. Một tối về khuya, dọc Boulevard des Italiens, Mô đã đọc thuộc lòng cho tôi nghe những

trích đoạn dài của Bếp Lửa mà anh tâm đắc và cho là tân kỳ. Thuộc thơ Thanh Tâm Tuyền đã là khó, thuộc văn xuôi lại không dễ. Vắng tin nhau khá lâu, có người mách là Mô đã qua đời, đã tự tử bên Canada. Tôi không muốn tin, nhưng mỗi lần mở truyện Bếp Lửa, là tôi tìm lại những đoạn Mô đã đọc, cho đến bây giờ sách đã vàng ố, tả tơi, rách nát như cuộc đời của chúng tôi. Trước khi kể lại chuyện này, tôi rà lại tin tức, thì bè bạn bốn bể năm châu đều xác nhận chuyện buồn. Mà tôi vẫn chưa tin, và muốn hỏi Mô : Mô ơi, thật à ? Cậu ấy vui tính, hay đùa. Bạn đọc cho là tôi lạc đề. Thân tình thì biết tôi chỉ mới lạc dòng, lạc giọng, mà không lạc đề.

*

Tiền năng đọc giả thời đó là học sinh trung học : sinh viên đại học chưa nhiều. Và chúng tôi thiếu sách để đọc. Văn chương quốc ngữ thời đó, bỏ ra một kỳ nghỉ hè, có thể đọc hết toàn bộ. Sách Tự Lực, Vũ Trọng Phụng thì đọc cả rồi... Các tác gia ở lại miền Bắc ít được tái bản. Và chúng tôi khao khát cái mới, các truyện ngắn của Doãn Quốc Sỹ, Dương Nghiễm Mậu, Mai Thảo, Thao Trường. Những Chiếu hoa cập điều, với Hương gió lướt đi. Thậm chí, chúng tôi còn bắt công với cái cũ : tạp chí Văn Hóa Ngày Nay của Nhất Linh bán chạy được hai số, rồi thôi. Đoán già đoán non : các vị Đinh Ngọc Mô, Nguyễn Quốc Trụ, cũng như tôi, đã đọc Bếp Lửa trên ghế trường trung học, trước khi hư thân mất nét ở nơi khác.

Bếp Lửa là một truyện vừa, vừa một trăm trang. Thanh Tâm Tuyền viết liền mạch, rất nhanh, trong vài tháng, xong tháng 10-1956, đưa đi kiểm duyệt và xuất bản ngay (3) . Không có độ lùi để sửa chữa. Sau này, khi tái bản, ông muốn sửa chữa, nhưng không làm được và viện dẫn Malraux : người ta không viết lại được một cuốn sách. Nhưng có một truyện ngắn Đại Lộ, nội dung na ná, in lại trong tập truyện Khuôn Mặt, 1964.

Truyện được viết từ ngôi thứ nhất tôi . Người kể, tôi tên Tâm, cùng tên với tác giả, đi dạy học tại một trường công giáo tại Bắc Ninh, còn tác giả dạy tư thục ở Hà Đông, khoảng 1952.

Tuy nhiên Bếp Lửa không phải là tự truyện, đại khái như tác phẩm Kẻ Dưng, I Etranger, 1942 của Albert Camus, bắt đầu bằng câu nổi tiếng : hôm nay mẹ tôi mất, nhưng chính bà mẹ Camus lại sống lâu hơn tác giả. Trong Bếp Lửa, Tâm mồ côi bố từ nhỏ, sau đó mồ côi mẹ, trong khi bà cụ tên thật là Thạch thị Kim , ngày nay còn sống, ở Long Khánh. Tính cách mồ côi ở đây là một ẩn dụ, như ở Kẻ Dưng hay Cũng Đành của Dương Nghiễm Mậu sau này.

Không phải là tự truyện, nhưng Bếp Lửa phản ánh tâm trạng tác giả, và một số thanh niên đồng lứa vào thời điểm trước hiệp định Genève, 1954, tại Hà Nội, và vùng phụ cận dưới sự kiểm soát của Pháp. Chủ yếu là những nét chấm phá nhẹ nhàng, nhưng rất sắc về tâm thức chính trị của con người lúc đó qua những nhân vật : ông Chính, đảng viên Quốc Dân Đảng, còn hoạt động ; Bảo có tham dự phong trào Ngũ Xã nhưng nay đã tuyệt vọng ; Đại say đắm chủ nghĩa mác xít và chuẩn bị ra khu ; Hòa nhân viên phòng nhì ; Ngọc hoàn toàn hư vô và chối từ tổ quốc... Giữa họ là những nhân vật nữ, hiền lành, vô tội, như chị em Thanh và Minh, em họ Tâm ; Hạnh ; Thịnh vào ra giữa hai vùng... Còn Tâm ? anh xê dịch giữa đám người đó, không thân không sợ, và nói như Meursault, nhân vật Kẻ Dưng : không biết rõ mình muốn gì, nhưng biết rõ những điều mình không muốn. Khi Tâm bị ông hiệu trưởng cho thôi việc, ngạc nhiên một chút rồi rùng rùng ngay. Tôi không hỏi vì có gì ông muốn tôi nghỉ việc cũng như ông đã quên không nói cho tôi biết... Tôi cũng chẳng buồn quan tâm. Tôi nhẹ nhõm vô cùng và ngủ một giấc rất say (tr.90).

Trong thế giới ấy, quan hệ tình cảm cũng mong manh, sắc sắc không không, như giữa Tâm và Thanh, một cô em họ, cũng mồ côi cha mẹ. Đôi khi tôi nghĩ tôi có thể yêu Thanh và che chở cho Thanh, giây thân thích giữa chúng tôi không đáng kể (...) nhưng chưa bao giờ tôi nói ý nghĩ của tôi cả (tr.12).

Quan hệ tính dục cũng nhẹ nhàng thôi. Tâm gặp lại Hạnh, một cô bạn học cũ, đi cùng một chuyến xe chở hàng từ Bắc Ninh về Hà Nội. Đến Hà nội, mưa lớn hơn, chúng tôi cùng đi ăn cơm với nhau. Và đêm ấy tôi ngủ với Hạnh ở khách sạn (tr.72). Chấm dứt chương 4. Bước sang chương 5 :

Tôi có cùng về Hà Nội với Hạnh một vài lần. Gần nhau, tôi nhận thấy chiến tranh - hay chỉ cần sự đe dọa của chiến tranh, tổng quát là sự khủng bố tinh thần - đã thổi vào máu Hạnh sự say

đắm nhiệt tình trong yêu đương (...). Sau mỗi lần như thế, khi lấy lại bình thường, Hạnh có vẻ ngưng ngưng. Có một lần nằm cạnh tôi, Hạnh nắm tay tôi để lên ngực nàng nói :

- Anh có khinh em không ? (tr.76).

Dĩ nhiên là các vị Nam Tào văn truyện kiêm Bắc Đẩu lịch sử sẽ có người bắt bẻ, hạch hỏi : chiến tranh giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp, hay bảo vệ tự do, chỉ có kích thích tính dục người phụ nữ hay sao ? Bếp Lửa là một trước tác nghệ thuật, và Thanh Tâm Tuyền đã có lần nói : " người nghệ sĩ đưa sinh mệnh mình để đảm bảo sự thành thật của tác phẩm ", thì ắt không buồn quan tâm đến những vấn nạn ấy. Điều chúng ta ghi nhận là nét hững hờ, lãnh đạm của Tâm đã thổi dạt Bếp Lửa trôi xa, không những với Giòng sông Thanh Thủy của Nhất Linh mà còn xa với Khu Rừng Lau của Doãn Quốc Sỹ hay Thần Tháp Rùa của Vũ Khắc Khoan đồng hội đồng thuyền.

Một thắc mắc, nhỏ thôi : không khí Hà Nội khoảng 1950-1952 nhất định phải khác xa không khí Sài Gòn 1970-1972. Nhưng về cơ bản, tâm lý thanh niên trí thức có khác nhau nhiều không ? Ngày nay, ngọn lửa chiến tranh vẫn còn tàn phá nhiều nơi trên thế giới ; và giữa tiếng kêu la thất thanh của trẻ con, vẫn có lời vinh danh Thượng Đế. Trong Bếp Lửa, Thanh Tâm Tuyền đã viết " theo tôi có những lúc người ta cần giải quyết giữa người và người và Thượng Đế không nên có mặt ở lúc ấy (...) Thượng Đế đã bị lôi kéo vào tấn thảm kịch riêng tư của loài người và chỉ có thể thoát ra với sự thất bại " (tr.67).

Tại Việt Nam, một giải đất còm cõi đau thương, năm 1956, một thư sinh mặt trắng, 20 tuổi, đã viết đồng dạng được một câu như thế, kể cũng là lời tiên tri lạ lùng và cao siêu đấy chứ ?.

*

Về phong cách, Bếp Lửa là một tác phẩm làm mới văn chương chữ nghĩa theo nhận định của Nguyễn Quốc Trụ trong bài đã dẫn. Vậy mới, là so với cái gì, và mới ra sao ?

Trong một bài viết tưởng mộ Nguyễn đức Quỳnh, tác giả Thăng Kinh, Thanh Tâm Tuyền 1974 đã viết : " Cùng với Những Ngày Thơ Ấu của Nguyễn Hồng, Thăng Kinh là quyển tiểu thuyết quan trọng đối với tôi. Đó là quyển sách đã vỡ lòng, đã mở mắt (...) Tôi không phải là người của một vài quyển sách. Trước và sau khi đọc Thăng Kinh, Những Ngày Thơ Ấu, tôi đã đọc hầu hết tiểu thuyết Việt Nam, tôi hiểu được giá trị, tôi cảm được cái hay của nhiều tác giả khác nhưng chỉ có hai tác giả Nguyễn đức Quỳnh và Nguyễn Hồng gây được ở tôi lòng ngưỡng mộ. Văn chương phát sinh từ lòng ngưỡng mộ. Nên tôi không bao giờ quên ơn người đã khơi dậy lòng ngưỡng mộ nơi tôi " (4) .

Một lời tình tự như vậy, ở một người ít tự sự như Thanh Tâm Tuyền là quý hóa, là một chìa khóa đưa ta vào thế giới tiểu thuyết, mối hạnh phúc đau đớn, bắt đầu từ Bếp Lửa, rồi đến Khuôn Mặt, Dọc Đường, Cát Lầy, Ung Thư, Mù Khơi, Tiếng Động... Đối với Thăng Kinh (1942, nxb Hàn Thuyên, Hà Nội), niềm ngưỡng mộ có lẽ dừng lại ở nội dung mới lạ của tác phẩm, thêm chút tình riêng với tác giả. Chữ nhân vật Kinh, khỏe mạnh, tự tin, tích cực rất xa với nhân vật truyện Thanh Tâm Tuyền ; hành văn rậm rạp của Nguyễn đức Quỳnh cũng xa với lối viết trần trụi trong Bếp Lửa.

Gần nhau hơn là Những Ngày Thơ Ấu, Nguyễn Hồng viết năm 1938, khi 20 tuổi, như trường hợp Bếp Lửa, dưới dạng tự truyện ở ngôi thứ nhất. Bằng giọng văn đơn giản, Nguyễn Hồng kể lại tuổi thơ cơ cực, một cách thành thực, như chuyện người mẹ ngoại tình bị gia đình nhà chồng hắt hủi mà đưa con một mực yêu thương. Nhưng cơ bản thì hai truyện khác nhau : Những Ngày Thơ Ấu là tự truyện của một người, dĩ nhiên là mang nét xã hội ; Bếp Lửa là truyện một thế hệ thanh niên ưu thời mẫn thế, mang nặng chất trí thức và chính trị. Nguyễn Hồng viết đơn giản, nhưng tinh thoảng vẫn có những đoạn văn chương, ví dụ ngay ở chương I (Tiếng Kèn) : Những buổi chiều vàng lạng lẽ... Buổi chiều nào cũng vậy..., không hề có trong Bếp Lửa. Và trong một bài báo, Nhân Nghĩ về Hội Họa, 1956, Thanh Tâm Tuyền khước từ lối " văn chương có thể đặt tên là văn chương của bài tập đọc, luận mẫu cho học trò " (Văn 11/1973, tr. 78). Từ đó, đem Bếp Lửa ra giảng dạy ở học đường là việc khó, vì khó tìm ra một vài trích đoạn tiêu biểu gọi là " trích điểm ". Kinh nghiệm của tôi : yêu cầu sinh viên phải đọc toàn bộ tác phẩm, rồi đưa ra những chủ đề tổng hợp, về hình thức, nội dung. Ví dụ lối kể

chuyện đơn tuyến, một mạch theo dòng thời gian, không một lần quay lại quá khứ - cho dù có rơi rớt một vài kỷ niệm - về người mẹ và bà ngoại.

Lối dùng từ bình dị, ưu tiên cho từ đơn âm, ít từ kép, càng ít từ Hán Việt hay thành ngữ.

Lối đặt câu ngắn, có khi cụt ngủn, có khi lược từ. Câu văn cô đúc, có lúc khó hiểu, như là lời nói nén chặt nội tâm : Một bên đường cỏ hoang và núi đóng đồn binh (tr.47). Ngọn núi bắt đầu thấy cứng mình vì nghe nắng sắp về dữ dội (tr. 87). Câu được nhiều người nhắc : Buổi sáng mùa đông ngầy ngất vào lối 10 giờ (tr.11). Buổi chiều ngất ngư chưa muốn ngã (tr.28).

Nhưng nét mới quan trọng là không khí chung của toàn truyện Bếp Lửa, không phân biệt nội dung, tư tưởng, hình thức, nghệ thuật và ngữ pháp. Thậm chí người đọc có thể hỏi : Bếp Lửa, bếp lửa nghĩa là gì ?

Với tôi, có lẽ thêm vài kẻ bạn, Bếp Lửa là một bài hát. Bài hát " chỉ được nghe một lần trong đời. Bài hát xưa lắm, những người thích nó kẻ đã chết, người còn sống thì quên không nhắc lại. Riêng tôi, tôi thường thì thầm với chính mình những phút cô đơn " (5) .

Có ai đó đã viết đâu đó về âm hưởng nhạc blues trong thơ Thanh Tâm Tuyền, tôi chỉ biết ông đã thiết lập quan hệ mật thiết giữa các bộ môn nghệ thuật. Điều này, ngày xưa, nhóm Tự Lực đã làm, nhưng còn hơi hợt, dù rằng nhà văn Nhất Linh, nhà thơ Thế Lữ, khởi đầu là những sinh viên trường Mỹ Thuật. Thời đó, họ chỉ đặt những tác phẩm nghệ thuật bên cạnh nhau. Họ hoàn toàn mới có bài Nguyễn Tuân về tranh Nguyễn Phan Chánh. Ở Việt Nam, không có nhà thơ sánh hội họa như Baudelaire, cũng không có tình bằng hữu giữa các nhà thơ như Aragon, Eluard với họa sĩ Picasso hay Chagall ở Pháp. Thanh Tâm Tuyền thật sự muốn bắc cầu giữa các bộ môn nghệ thuật, nhất là giữa thơ và hội họa, và thân thiết với các họa sĩ Thái Tuấn, Ngọc Dũng, Duy Thanh, bài Nhân nghĩ về Hội họa viết năm 1956 - hai mươi tuổi - ông đề tặng ba người ấy.

Họa sĩ Thái Tuấn kể lại rằng trong một cuộc triển lãm năm 1958, ông có bức sơn dầu vẽ một người đàn ông đội mũ đeo ống sáo trên vai, chùng mực nào đó, là một chân dung tự họa ; ông không biết đặt tên là gì. Thanh Tâm Tuyền đề nghị gọi là Hóa Thân, Thái Tuấn rất tâm đắc. Ý nhà thơ : anh vẽ cái gì thì cũng là hóa thân vào bức họa, tranh nào rồi cũng thành chân dung họa sĩ. Nghe chuyện, tôi cứ nghĩ Thanh Tâm Tuyền mượn ý từ một tựa đề tiểu thuyết của Kafka. Đọc lại bài báo nói trên, tôi mới vỡ lẽ ông tham chiếu vào một chuyên khảo về nghệ thuật của Malraux Những hóa thân của Apollon - les Métamorphoses d Apollon, 1951, và ông thường tâm đắc với Malraux.

Ông viết trong bài Nhân nghĩ về Hội họa :

" Tôi công nhận nghệ thuật như một nghề như mọi nghề khác khi tôi hiểu rằng muốn làm được nghệ thuật người ta cũng cần học hỏi, luyện tập như tập sự bất cứ nghề gì. Đến đó thôi. Khi những nhà nghệ sĩ chân chính, để bảo đảm sự thành thực của tác phẩm, đã mang sinh mệnh chính mình ra thách đố, thì lúc ấy nghệ thuật không còn là một nghề nữa, nó là hành động siêu việt của nhân loại trong cuộc tìm kiếm đời sống chính đích " (Văn, số 11- 1973 đã dẫn, tr. 78).

Đoạn trích văn này có thể tóm lược quan niệm và sự nghiệp văn thơ, nghệ thuật của Thanh Tâm Tuyền, và làm kết từ cho bài này.

Chúng tôi gửi thêm vào đó niềm kính trọng và thương tiếc khôn nguôi với một Lòng Suối Trong Xanh đã lặn sâu vào lòng đất, trở về cõi thủy chung. Một dòng thơ đời đời thao thiết nuôi dưỡng Tình Yêu và Quê Hương trong mỗi chúng ta, cho mỗi chúng ta, trong thân phận làm người, làm người trong hay ngoài đất nước, luôn luôn trong nhân loại.

Trong truyện Bếp Lửa, sáng tác năm hai mươi tuổi, Thanh Tâm Tuyền đã hạ một câu kết, để đời, - khi hiu hắt, khi ngời sáng, trong tâm thức thế hệ chúng tôi :

" Anh yêu quê hương vô cùng và anh yêu em vô cùng " .

Đời người, vô cùng rồi cũng đến vậy thôi.

Vô cùng Thanh Tâm Tuyền.

Thanh. Tâm. Tuyền.

Thanh Tâm Tuyền.

Chim cú

Huệ thức giấc, trời còn tối mù, dường như trước đó cô trải qua một giấc mộng không nhớ lại được bị vùi lấp trong những tiếng động rầu rầu rớt đổ choáng váng. Cô mở mắt nằm im trong mùng đoán chừng giờ khắc, phương hướng, vị trí các đồ vật trong nhà từ trên bộ ngựa. Cái cửa sổ chiếm hết bề ngang mặt trước, trừ cánh cửa ra vào, hiện dần với hàng song đứng vuông, đặt xéo cạnh, bên ngoài là hàng hiên rồi tới khoảng sân tráng xi măng che tôn, chỗ đậu nhờ tắc xi của chú Bảy, đen thui không nhìn thấy trời.

Huệ lơ mơ sắp ngủ trở lại chợt giật mình. Một tiếng kêu khác lạ mơ hồ. Cô dỏng tai nghe ngóng. Tiếng mèo gào gọi đực hung bạo trên nóc nhà rầm rầm, tiếng thờ phì phì chống cự khó chịu, những khua động ồn ào làm lãng mất sự chăm chú. Huệ bắt chợt rung mình, xa hơn những tiếng động phiền nhiễu ấy, một tiếng kêu ngắn thoảng. Tiếng chim cú kêu. Mấy con mèo đã đuổi nhau đi mất trả lại sự yên tĩnh, cơn ngủ bay biệt hẳn, Huệ trông đợi. Con chim kêu liên hai ba tiếng trong sự vắng lặng của đêm tràn ngập. Nó đậu ở đâu? Trên cây gòn khô gần giếng nước hay trên hàng cây cao rậm ngoài phố hông trước thành lính? Có khi nó ở tuốt mấy cây ngoài lộ cái không chừng?

Huệ ngồi lên vén mùng, buông thông hai cẳng mò đôi dép. Đồng hồ kêu tích tắc đặt trên kệ hàng bên vách lẫn với những ve kẹo bánh. Cô nhẹ nhàng bước ra mé cửa ngoài, lách tránh những đồ đạc trên lối đi, kéo chốt cửa chậm chạp sợ gây tiếng động đánh thức bà nội già ngủ ở buồng nhỏ bên trong. Tiếng phản lực vút tới, ngang qua trời, chói ráy bắt cô khựng lại trước ngưỡng cửa. Chiếc tắc xi lù lù, án tằm mắt. Không khí ươn hơi gió ướt. Đợi cho tiếng máy bay khuất, Huệ thủng thẳng ra ngoài, khép cửa sau lưng, men bên chiếc xe hơi tới cây cột chống mái tôn ở rìa ngoài đứng lại. Mặt đất mờ mờ phân biệt với gốc ổi thấp, cành lá lòa xòa trước sân nhà thầy Năm. Màu trời nhạt sáng hơn những mái nhà lô xô lằm lũi. Những chòm cây rậm rịt như đám rừng ngoài phố trước thành lính vượt khỏi các nóc nhà, mỗi mùa mưa ít nhất một lần những ngọn cao nhất bị sét đánh nhánh lửa đôi lúc bốc khói cháy âm ỉ cả mấy bữa, chim thường riu rít trong đám lá những buổi sáng khô ráo, buổi trưa mùa nắng im gió nghe tiếng chim lạ đơn độc hót những khúc ngắn lập đi lập lại. Con đường ngoài đó không nhà ở chạy dài cả trăm thước với trại lính một bên, gò mả một bên, trại lính dây thép gai rào kín, bốt gác cao lênh khênh mái lợp xộp, sân đất trống trơn bị vây ở giữa những dãy nhà vách ván mái lá, đám gò mả bờ bụi gai góc, cái xây gạch đá rêu phong đen đũi, cái lún thấp gần bằng mặt đất.

Huệ vịn tay vào cột, đón tiếng chim kêu. Có lẽ nó đã bay mất. Tiếng chó sủa từng chập, mấy con mèo rượt nhau sâu thềm vào trong xóm, máy bay âm ỉ ở những vùng xa, chuột chạy loạt xoạt trong các vách lá. Những kẹt hèm len giữa hai căn nhà mở như cửa ngõ của bóng tối. Khoảng lộ cái chạy ngang ngoài đầu ngõ sáng khô trong ánh điện. Huệ tiến thêm hai ba bước đứng giữa lối ngõ, quay mặt vào trong xóm mịt mùng. Trời lốm đốm sao, ngôi sao Mai rõ ràng trên nóc nhà mụ Tư Mập điên điên khùng khùng nuôi bọn diêm trong xóm. Mai sáng không mưa, mùa mưa năm nay tới chậm.

Tiếng động rần rần bủa vây đầu óc như cả một đoàn xe hạng nặng chạy ngang; Huệ quay mặt ra lộ, cảnh vật say ngủ như chết; cô ngước lên trời nhìn tia lửa phụt bay giống như sao chổi; hai chấm điện vàng đỏ nhấp nháy như đom đóm. Ba lần liên tiếp như vậy cách nhau vài giây đồng hồ, những chấn động trong tinh không úp chụp làm choáng váng cơ thể, Huệ ngất ngư như bị xô đẩy trong một chuyến xe buýt ních người, tự động dờn chỗ hỏi nào không hay.

Lúc tĩnh trí, sự im lặng khuya khoắt mở trong cơn gió mơn man, cơn gió như thổi đến từ nơi nào ánh sáng đã hé rạng, Huệ thấy mình đứng trước hèm vào giếng nước, nghe rõ tiếng nước

chảy róc rách trong thành giếng tiếng nước êm ái với những giọt đọng lổm bổm rớt sâu như một đêm trăng sáng. Cây gòn trơ những cành trụi lá cản lối, những người gánh nước lụp chụp dễ bị vấp té, cao lênh khênh như người quá khổ; đêm nào một anh chàng Mỹ đi chơi bời say rượu ló quờ tránh gốc cây lọt xuống giếng khiến cả xóm hoảng hồn phải kêu nhau thức dòng dây kéo lên, anh ta thờ mạnh uớt loi ngoi, bể đầu chảy máu mà không xui, bỏ đi một ngay. Qua giếng trong hẻm, lối ăn thông sang gò mả là túp nhà của bọn điếm, con Út, con Bông, con Nam, mấy tên ma cô du đãng, Tám Toọc, Bảy Bằng, Tư Vẹo, Sáu Nét, nhà cô Sáu thầy bói, anh chàng Tư Quy, làm trưởng khóm chuyên bắt trộm gà, chó, mèo ăn thịt, rút cấp quần áo treo phơi trong xóm. Hồi năm ngoái, chim cú cũng kêu cách chừng nửa tháng trước khi Tám Toọc chém chết chú Hai xích lô máy trong sòng bài cào ở nhà chị Tám; chị Tám ở ngoài đầu ngõ cho bọn điếm mượn phòng, chú Hai dắt khách từ Sài Gòn về; Tám Toọc bỏ trốn đi lính một hồi, lại đào ngũ về lấy con Út. Có lẽ con chim cú đậu trong bụi tre bên gò mả kêu báo cho đám đó. Một đêm nào xóm sẽ nghe la thất thanh trong đêm khuya, tiếng chân thịch thịch rượt đuổi: "Chết tôi rồi..." chết tôi rồi". Bảy Bằng bị bắt đưa ra Trung không thấy về, Tư Vẹo bị nhốt trong trại Thủ Đức, Sáu Nét đi lính Hải quân lâu lâu mới xuất hiện trông nghiêm trang đàng hoàng hơn xưa, chỉ còn Tám Toọc cái mặt cô hồn thấy sợ, nó vẫn đánh đập con Út mỗi lần con này không đưa tiền cho nó đánh bạc, là bãi hải chạy cùng xóm. Nó sẽ chém người nào đó hay nó sẽ bị Bảy Bằng thanh toán trả thù nếu Bảy Bằng thoát về được?" Nó đã chém thẳng Bảy vào chân rồi chạy thoát trước khi lính tới, lính bắt thẳng Bảy và Bảy đã nhấn lời con Nam về tao cho Tám Toọc hay mối thù ấy chỉ trừ Tám Toọc chết mới chạy khỏi.

Huệ rùng mình ớn lạnh, trên người chỉ mặc chiếc áo bà ba trắng mỏng, vú không nịt chảy nặng, trong ngực hồi hộp lạ kỳ như quả banh bị bươm căng trống rỗng. Cô tựa cánh tay lên bờ rào nhà thầy Hai Bắc kỳ cười vết pa làm trên sờ thuế trong nhà có một sinh viên ở trọ, cậu ta thường dậy sớm tập thể dục ngoài sân, bắt thần mở cửa và có thể bắt gặp Huệ đang xớ rớ trước nhà. Huệ sợ hãi, nhưng không dờn chân, đưa mắt kiểm điểm các nhà. Con chim cú kêu ai vậy? Ai sắp chết đó? Huệ nghe vừa căng thẳng vừa mỏi mệt rời rã, tất cả âm thầm dịu dàng như đêm tối; tự cười thầm mình không còn phải nhỏ nhít, mười bảy mười tám gì. Cậu ta sẽ chỉ liếc nhìn không dám lên tiếng, cậu ta không hiểu cũng sợ hãi tưởng gặp ma. Chính Huệ sẽ nói: "Cậu thức sớm quá há", rồi trở về nhà.

Tuốt trong xóm, nhà thầy Chín mở đèn, hai cửa sổ mở sáng ảm áp như một nỗi vui mừng được giải thoát. Thầy Chín tu hành mỗi sáng đều tụng kinh gõ mõ, trước khi đi làm tận bên Khánh Hội chiều tối mới về nhà, thầy đi một chiếc xe gắn máy cũ, nhiều buổi phải dựng cẳng chống, gò lưng đập mười lăm phút mới nổi; hai vợ chồng thầy không con, nuôi thằng Hên là cháu làm con. Mới ngày nào Hên đã lớn trọng, năm kia đỗ Tú tài đi học Sĩ quan Thủ Đức, làm thiếu úy Thủy quân lục chiến, đánh trận bị thương huy chương đầy ngực. Mấy năm trước nó còn vô trong quán của Huệ, tập uống la de với bạn, nghe phát thanh tuồng cải lương, say lè nhè nói: "Cô Ba, cô giống Ngọc Giàu dữ thần". "Thằng ôn dịch, mày không về mà còn đi phá làng phá xóm tao mét ba mày cho coi". Mới ngày nào đó thôi, mình đã hơn ba mươi tuổi, mười năm vắng chồng lủi thủi với nội già trong quán. Ảnh không biết sống chết, nhưng mình vẫn là bà góa..."

Huệ nghe xa tiếng kẹt cửa, thầy Chín bước ra sân lấp ló sau mấy chậu kiểng. Phía nhà thầy Năm bên ngoài vọng tiếng cãi lầy gay gắt của đôi vợ chồng; thầy Năm hiền khô như một cục đất, trước làm lính cứu hỏa sau đổi sang lính kín, trái với cô vợ hung dữ cờ bạc tối ngày bỏ lủ con nhiều bữa nhịn đói; mỗi lần ghen tuông cô Năm la hét, đấm đá, cẩu xé chồng, thầy làm lì chịu trận, cùng lắm là xô cô vợ tránh tròn, sau mỗi lần, thầy ở trần nằm trên võng ngoài hàng ba ca vọng cổ hay đứng ló ngó dòm thiên hạ, mình mẩy bầm tím trầy trụa. Lần này có điều lạ là thầy cao giọng hơn, tiếng cô Năm cũng vẫn rít lên như thói quen nhưng không la lớn. Huệ chăm chú, theo dõi cuộc cãi lầy, trong đêm tĩnh, nhẩn mặt như ngậm phải trái chua. "Đồ đĩ

ngựa. Không biết mắc cỡ. Tao mà không nghĩ tới mấy đứa con thì... mày biết chứ. Tại sao tao lấy nó. Đúng nói nữa mày. Mày cờ bạc, tao tha thứ được. Thứ đồ đàn bà ngựa độ như mày tao phanh phui ra thêm mắc cỡ với chòm xóm. Mày thấy tao không nói tưởng tao ngu, không hay sao mày...". Người đàn ông thẳng thắn thấy rõ, cô Năm vẫn nói, vẫn kể tội chồng một cách yếu ớt, giọng lẫn nước mắt thủ lỗi. Cô Năm ngoại tình với ai? Thầy Năm không đã động đến, thầy chỉ cốt dần mặt vợ. "Mày cờ bạc quá mạng mà... Tao biết lâu rồi đâu thèm nói..." Cô Năm rên rỉ đau đớn. "Mày đưa tao mỗi tháng ba ngàn... Mày tính, tính thử coi..." "Ai biểu mày cờ bạc..." Huệ đứng im, mở mắt nhìn xuyên qua bóng tối, ngực bị đè nén. Gió lao xao các đám lá đầu đó, trời nhìn quen mắt như chuyển màu nhạt thêch. Tiếng mõ trong nhà thầy Chín chậm chạp đều đặn. Cuộc cãi lầy loanh quanh hoài hoài không im.

Trước mặt, sau gốc mít, nhà vợ chồng Hai Sáng, con lóc nhóc một bày tám chín đứa; chồng làm nghề chích dạo, vợ nấu cơm thán, mấy đứa con lớn mang cơm cho các nhà ngoài lộ mỗi bữa; trẻ con khóc ọ ẹ không ru dỗ. Lát sau mới nghe tiếng la: "Ngủ đi mày", thằng nhỏ giạt mình khóc ré một chập. Huệ dời chỗ, quay trở về nhà ngang trước cửa nhà thầy Năm, kể bên nhà này là căn nhà gạch của ông Đại úy, cô em gái đi làm sớ Mỹ chung diện ngất trời; cô này thường về khuya, gây lộn với chị dâu hằng bữa. Huệ bỗng nghe tiếng chân mang giày nặng từ trong xóm ra. Cô bước mau vô chỗ tắc xi đậu, ẩn trong bóng tối dưới mái tôn, quay mặt nhìn ra ngoài.

Bóng người trong tối nhìn không rõ mặt. Lúc tới gần, Huệ nhận ra Hên bận đồ Thủy quân lục chiến, đội nón rộng vành uốn cong mép. Cô hỏi khẽ:

"Hên đó hả? Làm hết hồn".

Hên dừng chân quay mặt vô, dáng điệu ngờ ngác kiểm tìm rồi tiến tới sát bên mép sân xi măng. Huệ tự nhiên lui hai ba bước, dựa vào thành cửa tắc xi.

"Ừa. Cô Ba phải không, cô Ba?"

Một cơn gió bay giông ào xào ngoài đường lộ, lọt tuốt vô tới trong mái tôn trên đầu rung linh bình. Cơn gió tắt, bầu trời lại rung động chát chúa vì tiếng phản lực cơ. Trẻ con khóc ré theo trong nhà nào đó không phân biệt được. Hên ngửa cổ trông theo tiếng động, mặt hiện mờ mờ trong khoảng sáng hơn ở bên ngoài, môi như mấp máy.

"Cô Ba thức sớm dữ".

Sự im lặng đậm đặc rớt xuống che phủ tiếng mõ loáng thoáng. Hên lột nón cầm tay, một chân giậm nhẹ trên đất. Trong mắt của Huệ, ánh đèn nhà thầy Chín chỉ là một chấm sáng lẫn trong lá cây.

"Hên đi hành quân hả?"

"Dạ".

"Mấy bữa?"

"Không chừng. Đâu có biết trước".

Hên bước lên khoảng xi măng, giày giẫm nghiêng bụi cát nghe buốt sắc, đứng bên vè bánh sau cách Huệ cỡ một sải tay, Huệ nghe được hơi thở chậm chạp đều hòa của đứa con trai bóng

dáng khuyễn khuyễn cao lớn của nó che ngang tầm mắt, dường như nó cười lộ hàm răng trắng.

"Giờ này làm sao đón xe. Hên vô trại?"

"Không. Tới sân bay".

Huệ xích dang xa khỏi chiếc xe, ngo sang nhà thầy Năm, vợ chồng nhà này đã im tiếng hồi nào. Cả xóm vẫn chưa ai thức dậy. Cô vận dụng hết thính giác đón những tiếng rì rào bay lượn thật xa tới rồi chìm ngập trong một cảm giác bồng bênh mơ hồ không còn biết nghe được là hiện thực hay huyền hoặc. Đột nhiên tiếng xích lô máy nổ ròn vọng tới, Huệ rùng mình mở mắt như đã ngủ quên khá lâu, luồng hơi gió đột lan trong xương sống, cô lao đao muốn té. Đứa con trai chồm một bước tới bên cô, đưa tay nắm giữ cánh tay. Thân Huệ rung rẩy lạnh toát, ngực thờ dòn như sắp đứt hơi.

"Cô Ba..."

Tiếng kêu mau và nhỏ như một mũi kim xuyên chích vào da thịt tê dại. Huệ chập choạng thụt lui, tới bên bộ ván ngoài hàng ba ngồi xuống, bàn tay đứa con trai vẫn bám chặt vào bắp tay cô và nó bị kéo theo. Cô cố gắng hết sức kèm chế hơi thở sắp tuôn bay hết ra khỏi ngực, nhắm mắt lại cho đầu khỏi đảo. Đứa con trai buông bắp tay chụp mau lấy bàn tay trên ván khiến người cô hụt không muốn vững. Nó vuốt ve một bàn tay lạnh ngắt, bỗng kêu hoảng hốt:

"Cô Ba..."

Huệ thở nóng rát phà ngay giữa mặt, nhưng toàn thân Huệ vẫn lạnh cứng như chườm đá. Đứa con trai có lẽ sợ hãi, nó buông bàn tay, lụp chụp rồi rít nắn bóp khắp tay chân, Huệ vẫn không có phản ứng nào hơn là cơn rét run rẩy bắt phải rên rỉ đau đớn.

"Cô Ba..."

Đứa con trai rờ lên ngực, lên mũi, lên trán. Huệ nghe như mình không còn mặc áo trên người, đôi vú đau cứng như hồi nào căng sữa. Cô rần sức muốn lết vô trong để dựa lưng vào hàng song không nổi, lấp bắp không ra tiếng. Đứa con trai kêu í í trong ức như tiếng con chó, rồi bỗng nó gục mặt xuống rúc đầu giữa hai bắp đùi ôm cứng lấy chúng, người cũng run lật bật như khóc. Xương sống Huệ ngay đơ, môi rờ, mồ hôi tháo đảm ngực gây ớn, cô đưa tay tính đẩy đầu đứa con trai nhưng những ngón tay co rút bám chặt lấy những sợi tóc khô khi nghe cơn rung động truyền sang như ngọn lửa thổi lém ở ngoài đang làm tan băng giá.

Huệ rùng mình liên tiếp, ứa nước mắt, cơn lạnh đang bị đẩy lùi và cơn sốt bốc lên dần trên đầu. Cô từ từ hé mắt, thấy mình ngồi buồng thông căng bên mép ngựa, Hên quỳ dưới đất úp mặt vào giữa lòng cô, vòng tay ôm ghì hai bắp chân, thở hiền hòa như đang ngủ. Cô lấy những ngón tay làm lược gỡ mái tóc bờm xờm, êm ái; bây giờ hơi lạnh gây gây ngoài da, thắm trên chiếc áo bà ba mỏng và trong thân sự nồng ấm chạm chập lan đón chống chọi. Hên quay nửa mặt đưa mắt ngó lên; hai tay rớt xuống ôm đôi bàn cẳng còn tê lạnh. Huệ khẽ động, thấy mình có thể nhúc nhích được.

Ngoài đường tiếng xe chạy huyền não dòn dập tưởng như trời đã sáng bết. Huệ bắt ngờ xô mạnh đầu đứa con trai, rút cẳng lui tới hàng song, Hên sực tỉnh ngó dáo dác. Xung quanh vẫn tối thui, nín lặng hoàn toàn, không còn cả tiếng mõ thầy Chín. Huệ thở dài, hơi thở bám nóng quanh mặt, những giọt nước mắt khô rát.

"Hết giới nghiêm rồi".

Hên chậm chạp chống tay trên mép ván cập kênh đứng trở dậy, cúi lượm chiếc nón rách, tàn ngần chụp lên đầu, chưa muốn dời bước. Bóng tối loăng nhơ trong ngọn gió phe phẩy làm mọc ốc cùng mình. Huệ có thể nhìn thấy những vết rằn ri trên bộ đồ trận của Hên. Cô co hai đầu gối che ngực, vòng tay ôm lấy, bên bắp tay bị nắm giữ còn đau ê ẩm, nghĩ thầm: mình bị trúng gió, đau tới nơi rồi. Hên vẫn đứng sững như trời trồng không nhúc nhích cục cựa. Bất thần nó xoay mình đi mau không ngoái lại sau, tới đứng dưới gốc đèn đầu ngõ, bóng chiếu gầy trên bức tường của tiệm sửa xe. Ngoài lộ không một tiếng xe qua.

Huệ giẫm chân xuống đất yếu ớt, lò mò tìm đôi dép sút vắng mỗi nơi một chiếc. Cô đang lui cui quan sát mặt đất, bỗng nghe tiếng nổ buốt óc, ngã nhào ngực tức nghẹt, mắt mở trừng. Xung quanh nhiều tiếng động lịch kịch trong các nhà. Không biết bao lâu, cô thở lại được, hoàn hồn bảm lấy cửa xe tắc xi đứng lên, người nghiêng ngả như say rượu. Một vài tiếng chim lích chích trên cây cao. Ngõ sáng hơn vì nhiều nhà thức dậy, cô nghe tiếng chị Tám mở cửa nói lớn một mình: "Ngay ngoài ngõ mình thôi". Cô trông ra ánh đèn vàng chiếu tỏa trên quăng đường mờ mờ như một làn sương mỏng, vắng vẻ hiu quạnh như đang còn nửa đêm. Dưới gốc đèn một bóng người ngồi ủ rũ ngủ như quên không thấy đầu. Cô lấp bắp rên rỉ không ra hơi, thốt la vang hàng xóm:

"Thằng Hên... Thằng Hên..."

Huệ té khụy xuống đất, va mạnh xuống thềm xi măng đầu bốt ngàn ngụt như đám cháy ngon trên cỏ và lá khô, thân thể như bị bằm dập khắp nơi sau một cuộc tra tấn dã man. Dưới lưng tiếng động của chân chạy hỗn loạn.

Thanh Tâm Tuyền, người thi sĩ ấy Bùi Vĩnh Phúc



Một buổi chiều, một buổi chiều nào đó, như tất cả những buổi chiều ta đã lang thang trên xứ lạ, như tất cả những buổi chiều mặt trời rơi xuống xoáy buồn vào trái tim, ta nhìn đời sống mình bốc khói. Khói cay ngun ngún cháy đi tất cả những ngày đã qua, cháy đi những mộng tưởng cũ kỹ, những hè đường đầy lá úa ướt át, những dòng sông thờ nòng mùi gỗ mục. Đời đã ngun ngún cháy đi những giây phút hạnh phúc đẹp đẽ và mơ mộng nhất của ta, cháy đi những cửa sổ mở tung nhìn con chim bay trên trời, những ngõ hẹp cất giấu bóng chiều âm ỉ, và khuôn mặt em, khuôn mặt ướt mưa mà hai bàn tay ta đã nâng niu như một cánh hoa gầy. Trong mắt em ta nhìn thấy ngoài kia cơn mưa chụp xuống giăng kín buổi chiều. Em chớp mi, và bầu trời phủ đầy bóng tối. Một bóng tối thơm ngát mùi hoa chanh.

Một buổi chiều, một buổi chiều nào đó, giam mình giữa dòng xe cộ trùng điệp của giờ tan sở, để chiếc xe tự động lăn theo dòng nối tiếp mệt mỏi, tâm tư ta lại nhớ về những buổi chiều cũ ở quê nhà. Những buổi chiều đã ngun ngún bay đi. Bay đi như khói thuốc, như hương khói mùa xưa. Những buổi chiều trời thấp mãi tiếng mưa sầu. *Làm thế nào để quên được nhau. Hạt mưa kia long lanh nỗi nhớ niềm từ biệt, hoàng hôn bàng hoàng màu khói nhạt...*

Ta chợt nhớ đến người thi sĩ ấy. Thanh Tâm Tuyền. Bây giờ, ông đang nuôi những cơn mộng nào. Ông đã sống như thế nào giữa lòng quê nhà mưa bay gió thổi^[1]. Ông nhìn ngắm như thế nào những con đường, những buổi chiều, những băng đá, những dòng sông, những thành phố ngày xưa. Trời thì còn mưa, mưa mãi. Mưa rơi ướt những hoài vọng, những ước mơ, và bóng tối như đang đổ xuống không cùng. Ta muốn bật một que diêm để cùng Thanh Tâm Tuyền nhìn lại những buổi chiều cũ, có hơi ẩm ngày xưa.

*Buổi chiều vào chật khoang xe. Đèn thấp lên
Tiếng máy nổ bỗng thành tiếng cười dài
Mưa xuống bên ngoài, ngoài cửa sổ. Những bàn tay níu lấy vòng sắt lạnh
Mỗi ngày chúng ta đứng bên nhau không quen nhau
Thân mặt ngó lên mái tóc rối nền trời khuya
Ngó vào mắt hoang xa dòng sông không bờ
(...)
Chuyến xe buýt chạy trong buổi chiều. Trời mưa, mưa ngoài châu thành.
Không tìm thấy bến không đỗ lại
Vai áo đã ướt đầy
Tóc em rét mướt
Một ngày mới bắt đầu với tờ báo phát hành sớm gói trên tay.
Xe còn chạy mưa hoài dòng sông hoang mắt bỏ cổ níu lấy cửa xe...*

(“Một chỗ trên ô-tô-buýt”)

Que diêm đã bật lên rồi đó, chúng ta có nghĩ thấy hơi ẩm quê nhà? Ôi, một chiều mưa, mưa rơi ngoài châu thành, chiếc xe buýt xanh chạy vào trái tim, dòng sông và những chầm mưa lổ đổ, buổi chiều xanh lơ màu sương khói, vai áo em mềm ướt hồng da thịt, vùng tóc rối rét đầy. Em hiền, em hiền như bánh không men, như ngọn tháp giáo đường ngoài xa kia vươn lên như một búp nến. Hơi lửa nhỏ nhẹ cháy vào lòng ta rét mướt. Xe chạy hoài dòng sông nuôi mắt. Búp nến buồn hiu hắt những hơi mưa. Sợi tóc quệt ngang vành môi theo đường bay của gió. Những con chim bay vào cõi sa mù.

*

Tôi muốn viết về Thanh Tâm Tuyền như ông vẫn còn đang đứng ở đó, bên một cây cầu hay một dòng sông, tay sờ lên đường viền của những vòng sắt lạnh. Tôi muốn viết về ông như viết về những kỷ niệm của mỗi một chúng ta. Tôi không nghĩ là thơ ông đã tạo được những rung động trong đồng bào chúng ta hay được tất cả những người thường ngoạn, những người làm văn nghệ thời đó nhất trí chấp nhận như một giá trị hiển nhiên. Thanh Tâm Tuyền, và một vài người khác cùng thời với ông, đã có công giới thiệu và làm bùng nổ một dòng thơ tự do đầy sức sống trong một giai đoạn phát triển của văn học miền Nam. Trong cái nhiệt tình thấp lửa, có những lúc có thể là ông đã phát biểu cái tiếng nói thơ, chuyên chở tâm tình và sự suy tư của ông, ở những cung bậc quá khác lạ với những âm điệu vẫn được những người khác - những người cùng sống ở một thời đại với ông - thường dùng.

Thanh Tâm Tuyền đã được yêu thương, ca tụng cũng như đã bị lên án và chối bỏ trong những

năm ông bám lấy thơ, coi thơ như một cung cách sống, một nỗ lực để có thể sống cái đời sống của mình một cách trọn vẹn. Ngoài một số những bài thơ làm sau giai đoạn 1964, chưa được in thành tập, những bài thơ tiêu biểu nhất của ông, làm trong những giai đoạn trước đó, đã được ông thu góp trong hai tập *Tôi không còn cô độc* (1955) và *Liên-đêm-mặt trời tìm thấy* (1964). Hai tập thơ đã trình bày trước độc giả con người của Thanh Tâm Tuyền một cách khá rõ nét. Kiên cường, ngạo mạn, lạnh lùng, cô độc, cô đơn, cô lữ, lãng mạn, tha thiết, dằn vặt, yêu thương, khô khan, bùng cháy, mệt mỏi, hoài nghi, thất vọng, siêu hình, trong sáng, rắc rối, phức tạp, xót xa, phần nộ... Đó là một số từ chúng ta có thể dùng để nói về thơ Thanh Tâm Tuyền, về Thanh Tâm Tuyền. Ông đã sống thiết tha và vũ bão như vậy. Có những lúc ông cũng đã cảm thấy mệt mỏi, hoài nghi, và thất vọng, nhưng trong tất cả những trạng thái sống đó, tôi chưa từng thấy ông sợ sệt.

Như con sư tử và như đứa trẻ thơ (đúng, Thanh Tâm Tuyền cũng có đôi khi như thế) của Nietzsche, Thanh Tâm Tuyền đi vào đời sống với tất cả những say đắm, yêu thương, thơ dại và phần nộ chất chứa trong hồn ông. Ông đã được yêu ghét thế nào, chúng ta chắc chẳng cần nhắc lại. Hãy chỉ nhớ là, bây giờ, Thanh Tâm Tuyền vẫn đang ở tại quê nhà, vẫn còn canh giữ cho ta những giấc mộng cũ, và những bài thơ của ông, lang thang ở những xó góc tối tăm nào đó của đời sống, của trí óc ta, lâu lâu vẫn còn khua gõ những bước chân âm thầm trở về. Và ta lại nhìn ra những bóng mưa của thời gian xưa cũ, những dòng sông vẫn chảy lặng lẽ, mưa vẫn rơi, mưa rơi nhỏ nhẹ, mưa rơi ngoài châu thành. Trái tim ta ướt đẫm nước mắt...

*Anh ngắm hai bàn tay anh nhớ tàn lá về chiều
Khóc thờ ơ ngoài không trung.*

*

Đọc lại những bài thơ Thanh Tâm Tuyền, tôi thấy mình yêu và gần ông ở những bài, những đoạn, những ý ông nói về tình yêu. Thật ra, bài nào của Thanh Tâm Tuyền lại không có tình yêu trong đó. Tình yêu giữa nam và nữ. Tình yêu mến thiên nhiên, yêu thương con người nói chung. Tình yêu giữa ánh sáng và bóng tối, tình yêu đồng loại bị dồn nén bởi sự tàn ác, bất công và nước mắt - nổ bùng ra thành phần nộ. Tình yêu làm Thanh Tâm Tuyền trở nên lãng mạn, và đau khổ, nhục nhằn. Tình yêu xót xa hoà chung với sự đau khổ vì nỗi đời, vì mệnh nước.

Nói như thế có nghĩa là tôi gần như yêu hết tất cả những bài thơ của Thanh Tâm Tuyền, vì có thể nói bài thơ nào của ông mà lại không chứa đựng tình yêu, tôi lại muốn nói một lần nữa như vậy. Dù sao, có những bài thơ trong đó ông đã đưa vào quá nhiều những hình ảnh, những tư tưởng siêu hình, và những điều đó, theo ý tôi, làm bài thơ ông mất bớt đi sự lôi cuốn. Điều tôi đang nói đây có thể là một điều kỳ lạ đối với một số người yêu thích Thanh Tâm Tuyền và nghĩ rằng thơ ông chủ yếu ở chỗ siêu thực, như thơ của Paul Eluard, Breton, Aragon, Rimbaud, Lautréamont... Thật sự, nói chung, thơ Thanh Tâm Tuyền đúng là rất gần với thơ của các nhà thơ siêu thực của Pháp; nhưng trong thơ của ông, những bài mà cảm tính và lý tính được diễn ra ở một mức độ cân bằng, hoặc nghiêng nhiều hơn về phía cảm tính, lại cuốn hút tôi hơn. Những bài quá nghiêng về lý tính không mời gọi tôi trở lại với chúng nhiều lần như những bài kia. Như vậy, có phải tôi là con người nghiêng nhiều về cảm tính? Tôi cũng không rõ. Nhưng nếu tôi là một mẫu người thích để cảm tính ngự trị, chắc tôi đã không chọn con đường đi vào phân tích, lý luận hay phê bình. Có lẽ, cuối cùng tôi đã nghĩ, không biết có phải là một sự bất công đối với Thanh Tâm Tuyền không, là những bài thơ quá nghiêng về lý tính của Thanh Tâm Tuyền, những bài thơ có vẻ quá sức siêu thực hay siêu hình của ông, làm cho tôi thấy ông bớt đi sự tự nhiên, tự tại của mình^[2]. Những bài thơ ấy che giấu ông lại, thay vì mở ông ra với nụ cười tiếng khóc, với sự xót xa thương yêu, dằn vặt, phần nộ... của ông. Mà chính những điều

ấy lại làm Thanh Tâm Tuyền gần gũi chúng ta hơn.

Hãy đọc ít đoạn thơ cũ của Thanh Tâm Tuyền, *những lời thơ rất cũ gõ cửa trái tim nàng kia*, để thấy lại bóng dáng của tình yêu, sự dịu dàng của bóng tối, những xót xa, đau khổ của nỗi đời, mệnh nước đan kín lấy nhau.

Hồi Liên những Liên và Liên

Anh muốn nghe một bài hát buồn - lời anh không thành điệu - muốn nghe một bản hát buồn. Thí dụ. Trưa nắng giữa ngã năm ngã sáu có chợ có ga, đường tàu mãi miết. Bóng tối lặng thinh em hát lên làm sao mà chịu đựng, hoa lá chia sầu. Một góc bàn anh hôn màu gỗ trống.

Hồi Liên những Liên và Liên

Chẳng là anh ngông cuồng kiếm tìm tổ quốc vậy em biết không. Mà tổ quốc ngàn đời nín thở vì trời thì xanh mà khổ đau nói sao cho hết. Chẳng là anh chót yêu em vậy em biết không? Mà khi yêu nhau, trong những đêm sao hằng hà, làm thế nào để quên được nhau...

(“Nói về dĩ vãng”)

Đôi khi ở nơi đất lạ này, trưa nắng giữa ngã năm ngã sáu có chợ có ga, đường tàu mãi miết, tôi chợt rưng rưng nhớ nhà. Tổ quốc ngàn đời nín thở vì trời thì xanh mà khổ đau nói sao cho hết. Người thi sĩ ấy đã cảm ra những điều xót xa bàng hoàng này từ những ngày xưa. Sự bén nhọn của người thi sĩ đã khiến cho chàng ta được gọi tên như những nhà tiên tri thấu thị. Những nhà tiên tri này lên tiếng báo trước định mệnh của con người. Định mệnh có thể mang hình một cây thập tự nhưng cũng có thể là sự phục sinh. Nó có thể có mùi vị ẩm mốc của những đám lá chết nhưng cũng có thể có mùi thơm mát của những giọt sương long lanh đầu lá. Lên tiếng nói về những điều đó là nỗi khao khát đồng thời cũng là chức năng của người thi sĩ. Thế nhưng, đối với những chế độ đòi hỏi sự đồng phục trong lề lối sống của những con người mà nó nắm giữ, định mệnh con người phải hiểu là của nhà nước và do nhà nước định đoạt, ban phát. Thi sĩ không có quyền cất lên tiếng nói để làm tròn chức năng cũng như để thỏa mãn những khao khát của chàng. Thi sĩ bị lưu đày khỏi quê hương hay bị lưu đày vào đời sống cùng khốn theo cả hai nghĩa đen và bóng. Ngày xưa, thời Platon, người ta trịnh trọng và lễ phép (giả hình) choàng vòng hoa vào cổ người thi sĩ, rồi đuổi họ ra khỏi xứ sở. Bây giờ, người ta không cần triết học, người ta vất bỏ sự lễ phép (giả hình và không giả hình), người ta tóm lấy cổ thi sĩ và tống chàng vào ngục. Hãy vào trong ngục mà rao giảng cho bóng tối lòng yêu thương và những điều tiên tri của người, hồi kẻ thi sĩ kia. Trong vùng bóng tối đó, người hãy nói lên sự thấu thị của người. Đây là sự thật của cuộc đời? Mặt trời đang lên ngoài kia, và người là kẻ ngồi trong bóng tối. Hồi kẻ thi sĩ kia, người không sản xuất ra của cải vật chất, người đòi lên tiếng nói năng gì?!!

Ngày xưa, người thi sĩ đã phẫn nộ, đã hét lên, đã run lên, đã giận dữ, đã tràn nước mắt... vì những kẻ đòi độc quyền ban phát sự thật như thế. Hãy nhớ về Hung gia lợi, 1956.

Hãy cho anh khóc bằng mắt em

Những cuộc tình duyên Budapest

Anh một trái tim em một trái tim

Chúng kéo đầy đường chiến xa đại bác

Hãy cho anh giận bằng ngục em

Như chúng bắn lửa thép vào

*Môi son họng sủng
Mỗi ngã tư mặt anh là hàng rào
Hãy cho anh la bằng cổ em
Trời mai bay rục rờ
Chúng nó say giết người như gạch ngói
Như lòng chúng ta thèm khát tương lai
Hãy cho anh run bằng má em
Khi chúng đóng mọi đường biên giới
Lùa những ngón tay vào nhau
Thân thể anh chờ đợi
Hãy cho anh ngủ bằng trán em
Đau đầu đạn
Đêm không bao giờ không bao giờ đêm
Chúng tấn công hoài những buổi sáng
Hãy cho anh chết bằng da em
Trong giây xích chiến xa tội nghiệp
Anh sẽ sống bằng hơi thở em
Hỡi những người kế tiếp*

*Hãy cho anh khóc bằng mắt em
Những cuộc tình duyên Budapest*

(„Hãy cho anh khóc bằng mắt em những cuộc tình duyên Budapest“)

Phần nộ là phần nộ trước sự đè nén, áp bức và đối trá, bưng bít sự thật. Sự thật của người thi sĩ, sự thật cháy hoài trong trái tim người thi sĩ là gì? Đó là tình yêu. Tình yêu trong tất cả mọi thể thái và lột vỏ của nó: hạnh phúc, đau khổ, hoang mang, xót xa, hoài nghi, tuyệt vọng, rạn vỡ, âm u, hơi thở, tiếng cười, ngọt ngào, cay đắng, gần gũi, cách xa, dịu dàng, hung bạo, phương phi, rục rờ, mệt mỏi, chán chường...

*Hãy khép mắt khép mắt thật khế
Có thấy chúng ta rơi vào giấc ngủ sâu vào những giấc mơ
Hương hoàng lan lẫn mái tóc người yêu
Xa thành phố bỗng lạc đường
Tại sao cánh rừng cháy tôi một mình
Người nào ngủ đây người nào chết đây thân xác tan tành
Hãy khép mắt khép thật kín
Và chúng ta rơi vào cơn ác mộng một mình*

(„Khai từ của một bản anh hùng ca“)

*Em gói đầu sương xuống
Chuyện trò bằng bóng hình
Tôi đẹp như hình tôi
Như cuộc đời
Như mọi người
(...)
Em là lá biếc là mây cao là tiếng hát
Sớm mai khua thức nhiều nhớ thương
Em là cánh hoa là khói sóng
Đêm màu hồng*

(„Bài ngợi ca tình yêu“)

Tình yêu trong thơ Thanh Tâm Tuyền ít khi được nhìn thấy dưới một khía cạnh vẹn toàn. Tình yêu ấy luôn luôn xao động, sắp ngửa giữa ánh sáng và bóng tối, giữa chúm môi lá biếc những chòm hôn vội vàng và con đường đi buổi chiều hấp hối, ôi buổi chiều sương mù, giữa những

*Ngón tay âm thầm trò chuyện
Những bước chân thỏ rừng
Chạy trên cỏ sắc
Sợi tóc đen như một chuỗi cười*

và:

*(...)
Điều thuốc bỗng trở niềm hắt hủi
Khó tim buồn
Vì chiều theo chân em sang bên kia đời
Nụ cười mang theo*

*(...)
Em có biết sau lúc em từ biệt
Điều thuốc cháy trên môi như người bạn chết
Hơi nóng khô hành củ gãy tàn...*

Tình yêu trong thơ Thanh Tâm Tuyền còn là tình nhân ái, là lời yêu thương cho những con người cô độc, lẻ loi, trong bóng tối cháy thắm giọt lệ sâu. Thi sĩ khi nghĩ đến mình, đồng thời, chàng nghĩ đến những người xung quanh. Nhìn cuộc lênh đênh chìm nổi của người khác, chàng nghĩ đến cuộc lang thang, nổi cô đơn của chính mình. Những mơ-ước-hoài-nghi-ngọt-ngào-cay-đắng-thiết-tha cứ thế quện lấy trái tim chàng.

*Tôi biết những người khóc lẻ loi
không nguôi một phút
những người khóc lệ không rơi ngoài tim mình
em biết không
lệ là những viên đá xanh
tim rũ rượi*

*đôi khi anh muốn tin
ngoài đời chỉ có trời sao là đáng kể
mà bên những vì sao lấp lánh đôi mắt em
đến ngày cuối
đôi khi anh muốn tin
ngoài đời thơm phức những trái cây của Thượng Đế
mà bên những trái cây ngọt ngào đôi môi em
nguồn sữa mật khởi đầu
đôi khi anh muốn tin
ngoài đời đầy cỏ hoa tinh khiết
mà bên cỏ hoa quuyền rũ cánh tay em
vòng ân ái
đôi khi anh muốn tin
ôi những người khóc lẻ loi một mình*

*đau đớn lệ là những viên đá xanh
tim rũ rượi*

(„Lệ đá xanh“)

Trong ngôn ngữ tình yêu của Thanh Tâm Tuyền, những sợi tóc không còn chỉ là những sợi tóc, những sợi tóc đen như một chuỗi cười. Những giọt lệ không còn là những giọt lệ, nhưng lệ là những viên đá xanh. Và môi em là trái cây ngọt ngào. Cánh tay, thân thể em là cỏ hoa quyến rũ. Buổi chiều không còn đứng yên, nhưng chiều theo chân em sang bên kia đồi. Và bệnh viện mất kín mưa đêm. Đêm trong thơ Thanh Tâm Tuyền, như thế, có một thân xác và một linh hồn.

*Đêm hiền từ nhỏ to trên trán
Màu đen sáng đủ ngó vào nụ cười
Có đấy không này em mưa chan hoà
Trên ngực trên ngực em bát ngát*

Thân thể người con gái, người đàn bà trở thành một cái gì vừa cụ thể, gần gũi, có thể ăn cắn như một thứ trái cây, có thể ngửi được, vùi đầu vào được, sờ mó, nâng niu, vuốt ve được..., vừa trở nên một cái gì trừu tượng hoặc thanh thoát xa vời:

*Da trắng như tiếng hát ở trên trời...
Anh cúi xuống hôn cánh môi tím màu đêm mà thương nhớ...*

Đừng trói anh vào trần gian bằng mắt em nhìn kia...

*Người đàn bà rũ tóc thành một cơn bão mặt
Hương nồng chiều dòng kinh mùa hè...*

Tất cả những sự chuyển dịch, biến hoá từ hơi thở của tình yêu ấy luôn luôn kéo thi sĩ vào thiên nhiên. Một thiên nhiên khi thì trong xanh, bừng lên sáng sủa như một tiếng chim, nhưng cũng có những lúc cái thiên nhiên ấy lại chỉ hiện ra ở những hình thể sắc cạnh, chỉ là những khối gỗ, sắt vô tri.

Trước hết, đây là thiên nhiên mềm, mở tung cửa sáng vào trời xanh. Tiếng mưa gõ nhịp lách tách vào mắt em.

*(...)
Cửa sổ trời những mắt chưa quen
trán hoang đồng cỏ
run đường môi kỷ niệm
đi qua những thành phố đầy tim
cười đổ mưa một mình*

(„Cửa em“)

Hay là thiên nhiên của mùa về với những bông mía trắng phát phơ hay đám lau buồn lất lay trong gió.

*(...)
Ai xui rằng mùa mặng chưa tới
Mà mùa về mặng thôi chẳng ngọt*

Vườn măng rừng thảng sáu đêm sâu
Muốn làm người học trò mười bảy tuổi
Đạp xe trên đường đồng
Bông mía trắng những căn nhà ngủ dưới cây...

(„Bao giờ“)

(...)
Tuổi ấu thơ hòn cù lao xa khuất
Và tình yêu như đám lau buồn
Vàm sông nước xoáy như tiếng cười thâm
Ở sau lưng ở trước mặt
Anh thả người trôi nổi

(„Sầu khúc“)

Đó là những mảnh thiên nhiên hiền lành, thơ mộng, hoặc buồn bã, nhưng trong chúng, người ta vẫn thấy một cái gì thân mật, gần gũi. Nhưng đó là khi con người còn giữ lại được mình. Khi người ta cảm nhận được sự mất mát, xa lạ của mình đối với chính mình, khi người ta thấy mình đang bị cái thiên nhiên của sắt thép gỗ đá, của tiếng cơ khí chạm vào nhau và phát ra tiếng kêu của một loài sắt lạnh, của những cao ốc, những cột đèn... bao phủ lấy họ, người ta không còn thấy được nét mềm mại thơ mộng của thiên nhiên nữa.

Anh sợ những cột đèn đổ xuống
Rồi dây điện cuốn lấy chúng ta
Bóp chết mọi hy vọng
Nên anh diu em đi xa

Đi đi chúng ta đến công viên
Nơi anh sẽ hôn em đắm đuối
Ôi môi em như mật đắng
Như móng sắc thương đau
Đi đi anh đưa em vào quán rượu
Có một chút Paris
Để anh được làm thi sĩ
Hay nửa đêm Hà Nội
Anh (...) ôm em trong tay mà đã nhớ em
ngày sắp tới.
Chiếc kèn hát mãi than van
Điệu nhạc gầy níu nhau tuyệt vọng
Sao tuổi trẻ quá buồn
Như con mắt giận dữ
Sao tuổi trẻ quá buồn
Như bàn ghế không bày...

(...)
Anh đưa em đi trốn
Những ngày vô ngày mai

(“Dạ khúc”)

Khi người ta ý thức được tình trạng bị mất mát, bị xâm chiếm, bị tha hóa của mình thì người ta hoặc là chạy trốn, hoặc chống cự lại, hoặc là trở nên chai lì, mất hết rung động trước những hiện hữu quanh mình. Lòng trở nên dửng dưng, hoang vắng.

(...)

*Vứt mẩu thuốc cuối cùng xuống dòng sông
Mà lòng mình phơi trên kè đá
Con thuyền xuôi
Chiều không xanh không tím không hồng
Những ống khói tàu mệt lả*

(“Bao giờ”)

Trước một đời sống đang bị cuốn tròn vào tiếng cười của cơ khí, của tiếng động cơ xô anh vào bãi, trên cát lầy lún mãi, tuổi thiếu niên chạy về nhảy múa trên tóc anh và gọi, có những lúc người thi sĩ đã dửng dưng một cách xót xa như thế, buổi chiều bây giờ trở thành dửng dưng, như lòng ta dửng dưng nhìn những ống khói cơ khí kia kiệt sức. Màu sắc thường làm dậy lên những rung động trong hồn người. Buổi sáng sắc xanh, buổi trưa sắc trắng, buổi chiều sắc tím, hay hồng. Cũng có khi yêu đời, người ta thấy buổi chiều sắc xanh, hoặc đang yêu người, ta thấy chiều lên sắc hồng; còn khi người ta buồn hoặc để lòng mình lãng mạn vu vơ bập bênh tiếng sóng, người ta thấy chiều tím. Chiều không xanh không tím không hồng, ấy là chiều đã không còn chỗ trú ngụ trong lòng người. Chiều đã đi ra ngoài trí nhớ. Chiều đã trở thành một thực thể biệt lập, ngoại tại. Và chiều dửng dưng:

*Em biết không?
Em biết không?
Trong ngục tù giam giữ những than van
Người ta kêu một mình
Thành tiếng động rùng rưng đống sắt rỉ hoen rơi đổ
Não óc anh hàng chần song nguyên rủa
Khi em đi qua những đường phố dẫm nát những giấc mộng theo đời
Hy vọng dội lên trong mọi hồi trống rỗng
Anh nắm hai bàn tay anh nhớ tàn lá về chiều
Khóc thờ ơ ngoài không trung...*

(“Sầu khúc”)

^[1]Bài này được viết vào năm 1986, khi Thanh Tâm Tuyền còn sống tại Việt Nam, chưa định cư tại Mỹ.

^[2]Thật ra, có thể nói tính chất siêu thực thường không dung nạp lý tính. Siêu thực ở ngoài lý trí. Thế nhưng, những đoạn thơ mà nhiều người nghĩ có vẻ “siêu thực” nhất của Thanh Tâm Tuyền lại chứa đựng đầy lý tính. Và hình ảnh trong những bài này thường mang màu sắc ẩn dụ. Xin xem *Liên-đêm-mặt trời tìm thấy* ở các bài “Hơi thở”, “Thành phố”; “Bài không tên” ở trang 72, đoạn 10; “Sầu khúc”, đoạn 5; “Từ chối”; “Bài không tên” trang 113-123.

Nguồn: Đăng lần đầu trên nguyệt san *Văn Học*, California, 1986. In lại trong *Lý luận và phê Bình / Hai mươi năm văn học Việt ngoài nước 1975-1995* của Bùi Vĩnh Phúc, nhà xuất bản Văn Nghệ, California, 1996. Đăng lại trên talawas với một số thay đổi và bổ túc của tác giả. Nhưng Thanh Tâm Tuyền không để cho những tù ngục của mệt mỏi, dửng dưng ấy giam giữ ông. Ông bám vào tình yêu, vào sự lãng mạn của mình. Đó là chiếc chìa khóa giúp ông mở

tung những cánh cửa của chán nản, của tuyệt vọng, của mệt mỏi, của sự đồng phục trong đời sống, của những sắt thép gồ đá và những mệnh lệnh liên tiếp được dựng lên, tung ra để cầm nắm, để giam giữ tâm-ý-thể con người. Khuôn mặt tình yêu có trong sáng hay buồn bã, đôi mắt tình yêu có rạng rỡ hay thâm sâu, chàng thi sĩ vẫn tìm ra ở đó những phúc âm của đời mình.

(...)

*Hãy ngửa khuôn cổ tròn như một cánh hoa trắng,
anh đeo vào đây vòng ca ngợi
Hãy chìm mắt xuống những lớp nhớ nhung
như biển lớn anh đang dâng
Hãy đặt bàn tay mười ngón lửa
sưởi lên môi anh từng lạnh giá bởi những lời đã thốt
Anh sẽ hôn em, thời khắc hạnh phúc vẫn mong manh*

(...)

*Bởi con chim vẫn giam trong lồng ngực vừa được bay nên bay
mau hơn ánh sáng, anh nhìn được mắt em tuyệt vời tận muôn nghìn quá khứ.
Bởi con chim đã bay kịp thời-gian nên chậm lại, anh nhìn
thấu hồn em trong suốt những mai sau.
Bởi con chim còn xòe cánh liệng tròn, anh thấu nhận hết em qua vô vàn hình ảnh*

("Liên-đêm-mặt trời tìm thấy")

(...)

*Anh đưa tiễn em, gửi theo những giấc mộng giấu kín hết đời. Em
lên đường và anh chỉ còn chân tay tê nhạt vô duyên như xứ sở
tang thương vì bom đạn.*

("Chiều trên phi trường")

Trong tình yêu riêng của mình, Thanh Tâm Tuyền đã sống và chết trong đời sống như thế, đã hạnh phúc và đớn đau như thế, nhưng người thi sĩ ấy không để tình yêu che mờ hết những rung động khác trong con người chàng. Thanh Tâm Tuyền đòi hỏi tự do. Tự do trong mọi thể thái của nó. Người thi sĩ ấy đã làm thơ, và thơ của ông trước tiên là một sự phá bỏ những xiềng xích cũ. Sự cân đối, mực thước, cùng nhịp điệu, lối gieo vần của những thể thơ cũ có lẽ đã cản trở Thanh Tâm Tuyền trong cách diễn đạt những tư tưởng vỡ bờ, những lẽ lối suy nghĩ nằm ngoài khuôn phép của ông. Thanh Tâm Tuyền muốn cho hơi thở mình được tự do, tư tưởng mình được phóng khoáng, nên ông đã đẩy thơ tự do của ông, thời ấy, vào những con đường hết sức mới lạ. Dĩ nhiên là Thanh Tâm Tuyền không thể thoát khỏi ảnh hưởng của những trào lưu Tây Phương đang ghi những dấu ấn trên tâm thức của thanh niên thời đó. Nhưng việc ông can đảm đưa vào thi ca chúng ta thời ấy những thể mới, ý mới như ông đã làm cũng đã cho chúng ta thấy tính cách khai phá của ông.

Trên đường đi tìm một tự do hằng khao khát, Thanh Tâm Tuyền, như bất cứ ai chọn cuộc lên đường đầy thử thách để tìm một dải đất mới cho mình, đã có những lúc phần nộ. Có những phần nộ chính đáng, trong đó có những mầm hạt cho một hạnh phúc ước mơ sau này. Có những phần nộ vô lý, vô cớ, không dựa trên một lý do chính đáng nào cả. Nhưng thật sự ra thì phần nộ, phản kháng là yếu tính của con người nghệ sĩ, của kẻ sáng tạo. Tôi thấy, ở một mức độ nào đó, sự phản kháng của Thanh Tâm Tuyền có một số nét gần gũi với cung cách phản kháng của Albert Camus.

Trong *Con người phản kháng* (*L'homme révolté*), và trước đó, thể hiện trong *Kẻ xa lạ* (*L'étranger*), Camus đã trình bày ý nghĩa của cung cách *phản kháng* này. Nhiều người và nhiều nhà phê bình đã không hiểu rõ ý nghĩa phản kháng trong các tác phẩm của Camus nên đã đưa ra những bàn cãi và phê bình đi ra ngoài những điều ông muốn nói, và bởi thế, đã thất bại trong việc đánh giá các tác phẩm của ông. Bây giờ, sau khi những bàn cãi sôi nổi đã lắng xuống, Albert Camus đã chết, và tác phẩm của ông đã được xếp vào loại những tác phẩm chứa đựng những giá trị thâm sâu và nhân bản nhất của con người^[1], người ta mới nhìn kỹ hơn những ý nghĩa mà Camus đã mang đến cùng với từ “phản kháng” trong văn chương ông. Camus đã không dùng từ này theo nghĩa vẫn được chấp nhận. Sự phản kháng của ông không trực tiếp để chống lại cái khát vọng có tính cách lãng mạn để thăng hoa và tiêu diệt những giới hạn ràng buộc con người. Sự phản kháng này nhằm thẳng vào tất cả những âm mưu, những sức cản làm giảm bớt đi cái khả năng của con người trong việc nắm bắt những cơ hội để sống hạnh phúc trong vòng những giới hạn ấy. Những kẻ thù mà Camus vạch mặt và không ngừng chiến đấu để chống lại là tất cả những sức mạnh làm đông cứng, mô-mi-hoá con người, cho dù bất cứ những sức mạnh này ở dưới dạng nào - tinh thần, cá nhân, hay định chế - bắt nguồn từ sự vô cảm, mơ ngủ, hay từ những mạng lưới chằng chịt của các ý thức hệ, xanh hay đỏ, của thời đại này nhằm trói buộc và cầm bắt tâm-ý-thể con người.^[2]

Hãy đọc lại *Hãy cho anh khóc bằng mắt em những cuộc tình duyên Budapest* để thấy sự phản kháng này của Thanh Tâm Tuyền. Hay là đọc bài sau đây:

*Ngực anh thùng lỗ đạn tròn
lưỡi lê thấu phổi
tim còn nhẩy đập
nhịp ba nhịp ba nhịp ba
tình yêu tự do mãi mãi*

(...).

*núi cao uốn cây rừng
nhịp ba nhịp ba nhịp ba
tình yêu tự do mãi mãi
đất nước ào ào vỗ nhịp
triều biển chập chùng
Hà Nội Huế Sài Gòn
ôm nhau nức nở*

(...).

*nhịp ba
tình yêu
tự do
mãi mãi
tình yêu tự do mãi mãi
tình yêu tự do mãi mãi
tình yêu tự do
mãi mãi anh ơi*

(“Nhịp ba”)

Hoặc sự phản kháng của Thanh Tâm Tuyền trước những bất hạnh, những bất công, những bất túc của lương tâm con người. Trong lời phản kháng này, ta vẫn còn nghe ra một niềm hy vọng.

*Một người da đen một khúc hát đen
Bầu trời đen sâu không cùng
Những dòng nước mắt*

*Xé nát thân thể bằng tiếng kèn đồng
Bằng giọng của máu của tủy của hồn bắt đầu ngày tháng
Giữa rừng không lời rừng mãi trống không*

(...)
*Vì Blues không xanh vì điệu Blues đen
Trên màu da nức nở
Trong hộp đêm
Bắt đầu chảy máu thâm kín khóc cổ họng mình
Ngón tay cấu lấy ống kèn như một bùa thiêng*

(...)
*thế giới va chạm những loài kim réo gọi
Thời gian mềm
không gặp thời gian
Không gian quay thành những vòng kỷ niệm
Rồi một buổi nào Blues hiện về xanh*

(„Đen“)

Và sau đây là một cơn phẫn nộ vô cớ. Nào ai có biết tôi phẫn nộ gì. Cuộc đời này lúc nào cũng chật hẹp, tù túng, người nhìn người hau háu những móng vuốt giơ ra. Tôi phẫn nộ với tất cả mọi thứ đảo lộn hay đã được sắp xếp để đặt vào thế giới này. Hãy hét lên cho nguôi giận.

*Tôi buồn chết như buồn ngủ
dù tôi đang đứng trên bờ sông
nước đen sâu thao thức
tôi hét tên tôi cho nguôi giận
thanh tâm tuyền
đêm ngã xuống khoảng thì thầm tội lỗi... [3]*

(„Phục sinh“)

Ngôn ngữ của Thanh Tâm Tuyền mạnh và chắc; nhịp điệu sắc gọn ở những bài mang ý phẫn nộ. Trong những bài nói chuyện yêu đương chan chứa, những hình ảnh dụ được đưa vào đã giúp điều chỉnh giọng thơ. Chính Thanh Tâm Tuyền cũng có nói xa gần đến điều này khi bảo thơ tự do “không gieo vần lối đồng âm đồng thanh, vần của nó là vần ẩn giấu cách xa (có thể đi tới khác âm, nghịch thanh), nhịp điệu của nó là sự phối hợp của một toàn thể không khuôn trong một số câu nhất định khiến cho hơi thơ tự do dễ kéo dài hơn các hơi thơ khác” [4]. Ngoài ra, cũng trong đoạn trình bày về thơ tự do, cũng như về thái độ, cung cách làm thơ của mình, như Võ Phiến đã dẫn trong *Văn học Miền Nam, Tổng quan* (Văn nghệ 1986), trong tập *Liên-đêm-mặt trời tìm thấy*, Thanh Tâm Tuyền cũng nhắc đến một thứ nhịp điệu gọi là nhịp điệu của

hình ảnh, một thứ nhịp điệu khác là nhịp điệu của ý tưởng, cả hai thứ này là sự thể hiện của nhịp điệu của ý thức.

Tôi nghĩ là Thanh Tâm Tuyền cũng đã khá hào hứng khi nói về những bài thơ cũng như những khám phá của mình - mặc dù nhiều điều trong những suy nghĩ của ông rất đáng cho chúng ta lưu ý. Nhưng, thật sự, như tôi đã nhận xét ở trên, trong những bài có chủ ý rõ là nói về tình yêu nam nữ, tình yêu đôi lứa, Thanh Tâm Tuyền vẫn dùng những nhịp gãy, nhịp trắc trở, những dấu nhấn khác thường so với những thể thơ cũ. Nhưng những hình ảnh rất đẹp và lạ và mới trong những bài thơ này đã làm cho cả bài thơ mềm đi và bay lên như một tiếng chim vào cửa sổ trời mở rộng.

Đọc kỹ, thật sự, ở một số bài, người ta vẫn thấy Thanh Tâm Tuyền còn sử dụng những vần hoặc nhịp điệu của thơ cũ. Những bài này không nhiều, nhưng vẫn có. Và vẫn rất đáng yêu. Hãy đọc lại năm câu thơ này:

*Vứt mẩu thuốc cuối cùng xuống dòng sông
Mà lòng mình phơi trên kê đá
Con thuyền xuôi
Chiều không xanh không tím không hồng
Những ống khói tàu một lá.*

(„Bao giờ“)

Vần vẫn còn đấy, mặc dù nhịp điệu có được làm cho sai khác đi. Đoạn thơ sau đây cũng thế. Vần vẫn còn đó, nhưng nhịp điệu đã được chuyển hoá đi làm cho khác lạ, tạo nên những syncopes như trong âm nhạc. Những âm được sử dụng cũng là những âm chõi, cùng với những nhịp nhấn khác lạ, làm cho bài thơ toát ra một cảm giác buồn bực, dồn nén, bứt rứt. Tất cả những điều đó dội phóng thành một cảnh buồn, chiếu mãi trong tâm thức người đọc. Những cảnh này được tạo nên bằng những bức ảnh đen trắng hoặc có màu xám xịt. Tiếng lóc cóc của vỏ ngựa trên đường về huyết mộ và tiếng kèn *harmonica* nổi bật lên trong bối cảnh này.

*Khi đêm chạy trở lui
Người nào thổi harmonica
Tôi đến bằng mọi cách
Tiếng kèn khóc oà*

*Mưa bắn sân ga
Toa tàu hạng ba
Chuyến xe hàng ốm yếu
Thỏ mộ con ngựa già*

*Đường mòn đưa đến huyết
Đưa trẻ con thổi harmonica
Trong hoàng hôn tóc rối
Tiếng kèn khóa oà...*

(“Sầu khúc”)

*

Tôi đã yêu thơ, đã làm thơ, và đã đọc thơ của nhiều người. Càng đọc nhiều tôi lại càng yêu nhiều. Càng yêu nhiều, tôi lại cứ muốn đọc mãi. Thơ làm cho ta yêu cuộc sống hơn, thiết tha

với sự sống hơn. Nếu thơ không làm được những điều đó, không gọi lên trong lòng người đọc những tình cảm đó, thơ không đạt đến cứu cánh của nó nữa.

Thơ Thanh Tâm Tuyền cho tôi nhiều cảm xúc. Mỗi lần trở lại với thơ ông, tôi đều tìm ra một nét gì mà tôi đã chưa hề thấy trước đó. Bởi những ý tưởng, những hình ảnh Thanh Tâm Tuyền sử dụng thường không nằm trong những ước lệ của tiếng nói hay của lối suy tư hàng ngày, ta thường không nhìn ra được hết cái chân diện mục của chúng. Gần gũi với trường phái thơ siêu thực của Pháp, những hình ảnh mà Thanh Tâm Tuyền sử dụng trong thơ ông cũng, phần nào, có tác dụng của những đường nét trong những bức tranh siêu thực của các họa sĩ thế kỷ 20. Dù sao, nếu nhìn dưới khía cạnh hội họa, tôi nghĩ chúng ta đều thấy rằng những “bức tranh cát tiếng”^[5] của Thanh Tâm Tuyền có nhiều nét gần gũi với các bức tranh của những họa sĩ siêu thực lớp sau như Max Ernst, René Magritte, Salvador Dali, Pierre Roy... hơn là với những họa sĩ siêu thực lớp trước như Jean (Hans) Arp^[6]. Nói về tính chất siêu thực trong văn chương, cũng như trong các thể thái khác, có lẽ không ai có thẩm quyền hơn André Breton. Ông định nghĩa: *tính cách siêu thực là cái tính cách tự động thuần túy xét trên mặt tâm linh, qua đó, nó được diễn tả ra hết sức rõ ràng - bằng chữ viết, hoặc bằng bất cứ một thể thái nào khác - cái tiến trình tư duy thật sự của con người. Đây là tiếng nói của bất cứ một hình thái thẩm mỹ hay đạo đức nào.* Được sáng tạo ra từ những thúc đẩy ở ngoài phạm vi luận lý và lấy chất liệu từ tiềm thức và từ những thị kiến nghệ thuật, các thi sĩ hoặc họa sĩ thuộc trường phái siêu thực đã sáng tạo nên những tác phẩm xuất phát từ những mơ mộng thuần túy của họ về một thế giới mà họ mong ước đạt tới. Tác phẩm của họ không còn nằm trong phạm trù thực tại mà đã bước chân sang một biên địa khác, có những lý tưởng, những ước mơ, và ngay cả những ảo vọng nữa. Đây là những con chim vô hình đập cánh và bay vào cõi vô biên, để rơi lại những tiếng hót vương vất trong cõi trần gian.

Thơ Thanh Tâm Tuyền, ở một số khía cạnh, đã bay nghiêng về những vùng không gian đó. Còn ông, trong chốn trần gian tăm tối và đầy lệ thảm kia, nơi tất cả những tiếng nói bình thường của con người đang bị bóp nghẹt hay bóp méo, nơi những trái tim không còn được tiếp tục nhẩy đập những nhịp yêu thương cũ, ông sẽ ra sao?

Những câu thơ tiên tri ngày nào có trở về trong đời sống kẻ thi sĩ?

*Những giấc ngủ xiêng xích
Cuộc lưu đày thêm xa
Tôi trốn về lẫn lút
Đất đai không tìm ra
Đâu cũng toàn quỷ sứ
Riêu cợt tôi ngậy ngô*

*Cớ sao nhà người khóc
Muốn làm người là điên
Con người thì cô độc
Không phép thuật nhiệm màu*

*Tôi khóc mặc tôi khóc
Bầy quỷ nhẩy xung quanh
Tôi khóc hoài tôi khóc
Và chúng nó phát điên*

*Chúng tước lấy tiếng nói
Giám tôi trong bóng tối.*

Tôi khóc không ra lời
Và tôi đi lang thang
Tôi đi tìm tiếng nói
Cho cổ họng của tôi

(...)..

Tôi nhìn người tuyệt vọng
Tôi nhìn người khấn cầu
Linh hồn tôi rách nát
Lời nói còn ở đâu

("Liên-đêm-mặt trời tìm thấy")

*

Thanh Tâm Tuyền, ngay trong những ngày xưa, thời ông còn được tự do làm thơ hạnh-phúc-yêu-thương-phẫn-nộ, đã cho thấy ông là một con người đã từng nếm nhiều trái-cây-đau-khổ. Tôi nghĩ là ông đã đọc nhiều, đi nhiều, thấy nhiều, cảm nhiều, mơ mộng nhiều, suy nghĩ nhiều, nhớ thương nhiều... Ông đã sống nhiều và ông đã trải đời sống mình ra thơ. Con người ấy, nhìn ở một góc cạnh nào đó, có những lúc ngạo mạn, vô lý, rùng rú, nhưng cũng có những lúc sôi nổi, thiết tha, đắm đuối, dịu dàng.

Để tóm kết bài viết này, tôi muốn ghi lại những dòng chữ sau đây của Rainer Maria Rilke. Người thi sĩ Đức tài hoa và tha thiết ấy đã nói những lời hết sức thật và sống động về thơ, về sự làm thơ:

Người ta phải chờ đợi và gom góp những cảm xúc và sự dịu ngọt của cả đời dài, có khi cả một đời người, tới lúc đó, ở cuối cuộc gom góp đó, người ta mới có thể viết được mười câu thơ hay. Bởi lẽ, thơ, không phải như người ta tưởng chỉ là những cảm xúc giản dị, mà nó chính là kinh nghiệm.

Để có thể viết được một câu thơ, người ta phải thấy bao nhiêu là thành phố, bao nhiêu là người là vật, người ta phải hiểu biết về loài vật, người ta phải cảm được sự sung sướng của con chim bay và biết được những cánh hoa nhỏ bé đã mở mắt chào đón bình minh như thế nào. Người ta phải có khả năng nhớ lại những con đường ở những xứ sở xa xôi mà người ta đã đi qua, những gặp gỡ bất ngờ và những chia tay xa tắp trong trí nhớ. Người ta phải có khả năng nhớ lại được những ngày niên thiếu với những dấu vết khó giải thích, nhớ lại những bậc sinh thành mà người ta đã làm cho đau khổ khi những bậc sinh thành này mang đến cho người ta niềm vui mà người ta không thèm đón bắt, nhớ lại những cơn đau yếu hết sức kỳ lạ bắt đầu bằng một số những thay đổi sâu xa và trầm trọng, nhớ lại những ngày người ta ẩn kín, im lặng trong phòng, nhớ lại những buổi sáng bên bờ biển, những biển hồ sông rạch, nhớ lại những buổi tối lang thang đã bay qua đời người ta rồi bay tuốt lên trời cao với những vì sao (...). Người ta phải có những kỷ niệm về những đêm yêu đương, không đêm nào giống một đêm nào, có những hồi tưởng về những tiếng la hét của phụ nữ trong khi sinh đẻ, và về những người đàn bà nhẹ hẫng, tái nhợt, nằm thiêm thiếp trên giường với em bé ở bên. Nhưng người ta cũng cần phải có kinh nghiệm ở bên cạnh một người đang chết, người ta cần phải có kinh nghiệm ngồi bên cạnh một người đã chết rồi trong một căn phòng có cửa sổ mở tung ra những cơn ồn ào từng chập. Nhưng chỉ có hồi niệm không vẫn chưa đủ. Người ta phải có khả năng để quên chúng đi khi chúng trở nên quá nhiều, quá đầy trong óc người ta, và người ta phải có lòng nhẫn nại để chờ cho đến khi chúng quay trở lại. Bởi vì đấy chưa phải là hồi niệm đâu. Chúng chỉ là hồi niệm khi chúng biến thành máu chảy trong trái tim, trong thân thể người ta, khi chúng trở thành cái nhìn và những

điều bộ, không tên tuổi và không còn có thể tách thoát, phân biệt khỏi chính chúng ta. Chỉ tới lúc đó người ta mới có thể bất ngờ, trong một thời khắc hiếm hoi nào đó, viết ra chữ đầu tiên của một câu thơ đang bắt đầu ngoi lên từ trong những vùng âm u mờ mờ sương đục của hồi niệm và chảy tràn ra ngoài. [7]

Thanh Tâm Tuyền đã dâng hiến cho đời nhiều dòng thơ rất đẹp, những câu thơ đau khổ và phần nộ, hạnh phúc và thương yêu của ông làm cho ta chảy nước mắt. Nhưng nếu Thanh Tâm Tuyền chỉ có được mười câu thơ hay, ông cũng xứng đáng cho ta yêu mến và cảm phục, bởi lẽ ông đã sống, đã tận toan trong đời sống, đã chịu đựng và gìn giữ tất cả để trở nên một thi sĩ.

Hãy choàng vào cổ thi sĩ một vòng hoa và hãy để chàng ngồi giữa chúng ta trong cuộc đời này.

Nghệ thuật đen

Gọi nghệ thuật đen là thứ nghệ thuật bi đát phần nộ, thứ nghệ thuật dục tình suồng sã, thứ nghệ thuật vô luân trắng trợn. Thứ nghệ thuật bị các nhà đạo đức lên án, bị con người văn minh chối nhận, bị những người Mác-xít dè bủ – những hạng người rất nghịch nhau lại gặp nhau ở điểm này.

Gọi nghệ thuật đen là nghệ thuật bị hắt hủi, một nghệ thuật “mọi” của những tên “mọi” trong xã hội. Nhưng này, tất cả những nhà đạo đức, những người văn minh, những người Mác-xít, hãy nhận lấy một sự thực: “mọi” cũng là người và nghệ thuật của “mọi” cũng là nghệ thuật của người. Và bọn “mọi” ấy cũng muốn được phát biểu ý kiến như các ngài vậy.

Tại sao lại có nghệ thuật đen?

Các nhà đạo đức: Tình trạng suy đồi của tinh thần con người mất đức tin nơi Thượng Đế, mất hết ý niệm Thiện Ác, hoang mang lạc lõng không tìm được ánh sáng chân lý trong cơn khủng hoảng tột độ của một xã hội vật chất.

Người văn minh: Phản ứng ngu muội thoái hoá của bọn người lạc hậu không thích ứng được với cuộc tiến triển của xã hội nhân loại, một khuynh hướng phản động luyên tiết một thứ tự do ấu trĩ phát động bởi bản năng (gọi người văn minh là người tin tưởng chắc chắn vào lẽ tiến hoá của xã hội mỗi ngày một tốt đẹp hơn trong mọi địa hạt: những nhà xã hội học, triết gia, khoa học, cách mạng chuyên nghiệp v.v... và họ là những người trông thấy tường tận, nắm giữ phần nào cái động lực tiến hoá của xã hội).

Những người Mác-xít: Sản phẩm của xã hội tư sản trụy lạc, dấu hiệu giờ phút lâm chung của xã hội ấy, “ngày mai đang ca hát” dưới ngòi bút của những người góp công với lao động xây dựng xã hội chủ nghĩa, còn bọn này – bọn làm nghệ thuật đen – là bọn người “đào huyệt” chôn mình và chôn luôn cái xã hội thối nát của chúng.

Tóm lại mọi người đồng ý nghệ thuật đen là phản động, phản tiến hoá, phản nhân loại.

Trong sự phân tích tìm hiểu lý do phát sinh nghệ thuật đen, ba hạng người đại diện kể trên chỉ nhìn thấy vấn đề trên bình diện xã hội. Đành rằng nghệ thuật nào cũng chỉ là biểu thức của một xã hội, nhưng nó lại được phát biểu bởi những cá nhân. Bởi thế trên lộ trình dẫn từ xã hội vào cá nhân, không nói đó là một con đường quanh co khúc khuỷu khó dò tìm, thực tế xã hội đã bị chuyển hoá, biến dạng, hơn nữa với sự chủ động của cá nhân (lại không nói đến những nội quy của thế giới nghệ thuật) phản ảnh của xã hội có thể bị mờ nhạt hoặc biệt tích mở ra những chân trời mới trong tác phẩm. Lối giải thích văn chương nghệ thuật bằng xã hội chỉ giữ người ta đứng ở bên ngoài mà la lối hò hét với những thiên kiến và chỉ nạt nộ được những kẻ yếu bóng vía hay vô thức. Ba quan điểm kể trên giải thích và phê phán nghệ thuật đen là ba cấp độ rời xa dần trong sự tìm hiểu nghệ thuật. Nếu chịu đặt câu hỏi như thế này: Tại sao trong một tình trạng xã hội như thế lại sản sinh ra thứ nghệ thuật ấy? Sẽ thấy được điều trình bày như tất yếu,

như luật nhân quả rơi vỡ và có một khoảng trống của vực sâu thăm thẳm mà lý luận của người ta đã nhảy vọt lấp liếm.

Nghệ thuật bắt nguồn nơi đời sống biểu diễn của đời sống – hãy mở rộng hai chữ đời sống theo nghĩa thông dụng, đời sống cụ thể, hằng ngày, phức tạp, đừng giản lược vào trong sự vận động của xã hội, hay nghèo nàn hơn nữa trong sự vận động của kinh tế – đồng thời cũng là sự biểu thị của một tự do của một con người giữa đời sống trước xã hội. Muốn hiểu được nghệ thuật, khoan dán nhãn hiệu xã hội cho nó: đó là việc sau của lịch sử (trường hợp của cộng sản thường làm bởi họ có quan niệm lịch sử biện chứng, một quan niệm lịch sử đường thẳng, nên họ dám tin lịch sử ở trong tay họ nhào nặn) bởi cái ý nghĩa xã hội của nghệ thuật cũng chính là ý nghĩa lịch sử của nó; phải bắt đầu tìm hiểu ý nghĩa phát sinh của nghệ thuật, cái ý nghĩa trong tự thân nó, rồi nếu vẫn còn muốn hiểu cái ý nghĩa xã hội của nó thì từ đó suy ra mới may tránh được những sai lầm tai hại vì thiên kiến vu vơ không liên lạc chút nào tới nghệ thuật.

*

Nghệ thuật trước hết là một lối nhận thức đời sống. Nhận thức nào cũng bắt đầu bằng sự chia lìa cần thiết giữa một ý thức và đối tượng của nó. Cấp độ của sự nhận thức cao thấp là tùy theo sự chia lìa ấy sâu xa hay hời hợt. Hằng ngày người ta sinh sống trong một thế giới nhân loại được xếp đặt quy định trong một trật tự được tự nhiên hoá không nghi ngờ không dò hỏi, người ta sống yên ổn thoải mái với những thói quen, tiếp nhận hạnh phúc cũng như sự phiền muộn như những trái cây ngon ngọt hay đắng chát của Tạo Hoá ban cho, nhưng rồi một cơ hội nào đó trật tự kia bị xô lệch bởi những người khác, người ta có thể ngạc nhiên rồi quên đi khi trật tự vẫn hồi, người ta có thể hoảng kinh vì không quên được trước cái trật tự giả tạo. Người ta cảm thấy từ đáy sự chia lìa giữa mình với đời sống xung quanh, giữa mình với mình, người ta tự hỏi, người ta cố gắng tìm cách trả lời, người ta hoài nghi. Như một cơn địa chấn – nói theo Nietzsche – con người lúc bấy giờ thấy mặt đất điên đảo dưới chân mình, một mình mình gánh nặng cả đời sống trên hai vai, nỗi hoảng kinh thất thần của chàng Roquentin trong tác phẩm của Sartre lan tràn ra bên ngoài như thể đó, chàng nhìn lọ mực để trên bàn, nhìn bàn tay của mình, cái mặt cái miệng của kẻ khác, cái rễ cây nơi công viên, những sinh vật hết sức tự nhiên đối với mọi người trở nên hãi hùng đối với chàng.

Nghệ thuật đen bắt đầu bằng một ý thức chia lìa ghê gớm đó. Chia lìa ghê gớm thế nghĩa là gì? Đó là một bệnh trạng của trí thức thời nay chăng? Không. Đó là khởi nguyên của ý thức là mầm mống của thay đổi, của sáng tạo. Sự chia lìa ghê gớm kia là điều kiện cho một nhận thức sâu xa hơn về đời sống, rũ bỏ những huyền ảnh của kẻ bấy lâu ngồi trong hốc đá chỉ nhìn những bóng chiếu in trên vách mà tưởng là sự thật. Triết lý luôn luôn là một sự khởi đầu, kẻ tới sau muốn lật đổ áp lực người thuở trước. Nghệ thuật đối với các tác giả lớn cũng là một sự khởi đầu. Nghệ thuật gần gũi với triết lý ở điểm này. Bởi thế không lấy làm lạ thứ nghệ thuật tầm thường là thứ nghệ thuật không có một nhận thức về đời sống, hay nhận thức đời sống theo những giản đồ được quy định từ trước. Khi Dostoevsky nói người ta chỉ sáng tạo được trong đau khổ, hãy hiểu nỗi đau khổ ấy là sự chia xé tan hoang của một ý thức tận trong phần sâu hút của nó bơ vơ trợ trợ ngoài đời sống muốn trở về gia nhập nhưng không thỏa mãn với trật tự hiện hữu và chưa nhìn thấy cái trật tự tìm kiếm.

Sự khác biệt giữa lối nhận thức nghệ thuật và lối nhận thức triết lý là: lối nhận thức thứ nhất thiên về cụ tượng, cố gắng thâm nhập sự toàn thể của thực tế lúc xuất hiện trong một ý thức khởi nguyên thông suốt – một thứ trực giác, theo ngôn ngữ thông thường -; lối nhận thức thứ hai thiên về quan niệm, cố gắng vượt từ những kinh nghiệm riêng tư đạt tới những ý tưởng chân xác phổ biến nhờ sự can thiệp của lý tính trong ý thức bằng sự sử dụng luận lý. Lối nhận thức của nghệ thuật, so với lối nhận thức triết lý, tất nhiên là mơ hồ hẹp hòi, nhưng lại giữ được tính cách cụ thể mạnh mẽ xúc động, tránh xa sự trừu tượng, cuộc phiêu lưu tách rời khỏi thực tế của một ý thức mãi đuổi theo sự tuyệt đối mà ra khỏi thế giới nhân loại lúc nào không biết. Nhận thức triết lý về đời sống ở một triết gia bao giờ cũng đến sau một nhận thức theo lối nghệ thuật đen ở nơi người ấy, nghĩa là một sự đột khởi xé toang ý thức dim nó vào một cơn khủng

hoảng đảo điên trong một thời khắc đặc biệt nào mà một kinh nghiệm rất nhỏ bé đơn giản hiện lên tóm tắt cả ý nghĩa của một đời một cách chập chờn kỳ lạ, trong bóng tối đến đặc của giao động đã rực rỡ ánh sáng; nhận thức triết lý sau này tới để phân giải để khơi sáng cái nhận thức khởi đầu ấy. Như thế sẽ không ngạc nhiên khi thấy ảnh hưởng mạnh mẽ của Lão Trang trong nguồn cảm hứng của thi ca xưa – bởi lối nhận thức của hai triết gia này rất gần với lối nhận thức của Sartre là người có “khiếu thực tế” (sens du réel) bởi bên cạnh những tác phẩm triết học công trình xây dựng thuần trí thức, ông thường quay về với lối nhận thức khởi đầu bằng những tác phẩm văn chương.

Vậy nghệ thuật là một lối nhận thức đời sống riêng, có nguồn giống triết lý, những nghệ thuật lớn từ ngàn xưa vẫn phảng phất cái không khí siêu hình là thế. Nhưng từ đây có thể nhìn rõ sự phân ly giữa nghệ thuật đen và nghệ thuật xưa.

Bởi nghệ thuật gần gũi với triết lý, chỉ cần một bước cố gắng của ý thức là có hy vọng tới (nhưng là một bước tự sát của nghệ thuật) nên nghệ thuật xưa có khuynh hướng muốn đồng hoá với triết lý. Phải đặt sang bên hội họa và âm nhạc, những nghệ thuật mà sự đồng hoá với triết lý là điều không thể quan niệm nổi, những người trong hai ngành này có thể có ý thức siêu hình nhưng sự thể hiện qua những chất liệu đặc thù là màu sắc cùng âm thanh đã giới hạn rõ ràng phạm vi của họ; chỉ còn văn chương vì cùng sử dụng ngôn ngữ nên sự tràn lấn giữa hai phạm vi thật dễ dàng. Nhưng ngay trong lĩnh vực văn chương, cái tham vọng của nhà văn muốn đồng hoá văn chương với triết lý bao giờ cũng dẫn tới sự thất bại trên bình diện nghệ thuật – không kể đến thứ vach đồng hoá với luân lý hay với chính trị là thứ phản-văn-chương, bởi nó chẳng mang tới một nhận thức nào về đời sống, nó chỉ minh họa cho một nhận thức đã được quy định giản lược từ trước. Người ta đã chẳng thường trách tư tưởng triết lý của Nguyễn Gia Thiều, của Nguyễn Du là thứ chấp nhận vá víu gượng ép đó hay sao? Nếu có tìm được ý nghĩa gì về đời sống này qua tác phẩm của những tác giả ấy là ở chỗ khác ngoài ý muốn của tác giả – đây là điểm quan hệ của văn chương của nghệ thuật –: chính là ở chỗ biểu diễn đời sống bằng nghệ thuật, một nhận thức nghệ thuật về đời sống. Giải thích được sự thất bại này là xác định được phạm vi của nghệ thuật, vai trò của người làm nghệ thuật trong đời sống. Chẳng nên để tâm tới sự phê bình vội vã thô tục, bắt nguồn từ một mặc cảm tự tôn nơi các triết gia, là triết lý vốn là phần trí thức cao cả mà bọn nghệ sĩ tầm thường chưa bao giờ đạt tới được, nếu có cố gắng vươn lên may thành mô đất bên những đỉnh non chót vót. Mỗi ngành hoạt động tinh thần của con người đều dựa trên một năng khiếu riêng, phải biết tự đặt mình vào trong phạm vi chuyên môn để nhận định rõ vai trò, trách nhiệm của ngành hoạt động mình trong xã hội loài người. Nếu một người có thể hoạt động cùng một lúc trong nhiều ngành khác nhau, người ấy khi làm phải vạch những biên giới cho từng địa hạt để khỏi xâm lấn sang nhau. Văn chương gần gũi với triết lý, liên hệ với triết lý nhưng chẳng thể đồng hoá với triết lý.

Trước hết người viết văn là người ràng buộc mật thiết với đời sống, một đời sống cụ thể hàng ngày đụng chạm quanh người hẳn ngay khi hẳn nhìn vào sự vật để tìm lấy cái bản thể hay đạt tới sự vĩnh viễn, cái khuynh hướng của hẳn vẫn là phải chụp lấy trong những tình thế nhất định bằng những kinh nghiệm độc nhất; không giống như các triết gia, đối tượng chỉ là khởi điểm không quan trọng, họ tước bỏ tất cả những tính cách vô thường (nghĩa là cụ thể) để đạt cho được yếu tính của sự vật, nghĩa là đặt đời sống vào trong ngoặc, để dễ dàng theo đuổi những ý niệm tuyệt đối vượt ngoài thời gian và không gian. Cái ý nghĩa vĩnh cửu của đời sống trong văn chương, nếu đạt tới, vẫn bị giữ rịt giữa một hiện tại rõ ràng hiển hiện, gọi nó là một hiện tại bất diệt vậy, không bao giờ nó là một thứ tuyệt đối khách quan như cái ý niệm của Platon, của Hegel, hay – Thượng Đế (hoặc sự Siêu hoá) của các nhà hiện sinh Công giáo như Kierkegaard, Jaspers, hay Tự Do (viết hoa) của Sartre.

Sau đó, vì sự tự vẫn trong triết lý – danh từ của Camus – mà nghệ thuật chẳng thể đồng hoá với triết lý. Sự như thế nào hải hùng đầu tiên nói ở trên, nguồn gốc sáng tạo của nghệ thuật cũng như triết lý, đối với triết gia bao giờ cũng phải chấm dứt, phải tìm sự thăng bằng sáng suốt

cho ý thức dẫn họ tới sự giải thích tất cả bằng một hệ thống hay một câu trả lời (những triết gia phi hệ thống). Khi một hệ thống hoàn thành, một câu trả lời được thốt ra là triết gia bị giam luôn trong ấy, hẳn chẳng những chỉ đóng cửa với quá khứ mà còn luôn cả với tương lai nữa, cùng với hệ thống hẳn bay ra ngoài đời sống ngự ở trên các thư viện đại học uy nghi. Một là hẳn tin tưởng một cách hồn nhiên ngây thơ như Hegel là lịch sử đời sống nhân loại sẽ tuần tự thực hiện theo cái quá trình biện chứng của ý niệm tuyệt đối đã tìm thấy chẳng còn điều gì đáng để nói thêm nữa, một là hẳn phải nhận như Marx là triết gia cần phải biến cái thế giới nghĩa là dựng xong hệ thống hẳn sẽ xuống đường dùng võ lực bạo động cưỡng ép mọi người sống theo hệ thống của hắn. Cả hai thái độ ấy chẳng phải là thái độ của nghệ thuật. Mỗi tác phẩm nghệ thuật là một sự khởi đầu, một ý thức siêu hình (chữ siêu hình hiểu theo nghĩa thời nay không phải thuộc những địa hạt cao xa tách lìa với đời sống như trong triết học cổ điển, tính cách siêu hình có thể tìm thấy trong mọi hình thái sinh hoạt của con người hằng ngày) trong một khoảnh khắc nhất định, là sự dò hỏi của một tự do đối đầu với cảnh ngộ, chẳng bao giờ ý thức ấy muốn trói mình vào một hệ thống hay một câu trả lời dứt khoát. Người làm nghệ thuật chấp nhận cái thế chông chênh hải hùng của ý thức sáng tạo không rút mình vào trong sự tự vẫn triết lý, bởi khi tiến tới một hệ thống hay một câu trả lời dứt khoát người ta đã nhắm mắt nháy vọt qua cái vực mâu thuẫn hun hút trước mặt, quay lưng lại với những câu hỏi thúc bách lúc đầu vẫn còn theo đuổi, chặt đứt liên lạc với thực tế để đặt chân tới mảnh đất của tuyệt đối. Mà tuyệt đối là một ý niệm rỗng tuếch một ảo ảnh lừa dối, nó cho phép người ta giải thích được tất cả và vẫn chẳng giải thích được điều gì ráo.

Nghệ thuật đen chính là cái ý thức siêu hình trước những cảnh ngộ trong đời sống hôm nay, là biểu thị sự tự do của những con người bằng xương thịt trong những tình thế có thực của kiếp người, là lời kêu gọi cất lên cùng mọi người trong cuộc hành trình lịch sử phải sống. Bởi đó nó bị đất phẫn nộ, nó sống sã đục tình, nó vô luân trắng trợn. Tại sao vậy? Đã có một thời nghệ thuật chỉ là ý thức thường ngoạn trước đời sống. Người làm nghệ thuật tách mình ra khỏi đời sống để nhìn ngắm nó một cách khách quan tìm lấy cái lý tuyệt đối vượt ngoài tính cách vô thường của vạn vật. Nghệ thuật này thường tìm về gần với tạo vật thiên nhiên vì ở đây người ta tìm được một trật tự tự nhiên, đẹp được nỗi bàng hoàng của ý thức, thả cho ý thức được thành thói ghi nhận lấy những vẻ Đẹp kín đáo vẫn có sẵn ở quanh mình. Nếu trước thiên nhiên tạo vật nỗi kinh hoàng của ý thức vẫn trỗi dậy, bước thêm bước nữa nghệ thuật này tìm tới tôn giáo, ở đây những lý lẽ tuyệt đối tạo trong một trật tự đời đời không còn phải hoài nghi nữa. Tóm lại, nghệ thuật thoát từ đời sống cụ thể ra ngoài tự nhiên rồi bay bổng lên trời. Từ cái ngòi cao vút nhìn xuống đời sống – bởi nghệ thuật này vẫn không quên nỗi đời sống – nghệ thuật làm hiển hiện cái lý tuyệt đối, tinh lý của đời sống chỉ là phản ảnh của cái thế giới tuyệt đối trên kia mà thôi. Người làm nghệ thuật bấy giờ đứng ở quan điểm Tạo Hoá, từ nhận thức cho đến cách thể hiện. Người ta đặt những quy luật chặt chẽ cho nghệ thuật, tìm ra những ước lệ – những yếu tố lý tưởng vĩnh viễn – mà ở nơi ấy đời sống bị tước bỏ nghèo nàn chỉ còn là một mớ ý niệm ký hiệu xếp đặt theo một khuôn mẫu bất biến. Ở nghệ thuật này, đời sống thường nhật, những sự vật nhỏ nhặt cụ thể, những cá nhân hèn mọn, những con người có xúc cảm có bản năng chỉ là những sinh vật mang theo những ước muốn những khát khao sát trên mặt đất, bị khinh bỉ, bị gạt bỏ. Nếu đôi lúc nghệ thuật có nhìn tới nơi này, là với một lòng xót xa của kẻ bề trên, nghệ thuật này có diễn tả sự xấu xa ghê tởm của xã hội cũng cố tạo những rung động thuần khiết, nhưng rung động có tác dụng đẩy thêm con người xa lìa sự sống hiện hữu, một rung động rất Đẹp. Người làm nghệ thuật không còn là một tự do biểu diễn đời sống, với một nhận thức thành nề nếp hoá ra không còn là nhận thức nữa, hẳn chỉ còn biết theo đuổi cố gắng đạt tới bằng mọi xảo thuật cái thế giới lý tưởng, thế giới Nghệ Thuật (viết hoa), thế giới Đẹp không dính dáng tới cái kiếp người hèn mạt của chính hắn và của người quanh hắn. Nếu chẳng may trong thời kỳ này, một vài hiện tượng đặc biệt xảy ra: Có những người ngoảnh mặt với cái thế giới tuyệt đối kia để nhìn thẳng vào đời sống đang ngọ nguậy xung quanh da thịt mình, thì thái độ của những kẻ bảo vệ thứ nghệ thuật viết hoa nói trên hoặc

là mang con ngáo ộp luân lý ra để nạt nộ hoặc không thể chối cãi được về giá trị của công trình sáng tạo, họ chỉ còn cách kéo nó vào cái thế giới Đẹp của họ và làm ngơ trước cái sự sống ghê tởm (theo ý họ) chứa đựng trong nó. Chưa thấy ai phân tích tác phẩm của Nguyễn Gia Thiều hay của Nguyễn Du như một nhận thức mới lạ trước đời sống, một ý thức siêu hình trong nghệ thuật của tác giả *Cung oán ngâm khúc* và tác giả Đoàn trường tân thanh (không phải là triết lý mà các tác giả ấy trình bày một cách minh bạch, cái ý thức siêu hình nằm trong sự nhận thức đời sống khi diễn tả vượt ngoài cả ý định của tác giả). Chưa thấy ai đã động đến cái ý nghĩa của sự thêm muốn nhục dục ghê gớm, được diễn tả bằng những câu thơ nặng những cảm xúc bằng giác quan, sự thái quá của tình ý đưa tới những phần uất những tuyệt vọng thê lương trong *Cung oán ngâm khúc*, tạo cho tác phẩm cái không khí căng thẳng dồn ép đáng sợ, như một ý thức siêu hình nơi Nguyễn Gia Thiều; nếu có nhắc tới một điểm nào ở trên người ta sẽ vội vã giải thích bằng sự lạc lõng trong tinh thần, sự sa đọa đáng được khoan dung (!) của cá nhân tác giả. Với Nguyễn Du cũng vậy, cái nhận thức sâu sắc, khởi từ một ý thức chia xé hãi hùng với kiếp sống, biểu diễn ra một tác phẩm phức tạp như *Đoạn trường tân thanh* chỉ được người ta nhận định đơn giản là một mối tâm sự bất mãn của Tố Như, một dấu hiệu của sự trụy lạc của đẳng cấp Tố Như, hay vô lễ hơn nữa là một dâm thư hay một công trình Nghệ thuật tinh tuý. Với quan niệm nghệ thuật như thế, người ta hủy diệt hết cái nội dung sống thực của tác phẩm để chỉ giữ lại cái vỏ hình thức rỗng không mỹ lệ một cách trắng tráo thô bỉ. Cho nên cũng chẳng thêm phiền trách những người khư khư với quan niệm nghệ thuật kia khi họ lên tiếng phê bình phán đoán nghệ thuật đen, chỉ muốn nói giúp họ nhận định lại một hiện tượng của thời đại bằng cặp mắt rộng rãi đứng đắn hơn, tránh những thiên lệch thiên cận dẫn họ tới cái thế bảo thủ vô ý thức một cách đáng ghét.

Cái tính chất đen đầu tiên của nghệ thuật hiện nay là sự bi đát đến phần nộ ít thấy ngày trước. Đừng giải thích vội vàng bằng sự bệnh hoạn của cá nhân, cũng không hẳn hoàn toàn là một tâm trạng của thời đại. Cũng đừng vội chê trách nghệ thuật đen là thứ chỉ đưa ra sự bẽ tắc, một thứ thuốc độc giết mòn tinh thần của người đọc. Khi nghệ thuật đen nhất định trối mình vào trong đời sống thực, nhất định trung thành với cái ý thức siêu hình phát động nguồn sáng tạo; không chịu dấn thân vào cuộc phiêu lưu thuần lý để đi tới chốn tự sát trong triết lý, nhận thức trực tiếp toàn diện một cảnh ngộ cụ thể bằng ý thức khởi đầu ấy, tất nhiên đối với những người vẫn quen tìm ở nơi nghệ thuật sự biểu diễn một trật tự sẵn có hay tìm thấy, một lời giải đáp minh bạch – nói theo tiếng thông dụng trong giới văn nghệ ngày nay: một lối thoát, tính cách xây dựng lành mạnh của nghệ thuật – thì nghệ thuật đen là bi quan lạc lõng. Nhưng nếu người ta chịu hiểu sâu xa hơn một chút rằng nhận thức nào cũng là một sự khẳng định và trong sự khẳng định đã giúp cho con người tìm lấy những phương tiện thích ứng để hoạt động trong thế giới sự vật – ngay sự nhận thức một tình thế tuyệt vọng qua tác phẩm cũng là sự khẳng định đối đầu với thực tế phũ phàng đòi tìm cách ứng phó, không trốn chạy bằng những ngõ ngách quắt quéo của cái thói tự gạt mình vô ích. Sở dĩ nghệ thuật đen không đưa lại một lời giải đáp thì chỉ có tính cách cá nhân của tác giả, là một trong rất nhiều lời giải đáp khác nhau, không thể tìm tính cách chung bởi như thế phản nghệ thuật. Nói rõ: nghệ thuật đen đứng lại là một lời kêu gọi, ý thức siêu hình sáng tạo của nó cố gắng đạt đến một nhận thức càng rộng rãi đầy đủ bao nhiêu càng hay bấy nhiêu, phô bày qua tác phẩm những thực kiện phức tạp cho thật cụ thể chân xác, nỗ lực trong nhận thức triệt để về một cảnh ngộ là đã mở ra những tầm chân trời để tùy sự lựa chọn từng cá nhân đường lối thích hợp cho riêng mình giải phóng mình khỏi cảnh ngộ. Đối với xã hội, nghệ thuật đen giữ vai trò là một ý thức dò hỏi phát hiện những vấn đề có liên quan đến kiếp sống con người, một ý thức siêu hình luôn luôn thức tỉnh hoạt động trong phạm vi của nó, không có tham vọng giải quyết. Giải quyết thuộc phần vụ của các ngành hoạt động khác trong xã hội nhân loại, nói cho đúng là công trình của cả một xã hội trong sự vận dụng hết mọi khả năng của xã hội ấy. Làm sao lại bắt người làm nghệ thuật, một cá nhân chỉ có năng khiếu để gắn gũi gắn liền với thực tế xã hội trong một đời sống văn minh phát triển ghê gớm về mọi mặt như ngày nay phải có được sự hiểu biết thông thái về mọi ngành để đúc kết

tiên đoán về tương lai, phải làm một việc vượt ngoài khả năng của hắn? Người làm nghệ thuật hôm nay rất khiêm nhượng không muốn khoác cái bộ dạng lố bịch của một người thầy đời bằng những câu giải đáp nông cạn lý tưởng vô ích và hào nhoáng chỉ lờ được đám học sinh hay bọn trí thức một dóm; hắn biết rõ hắn chỉ là một cá nhân hèn mọn, cái kiến thức chuyên môn về các địa hạt tinh thần khác, nếu có, chỉ là một mớ kiến thức phổ thông sở đắc so với những bậc thức giả mỗi ngành, trước mắt các bậc ấy những câu giải đáp của hắn chỉ là một trò múa rối của kẻ tự kiêu ngu ngốc, hắn tự định rõ vị trí của hắn trong hoạt động tinh thần nhân loại là tận dụng hết năng khiếu thực tế của mình để biểu diễn cái đời sống tầm thường hiện thực hằng ngày nơi ấy vẫn ẩn nấp trong mỗi thời khắc những vấn đề siêu hình (vấn hiểu theo nghĩa rộng) mà ngày nay ảnh hưởng tới từng khía cạnh vụn vặt nhất của cuộc sinh hoạt. Nghệ thuật đen là ý thức siêu hình của xã hội, có thể là thô sơ, nhưng chắc chắn là thực tế nhất.

Người làm nghệ thuật khi muốn vượt cái tính cách đen ấy của nghệ thuật là bước xa nghệ thuật, là thất bại trông thấy. Trường hợp của nhà văn quá cố Camus là một. Những tác phẩm đầu tiên của nhà văn này là những lời kêu gọi thống thiết một nhận định mới về cảnh ngộ sống của con người trước thời đại này là những tác phẩm giá trị. Nhưng khi ông biến sự phi lý của một cảnh ngộ có thực là con người trong xã hội Âu châu khủng hoảng, nhất là con người trí thức, thành sự phi lý của kiếp sống người đời, để rồi ông chọn lấy cái thể thống nhất bằng rất chông chênh của một kẻ *Juste*, đóng vai trò một nhà văn luân lý, làm nghèo nàn hẳn những tác phẩm về sau của ông. Từ *La Peste* đến *La Chute* nghệ thuật của Camus giản lược dần chỉ còn là kỹ thuật văn chương trau chuốt, đời sống thu hẹp vào trong cái ý niệm trừu tượng quen thuộc ở ông – cái kỹ thuật của *La Chute* cũng tố cáo sự tù túng của Camus trong một chuỗi độc thoại mà chủ đề được trình bày sáng sủa đơn giản mạch lạc như một tác phẩm luận thuyết – *La Chute* là sự khai triển cực độ của nghệ thuật Camus, thành công nhất nhưng cũng là dấu hiệu của sự tận cùng. Nhận thức về sự phi lý cụ thể của xã hội Âu châu trong cơn khủng hoảng đã khởi từ Malraux^[1], nhưng Malraux không hề đẩy đưa nó tới thành triết lý. Sự phi lý của kiếp người qua nhận thức của Camus chính là ở những người đòi hỏi sự tuyệt đối mà vẫn biết không đạt tới được đành quay trở về đời sống làm công việc vác đá leo núi của Sisyphé, “phải tưởng tượng rằng Sisyphé sung sướng” câu kết thúc tác phẩm luận thuyết về sự phi lý của ông thật là chua chát. Sự thực cuộc đời tự nó không phi lý, chỉ có những cảnh ngộ con người phải chịu đựng trong những thời điểm nào đó phi lý mà thôi. Đúng như Camus đã thú nhận sở dĩ có sự phi lý là ở nơi con người nhiều hơn ngoại vật, sự phi lý mà Camus mang trùm lên cho kiếp người vĩnh viễn chỉ có ở những người như Camus đã mất huyền ảnh của tuyệt đối nhưng vẫn không ngừng luyến tiếc nó, sống giữa đời vẫn bị nó ám ảnh khiến cho thấy mọi việc làm ở đời đều vô ích luống công. Không muốn tự sát trong tư tưởng giống như những triết gia khác ở Tây phương tìm lối trở về với Tuyệt Đối do chính mình phóng tưởng, không phải là Thượng Đế cụ thể của tôn giáo, nhưng cũng không có can đảm dứt bỏ tuyệt đối trở về hẳn với đời sống thế tục, Camus đã chọn một bình diện trung gian giữa thế tục và Thiên Đường đã mất, đứng làm một kẻ *Juste* ở lưng chừng trời cảm thông vào việc đời biết là chẳng đi đến đâu mà vẫn hành động, hành động để nhắc nhở đến một thế giới tuyệt đối mà chính Camus biết rõ là không thể có, sự phi lý nằm sẵn sàng trong thái độ của Camus đó vậy. Đứng ở bình diện trung gian – làm gạch nối giữa tuyệt đối hư vô và cuộc đời hiện thực – tất nhiên sẽ nhìn thấy kiếp người vĩnh viễn chỉ là một chuỗi hành động vô nghĩa; những kẻ tìm được cái thế giới tuyệt đối cho họ cũng không nhìn đời phi lý như thế, từ trên cao ấy họ có thể trông thấy cái ý nghĩa của kiếp sống qua những phản ảnh của tuyệt đối ở nơi ấy. Khi đã chối nhận tuyệt đối, không thèm luyến tiếc bởi đã biết nó không có và chẳng bao giờ có, sống trong những cảnh ngộ hiện thực thì ý nghĩa của mỗi hành động tương quan với một cảnh ngộ trong sự giải phóng ra ngoài cảnh ngộ, giá trị của hành động không quy định bởi cái mù mịt của trống không. Người ta chẳng quyết định được tương lai để chứng thực hành động nhưng cũng chẳng phải người ta không có tương lai, tương lai sẽ đến bằng hành động của mình cùng với mọi kẻ khác và hành động ngoài ý nghĩa quy định bởi cảnh ngộ hiện thời còn có một ý nghĩa quy định bởi tương lai đã thành hình, quy định

bởi kẻ khác, có thể là ngoài ý hướng của mình: ý nghĩa thứ nhất là ý nghĩa xã hội của hành động; ý nghĩa thứ hai là ý nghĩa lịch sử vậy. Camus thường thanh minh rằng ông không phải là một triết gia, đúng. Ông là một nhà văn luân lý kiểu Tây phương đó vậy, cho nên có gọi ông là nhà văn cổ điển ở thế kỷ XX cũng không phải là quá. Khi ông viết *L'homme révolté*, thuật lại cuộc phiêu lưu ý thức của ông cũng là lúc chấm dứt cuộc phiêu lưu ấy, những tác phẩm sau không mang thêm nhận thức nào mới lạ, chỉ củng cố cho một địa vị đã vững vàng trong các tủ sách của các bậc trí thức muốn học đòi theo ông, của các thư viện đại học rất bảo thủ, đưa ông tới diễn đàn Hàn lâm viện Thụy Điển nhận lấy vòng hào quang trao tặng đứa con hoang đàng trở về ngoan ngoãn dưới mái nhà đã có lần nó vùng vằng bất mãn bỏ đi. Cái chết bất ngờ nhốt luôn Camus vào quá khứ.

Bởi nghệ thuật đen khởi đi từ một ý thức siêu hình bắt nguồn từ kiếp sống hiện hữu và chỉ là một nhận thức mở ngõ kết cấu nên sau quá trình của một ý thức dò hỏi hết nghĩa một cảnh ngộ, và chẳng vội chịu tiến tới một kết luận nào nên nó bi đát. Và phẫn nộ. Phẫn nộ với chính nó. Nhưng nó không thể tự thỏa thuận, tự làm yên lòng bằng cách kết thúc sự dò hỏi bướng bỉnh bằng lời giải đáp dứt khoát, bởi như thế nó đã rời xa đời sống, bởi như thế nó đã vượt quá giới hạn của nó, bởi như thế nó đã đánh lừa nó đóng một vai trò không phải của mình, bởi như thế nó đã tự vẫn nó.

Sự bi đát phẫn nộ hiển hiện trong cái ý thức siêu hình phiêu lưu không ngừng nghỉ của nghệ thuật đen vì quá ràng buộc với sự vận động thường trực của cõi thế phải chăng là dấu hiệu của sự suy đồi bạc nhược của tinh thần ở một cá nhân cũng như xã hội? Có sao không nhận định trái ngược lại, đó là dấu hiệu sự cường tráng đặc biệt của tinh thần khiến cho ý thức không biết mệt mỏi chán ngán tìm nơi ẩn trú ngơi nghỉ ở cõi tuyệt đối? Đối với xã hội, cái ý thức dò hỏi bướng bỉnh, chối nhận những giá trị đã lập thành, có sao không thấy đó là sự cố gắng mãnh liệt của con người tìm đường thoát thân trong cuộc đảo lộn toàn diện của một thời đại mà các giá trị cần được xét định lại, khởi đầu bằng những nhận thức mở ngõ dừng cảm một giai đoạn phát triển hoá kiếp của xã hội. Nghệ thuật đen chỉ đóng vai trò cất lên lời kêu gọi, cuộc giải quyết là công trình của xã hội của lịch sử, thành hay bại không tính trước được, cho nên cũng có thể nó trở thành một sản phẩm của một xã hội mặt kiếp, nhưng cũng có thể nó là sự giác ngộ thúc đẩy trong công cuộc lột xác của một xã hội. Đó là một vấn đề thuộc lịch sử mà nghệ thuật đen tự nó không giải quyết cho nó được.

Nghệ thuật đen là một ý thức siêu hình về đời sống thế tục, ý thức ấy có những nguồn mạch chẳng chịt hút xuống trái đất. Nghệ thuật lý tưởng của một thời – là ý thức thường ngoạn bay bổng ngoài cõi tục – đã loại trừ ra khỏi nó cái đời sống mà nó cho là ô trọc, cụ thể, “vật chất”. Trong nghệ thuật này người ta khinh bỉ sợ hãi cái “xác thịt”, những “thực phẩm của địa cầu”, tất cả những gì còn mang nặng cái chất của một sự sống hữu hình, e rằng những thứ ấy là những vật nặng cản trở sự tinh túy của ý thức đang muốn bay bổng lên cõi hư không. Bởi thế những quy luật chặt chẽ, những ước lệ kiểu mẫu trong phép thể hiện của nghệ thuật lý tưởng là những màng lọc cái chất sống tầm thường đến ghê tởm bám ý thức không cho lọt vào, tính cách nghiệt ngã của hình thức chỉ bằng lòng cho phép nhập nội cái phần tinh túy của ý thức đã bị tước lược hết hình hài còn lại là những ý niệm.

Nhận thức, nhất là nhận thức bằng nghệ thuật, không phải là công trình của một năng khiếu thuần lý. Không có ý thức nói trống không bay lượn trong không không, nói ý thức là nói ý thức của một người, người bằng xương bằng thịt với những điều kiện sinh hoạt trong xã hội trong lịch sử và trong cảnh ngộ. Ý thức phát động để cấu thành nhận thức tiếp xúc ngoại vật không độc nhất bằng đường lối tư duy; bởi ý thức của một người chính là người ấy với mắt mũi chân tay đầu tóc cho nên một người có thể ý thức và nhận thức, một cách mù tối nhưng cụ thể nguyên vẹn hơn, bằng da thịt bằng cảm xúc giác quan. Nghệ thuật đen chuộng sự cụ thể, trong phép thể hiện của nó thường dùng lối nhận thức thô sơ này bởi ở đấy ngoại vật còn giữ được nguyên hình thể, tính chất của nó. Do đó trong nghệ thuật đen đầy đầy những xúc cảm đứng lại

ở giác quan còn thô kệch xù xì khó chịu, ý thức “thuần túy” bằng hoại bám vào mở rộng ngoài da thịt thành một thứ *dục tình*^[2] suồng sã. Sở dĩ sự nhận thức về cảnh ngộ tuyệt vọng của người cung nữ trong *Cung oán ngâm khúc* trở nên mãnh liệt ghê gớm khiến nàng phải thốt kêu những tiếng phản kháng đờn đau bởi tác giả đã trói buộc nhân vật của mình vào trong cái “xác thịt” của nó để cho nó không thoát lên được mà tìm những mối an ủi hứa hẹn lừa dối của “tinh thần” của lý trí để rồi phải chết dần mòn trong cảnh ngộ vẫn còn khư khư ôm lấy huyền ảnh được giải phóng, cách thể hiện đầy xúc cảm trần tục nhầy nhụa trong tác phẩm của Nguyễn Gia Thiều phát hiện hết cái thân phận cung nữ. Nghệ thuật Nguyễn Gia Thiều là nghệ thuật đen vậy. Xin nhường công việc phân tích tìm hiểu cái nhận thức siêu hình của Nguyễn Gia Thiều về kiếp sống qua sự thể hiện bằng thân phận của nhân vật cung nữ, bằng tác phẩm của ông cho các nhà phê bình văn học. Cái nhận thức của Nguyễn Gia Thiều tất nhiên là cấu thành bởi cái ý thức dò hỏi của ông trong cảnh ngộ sống, là thời Lê Mạt của thế kỷ XVIII.

Dục tình trong nghệ thuật đen là một phương cách của nhận thức siêu hình, hiển nhiên không phải là phương cách độc nhất. Nếu nghệ thuật đen có thường dùng đến luôn chỉ bởi phương cách ấy từ xưa vẫn bị nghiêm cấm khinh rẻ, dục tình trong nghệ thuật ở xứ ta là một khu đất hoang chưa được khai thác trong khi thật sự nơi ấy, cũng như những hình thái sinh hoạt nhân loại khác, tiềm ẩn cái ý nghĩa siêu hình của kiếp sống mà nhận thức nghệ thuật có thể phơi mở. Không tuyệt đối tin theo Freud rằng cuộc sinh hoạt nhân loại bị quy định thẳm kín bởi dục tình bởi bản năng – sự sai lầm hư hỏng của Freud là muốn biến khoa tâm phân bệnh học của ông thành một triết lý toàn diện giải thích tất cả – nhưng cũng không thể chối rằng bản năng, dục tình không giữ vai trò gì đáng kể trong cuộc sinh hoạt nhân loại. Nghệ thuật đen không ngoảnh mặt với đời sống, đối diện với nó trong mọi mặt xuất hiện để theo đuổi dò hỏi ý nghĩa của nó. Hơn nữa, dục tình lại là điểm phát khởi của đời sống nhân loại lúc sơ khai và còn dự phần mãi mãi trong đời sống ấy, trong nó có chứa đựng cái ý nghĩa siêu hình thiết thực của thể tục. Không nhận thức nào cụ thể mạnh mẽ hơn về sự sâu khổ hay hân hoan bằng sự sâu khổ, hân hoan hiển hiện trong da thịt của một người, người ta không còn thể chối cãi rằng đó chỉ là tưởng tượng. Đáng thương cho những kẻ mà sự nhận thức mới nằm trong địa hạt của lý tính trong con người, nó làm cho họ trở thành kẻ lạ mặt giữa cuộc sống, kẻ lạ mặt trong chính thân xác họ. Đối với một vài cảnh ngộ, dục tình còn có thể và sự yêu mến tất cả. Trong dục tình người ta yêu cái chết cùng một lúc với sự sống. Nói như Sartre, “dục tình ném con người vào trong lòng sôi sục của tự nhiên và đồng thời nâng nó vượt khỏi tự nhiên do sự khẳng định cái quyền hạn của nó không được thỏa mãn”^[3].

Chính từ khởi điểm nghệ thuật đen cố gắng là một nhận thức sâu xa linh động về sự vật, vượt ngoài những khuôn sáo tĩn chết đã bị thực tế chối bỏ, nên nó chấp nhận dục tình xưa nay bị nghiêm cấm làm phương tiện trong công cuộc theo đuổi khám phá ý nghĩa của sự vật. Và vì thế nó hiện ra trước mắt những người mà nhận thức được chết dí ở một nơi là thứ nghệ thuật vô luân trắng trợn. Trong xã hội, cái đồn lũy luân lý bao giờ cũng là nơi phòng vệ cuối cùng của khuynh hướng bảo thủ trốn tránh sự tấn công của những lực lượng cấp tiến đòi thay đổi, riêng trong xã hội cộng sản cái đồn phòng vệ ấy còn kiên cố hơn nữa gồm cả một hệ thống giáo điều của chủ nghĩa. Không muốn nhắc lại rằng nhận thức nghệ thuật khởi đi từ sự cảm nhận mạnh mẽ một cảnh ngộ có thực, mà những tiêu chuẩn của luân lý có tính cách khái quát và lý tưởng chỉ là chương ngại cho nhận thức nghệ thuật chân thực. Đối với luân lý của một xã hội, nghệ thuật đen không phải tất yếu là phải nhắm vào đáy để công phá, cái ý hướng ấy cũng đã thu hẹp một phần nào nhận thức, nó chỉ gạt sang bên lề không đếm xỉa tới khi nhận thức. Rất có thể đôi khi nghệ thuật đen phù hợp với một nền luân lý nào đó thì không phải là nó có dụng ý thuyết minh cho nền luân lý ấy mà chính nền luân lý kia đã tìm được ở nó cái ý nghĩa, cái lý do tồn tại của mình; và thường khi nó phản nghịch lại luân lý xã hội, đó không phải là nó vô luân mà chính bởi luân lý xã hội đã bắt đầu mất ý nghĩa, thiếu lý do tồn tại. Bởi một nền luân lý chỉ là một kiến trúc những quy ước tinh thần trên một trật tự lý tưởng để bảo vệ cho trật tự ấy. Khi cái trật tự lý tưởng con người dựng lên trước mặt để noi theo không còn thích ứng với những cảnh

ngộ nó sống thì luân lý mất ý nghĩa ban đầu là con đường sáng cho nó noi theo chỉ còn là một nhà giam chật hẹp giết mòn đời sống của nó một cách vô nhân đạo. Cái ý thức siêu hình phát khởi nghệ thuật đen không kèm theo một ý thức luân lý để giới hạn nó lại trong sự thâm tóm ghi nhận cảnh ngộ, bởi cái ý thức trên có thể là khởi điểm cho một ý thức luân lý mới, nhưng nghệ thuật đen không muốn tiến tới đó. Sự sử dụng luân lý trên những đòi hỏi mới của con người là công việc của nhà luân lý học. Riêng đối với người tiếp thu nghệ thuật, nghệ thuật đen mở rộng tầm chân trời để tùy cá nhân nhận định lấy trong phần cá biệt của mình cái luân lý của một cảnh ngộ nhất định – sự thực vấn đề này chỉ là một phần trong vấn đề nhận thức mà không tiến đến kết luận của nghệ thuật đen đã nói đến ở trên. Vậy nghệ thuật đen là biểu thị một tự do trước cảnh ngộ, kêu gọi những tự do khác trong cuộc gặp gỡ xúc tiếp. Có thể bảo nghệ thuật đen là phi luân lý thì đúng.

Nói kết lại nghệ thuật đen đóng vai trò kích động sự thức tỉnh của xã hội trước những câu hỏi cụ thể thúc bách thế tục, ném sự dò hỏi trâng tráo vào giữa mắt mọi người vẫn ngủ mê trong sự tin tưởng vu vơ trừu tượng ở cõi tuyệt vời càng ngày càng mất hút, kêu gọi mọi người trông thẳng vào cảnh ngộ đang sống, vận động trước hết cho một ý thức dũng cảm táo bạo nhận thức cho đầy đủ thực tế.

Và sau đó chiều hướng của lịch sử, ý nghĩa của một kiếp sống tìm thấy vươn tới, là thuộc về mọi người định đoạt thực hiện.

Gọi nghệ thuật đen không phải vì những ý nghĩa suy đồi làm lạc người ta gán cho nó. Gọi nghệ thuật đen bởi liên tưởng tới một màu da của nhân loại, màu da đen. Đen có thể là một màu đẹp như đêm tối trong suốt vô cùng, như tròng mắt của người thiếu nữ Á Đông. Nhưng hiện thời đen tiêu biểu hết nghĩa cho một cảnh ngộ trong ấy con người chịu đựng sức nặng đè ép của sự vật, của một trật tự mấy nghìn đời.

“Cớ sao tôi xanh, tôi sẫm và tôi đen thế này?”. Hãy nghe tiếng kêu ấy của chàng nhạc sĩ da đen, hãy nghe những âm thanh đồ vỡ lỏng chỏng hay một mối mê thiết của chàng như hình ảnh của một thế giới dục tình bị đất.

Danh từ nghệ thuật đen được tạo thành từ hình ảnh một màu da lại luôn luôn là thân phận của người, một thân phận mọi. Bởi thế nghệ thuật đen chính là nghệ thuật hôm nay vậy.

^[1]Xem *Malraux par lui-même* của Picon hay *La Tentation de l'Occident* của Malraux.

^[2]Chữ dục tình hiểu theo nghĩa rộng như chữ *Désir* của tiếng Pháp.

^[3]...Du désir qui (...) replonge Phomme au sein bouillonnant la Nature et l'élève en même temps au-dessus de la Nature par l'affirmation de son Droit à l'insatisfaction (*Situations*, trang 255).

Nguồn: Tạp chí *Sáng Tạo*, bộ mới, số 3, ra ngày 1-9-1960, trích từ trang 35 đến 48. Chủ nhiệm: Mai Thảo. Quản lý: Đặng Lê Kim. Trình bày: Duy Thanh. Toà soạn và trị sự: 133B Ký Con, Sài Gòn. Giá: 15đ. Bản điện tử do talawas thực hiện.

Thanh Tâm Tuyền: Những điều nhớ Ninh Hạ

Không thể!

Chỉ ít phút sau khi anh Thanh Tâm Tuyền mất, Bùi Ngọc Tuấn từ Minnesota buồn gọi báo hung tin. Không thể được! Tôi gọi ngay chị Tuyền. Thảo, con gái, nhận ra giọng tôi. Chú Tâm. Bố cháu vừa mới mất lúc 11 giờ 30. Mẹ cháu ra ngoài chạy lo công chuyện không có nhà. Lặng đi giây lát. Quá ngạc nhiên. Mới vào độ cuối thu, anh còn gọi nói chuyện rôm rả, cười vui với tôi

rất lâu. Tôi còn hẹn lên đón anh về Chicago. Hai thành phố không xa mà anh chỉ ngang qua, chưa có dịp ở chơi. Hứa không gặp ai. Chỉ đi xem cảnh, xem tranh và chuyện trò. Tôi hỏi cháu về bệnh trạng. Thảo cho biết. Bố chết vì ung thư phổi nặng. Cơ thể yếu không chịu được giải phẫu hay hóa trị. Bác sĩ phát hiện bệnh vào ngày 22 tháng 1. Chỉ vồn vện ba tháng, anh từ giã “Bếp lửa” nhân quần ngày thứ tư 22 tháng 3, 2006 tại Saint Paul, nơi anh và toàn gia đình con cháu chọn làm nơi lưu trú trên mười sáu năm qua. Vì phổi không còn hoạt động bình thường, anh nằm bệnh ở nhà thờ với bình ốc xy. Vẫn tỉnh táo. Nhớ chuyện. Nhớ người. Ngày thứ Sáu trở bệnh nặng. Cấp cứu. Ngày thứ Ba không còn ăn được. Trưa thứ Tư tắt thở. Chị và các cháu Trinh Thảo, Trung Từ, gái cứng và trai út, cận kề bên giường bệnh, sững sờ đau xót nhìn chồng, nhìn cha ra đi đột ngột.

Thuốc lá và cà phê đen là hai thứ không thể thiếu mà lại quá tải trong hàng chục năm với cơ thể của anh. Năm 1994, tôi lên ở chơi với anh vài ngày. Thói quen này không thay đổi. Năm 2000, lên dự đám cưới cháu Trinh Thảo. Anh đổi ra hút ống tẩu. Bên cạnh bàn trà có máy lọc không khí. Nhà mới mua, lại có thêm các cháu nhỏ, con của cháu Minh Trí vừa mới ở Việt Nam qua đoàn tụ. Sau cái chết cũng rất bất ngờ, cùng chứng bệnh, của người bạn chí thân họa sĩ Ngọc Dũng, thương lo cho chồng, chị thúc hối anh đi khám bác sĩ. Lần nào cũng gàn, bướng lần khần. Cứ mỗi lần như vậy vợ chồng lại cự nự nhau. Khi phát hiện, bác sĩ cho biết bệnh khởi đầu cách đây ba năm. Quá trễ! Có điều lạ, anh chẳng thấy dấu hiệu gì về bệnh trạng nên ý y. Sau chuyến về Việt Nam thăm mẹ trở về, trông khỏe hẳn, lên 5 ký. Thân mẫu của anh, tuy ngoài chín mươi, vẫn còn khỏe. Lúc còn ở bên nhà, tôi thường thấy cụ, dù đã trên bảy mươi, vẫn còn nhanh nhẹn, đi chợ bằng xe đạp. Năm trước anh cho biết, cụ đứng đợi bên lề đường, bị xe đụng gãy chân. Có lẽ về thăm được mẹ già đã làm anh vui và khỏe. Chuyến về thăm, anh chỉ ở nhà với thân mẫu. Không tiếp xúc với ai. Chẳng đi đâu, ngoài đi ăn phở. Hỏi anh Sài Gòn. Anh cười. Tớ chẳng đi đâu cả.

Nhận được tin anh mất lúc tôi vừa xa Chicago một tuần lễ. Đang ở Cali, trạm dừng chân đầu cho một chuyến đi dài hơn tháng. Đại Hàn và các thành phố Nhật sẽ là những chặng đường kế tiếp. Vì thế dù rất muốn, không thể nào bay về dự đám tang anh được. Lẽ ra nơi đến đầu tiên là Minnesota. Tôi dự định lên chơi với anh mấy ngày, trước khi tạm xa thành phố gió. Một người bạn thân, anh Mai Tất Đắc, người làm thơ và hâm mộ thơ Thanh Tâm Tuyền, lỡ dịp đôi lần gặp gỡ, muốn tháp tùng. Tôi đồng ý. Gọi bao nhiêu lần không ai bắt máy. Để lời nhắn, không thấy hồi âm như mọi khi. Nghĩ rằng anh chị đi xa thăm con. Cứ tưởng là cháu Quang Tuệ, đứa con trai thứ ba còn ở Texas. Cháu Thảo nói. Vì bố không muốn ai biết, nên không liên lạc với ai. Bố cũng không bằng lòng để mẹ hỏi những bạn bè trong trường hợp tương tự nhờ giúp ý kiến. Bố kiệt sức. Mẹ không chịu đựng được, buộc lòng trái ý chồng tìm kiếm dò hỏi. Đó là lý do tôi đã mất liên lạc với anh. Lỡ dịp gặp thăm anh lần cuối.

Được tin anh mất, tôi gọi báo ngay cho anh Viên Linh. Tạp chí *Khởi Hành*, là diễn đàn nhiều công lao trong việc cổ xúy và trân trọng nền văn học, nghệ thuật tự do của miền Nam Việt Nam, trong đó có *Sáng Tạo*. Báo cho anh Lê Tất Điều, vì hôm qua, tôi mới ở chơi với anh chị trọn ngày. Chúng tôi cũng nhắc đến Thanh Tâm Tuyền. Cuối thu vừa rồi, chúng tôi đã nói chuyện rất lâu. Không ngờ đây là lần cuối nghe được giọng vừa cười vừa nói rất đặc biệt của anh. Trong câu chuyện, anh có nhắc đến nhạc sĩ Phạm Duy vừa ra một hồi ký của đời mình nhưng không hề nói đến tên một người anh uyên bác và tài hoa có ảnh hưởng, ông Phạm Duy Nhượng. Theo lời kể của Thanh Tâm Tuyền, là người được ông giới thiệu lên dạy học cùng ở Thủ Dầu Một. Trong dịp này, nói về thời gian làm báo *Tiền Tuyền*, anh cười vui nhắc đến nhà văn Lê Tất Điều. “Tên ấy nhỏ con nhưng võ nghệ giỏi. Qua Mỹ lại làm sĩ quan cảnh sát. Phục thật!” Chẳng ngờ cách hôm sau, ngày chúng tôi nhắc đến, anh không còn. Người thứ ba tôi báo tin ngay là Đinh Cường, người Thanh Tâm Tuyền thường liên lạc sau những ngày tù về cho đến nay. Năm rồi qua Washington D.C. dự họp, Đinh Cường đem xe đến khách sạn đón, đưa về nhà. Chị

Tuyết Nhung cho ăn món Huế tuyệt vời. Đinh Cường mở chai rượu chát ngon đối ẩm. Khoe bức sơn dầu vẽ chân dung Thanh Tâm Tuyền. Đinh Cường muốn lên dự lễ tang. Cận ngày, vé quá đắt không kham nổi. Hẹn khi tôi trở về Chicago sẽ thu xếp cùng lên Minnesota thấp trước mộ anh một nén hương tiễn biệt.

Các anh nói tôi viết bài về Thanh Tâm Tuyền. Tôi không làm được. Ở xa nhà thiếu phương tiện. Việc riêng lại đang ngổn ngang. Cái chết của anh là một xúc động mạnh. Thêm nữa. Tuy sống ẩn dật trong bao nhiêu năm, sự nghiệp và tài năng cũng như tư cách của anh đã là sao Bắc Đẩu trên nền trời văn học miền Nam và cả Việt Nam đương đại. Chắc chắn sẽ có rất nhiều bài viết, bài đọc về anh.

Tôi thức giấc nửa đêm, chú tâm cầu nguyện anh siêu thoát. Cầu cho anh, một người anh thương mến, một người bạn lớn tuổi, đã hiểu nhau, cùng chia sẻ những đắng cay buồn vui của tù đầy, của nhân tình thế thái. Đã cùng nhau hàn huyên tâm đắc trăm ngàn thứ chuyện trong mấy chục năm qua. Qua anh, tôi đã thấy sự thủy chung của tình bạn. Đối với các anh chị thuộc gia đình *Sáng Tạo* và những người thân quen, mối dây thân ái, tương kính, quan tâm đến nhau vẫn giữ cho đến cuối đời. Phục anh về khí khái của một kẻ sĩ khi quốc phá. Không ồn ào chống đối, nhưng chưa bao giờ thỏa hiệp. Không đua chen cho những hào quang và tăm tiếng. Chưa thấy anh ghét ai. Không ưa không phục thì không gần gũi. Thế thôi. Cách sống của anh, dù chẳng bao giờ muốn, cũng đáng cho nhiều người suy nghĩ. Anh là dòng nước, xuyên qua ghềnh thác, vẫn trong vắt sáng ngời trôi chảy vào đại dương mệnh số.

Tôi gần anh, chơi thân với anh. Một con người bình dị, chí tình trước hơn một thi sĩ, văn sĩ. Tôi viết về anh, những điều gần gũi thân quen, hơn là về những bài thơ người khen kẻ chê, người yêu kẻ ghét. Những điều vật vãnh này chiếu một tia sáng nhỏ vào một góc đời cho những ai muốn hiểu thêm về anh. Thơ văn anh canh tân đột phá cái sáo mòn xưa cũ. Chắc chắn không dễ gì chinh phục lúc đầu. Thời gian mấy chục năm, im hơi lặng tiếng. Không tranh hơn thua. Không giải thích biện bạch. Đủ để cho những đánh giá trung thực. Không phải đợi khi anh qua đời, mà những năm khi anh còn sống, giá trị công lao, tài năng của anh đã là một khẳng định, một tự hào của văn học Miền Nam Việt Nam tự do. Những bài viết, phân tích, nhận định phê bình của nhiều người trước và sau cái chết của anh như Nguyễn Hưng Quốc, Bùi Vĩnh Phúc, Thụy Khê... và mới đây Đặng Tiến cùng nhiều người khác, chắc chắn giúp cho người đọc có cái nhìn, cái hiểu biết khá sâu sắc về sự nghiệp văn thơ của Thanh Tâm Tuyền.

Nhờ cơ duyên, gia đình tôi được gần gũi các anh chị giới cầm bút, ngoài và trong *Sáng Tạo*. Các anh chị trưởng thượng như Doãn Quốc Sĩ, Nguyễn Sĩ Tế, Thái Tuấn... thì coi tôi như người em. Riêng Thanh Tâm Tuyền trẻ tuổi hơn quý vị kia, sau này gần gũi trong lao tù và sau lao tù, cho đến những ngày trên đất Mỹ, hiểu được nhau, tôi được anh xem như người bạn trẻ tuổi hơn, rất thân thiết. Tôi thường gọi tên anh là Thanh Tâm Tuyền hay gọn là anh Tuyền. Gọi chị, chị Tuyền. Thói quen này, có lẽ tại tôi với anh cùng tên chẳng? Trong bài viết này dù gọi là anh, là ông hay trọi Thanh Tâm Tuyền, cũng với lòng trân quý.

Ngày vào...

Miền Nam sụp đổ. Tôi với Thanh Tâm Tuyền đi tù cùng ngày, cùng chỗ. Nhà tôi, nhà anh gần nhau. Đi bộ năm mươi phút. Tôi ở hàng Keo, gần trường Mỹ thuật. Anh ở xóm Gia, ở gần Bệnh viện Ung thư Gia Định.

Năm đầu cùng chung trại Long Giao. Anh lán 9. Tôi lán 6. Lán là nhà mái tôn dài, trại lính cũ. Gặp tôi, anh mừng rỡ. Năm đầu ở đây, chưa phải lao động nhiều nên có thì giờ nhàn rỗi. Tôi thường đến chơi với anh và nói mọi thứ chuyện. Bài thơ "Hồi hương ngẫu cảm" của Hạ Tri

Chương, sau này tôi trích đăng trong truyện ngắn “Nghịch lý” (Tập truyện *Cơn giông ngày về*, Văn Mới xuất bản 1999) là của Thanh Tâm Tuyền đọc thuộc và dịch. Tôi nghe. Học thuộc. Bài thơ Trung Hoa cổ, tiên đoán những ngày tù xa xăm biệt xứ của chúng tôi. “*Thiếu tiểu ly gia, lão đại hồi. Hương âm hổi cải mấn mao tồ. Nhi đồng tương kính bất tương thức. Tiểu vấn khách tùng hà xứ lai*”. Sau này, anh Hoàng Hải Thủy i meo cho biết, tôi đã trích sai bài thơ. Phải sửa lại cho đúng là *Hương âm vô cải, mấn mao thôi*. Tôi nhận mình lâu ngày, nhớ không đúng. Ông thi sĩ kiêm thầy dạy Việt văn không thể nhầm được. Mới đây đọc tuyển tập tạp ghi của Phan Lạc Phúc (Văn Nghệ 2002) có thấy ghi chú. “Nhiều dị bản đọc là *Mấn mao suy* hay *Mấn mao tồ*”. Vậy là tôi không nhớ sai. Bài thơ Phan Lạc Phúc trích đăng lại gây thêm một nghi vấn khác. Thay vì *nhi đồng* lại là *mục đồng*. Chuyện đó hạ hồi phân giải. Chỉ kể một kỷ niệm nhỏ với Thanh Tâm Tuyền trong năm đầu cải tạo.

Biệt xứ

Năm 1976, tù cải tạo chuyển ra vùng thâm sơn Việt Bắc. Anh bị đày ải Yên Bái, Lào Cay. Tôi bị đẩy lên vùng Sơn La nước độc. Năm 1979, Trung Quốc vượt biên giới đánh người anh em một thời môi hở, răng lạnh. Các trại tù dọc biên giới Hoa-Việt chuyển về Vĩnh Phú. Trong thung lũng hẹp, trại được phân phối thành năm phân trại.

Tôi ở K5 với Mai Trung Tĩnh. Một sáng mùa xuân nắng đẹp. Tôi theo xe trâu lên K2 nhận đường mía. K2 là trại trồng nhiều mía. Trên đường làng sỏi đá. Vượt qua suối cạn. Sau khoảng hai giờ thì đến nơi. Một toán anh em đói mệt rã rời, áo dầm mồ hôi, trên đường về, sắp vào trại. Trong đoàn người đó, tôi chợt nhận ra anh. Với dáng người và dáng đi đó, không thể ai khác. Quá mừng không kìm hãm. Nhảy vội xuống xe trâu. Chạy nhanh về phía anh. Gọi lớn. Anh Thanh Tâm Tuyền. Mọi người quay đầu nhìn tôi. Anh mừng nhận ngay ra. Chú Tâm. Anh cười. Chú đang ở đâu? Em ở K5. Chỉ bấy nhiêu lời. Anh qua khỏi cổng giam còn cười mừng ngoái nhìn trở lại.

Hai năm sau, Thanh Tâm Tuyền chuyển về K5 cùng trại với tôi. Có khi lại được ở chung buồng giam. Khác đội. Ngày lao động đói lả. Tớ ngồi chầu kiểm điểm. Tớ mình và tớ người. Cũng ít có khi rỗi rảnh chuyện trò. Ăn cơm chung với nhau trưa chúa nhật. Sau này anh cười nói. Tớ khai là Dư Văn Tâm, đại úy bộ binh. Chú lại la toáng lên Thanh Tâm Tuyền. Từ đó tớ bị lộ tẩy!

Một chiều mùa đông lạnh. Tôi đang ở đội nhà bếp. Anh nhẩn ra gặp. Tớ mới được quà, đem chú ít dầu bơ, bồi dưỡng lấy sức. Anh đưa tôi lon gỗ đựng đầy. Cần cho anh hơn. Giúi vào tay tôi, anh nói. Tôi còn nhiều. Chưa kịp cảm ơn, anh quay đi. Ai đã qua tù đày của cộng sản, đã qua cái đói dai dẳng hành hạ năm-năm-tháng-tháng-ngày-ngày, mới cảm được cái to lớn của miếng ăn. *Chờ cơm bụng lép đo giường*. Cái đói đã đưa con người trở về với bản năng sinh tồn của muông thú. Vì miếng ăn có người lừng lẫy, nhân cách một thời đã trở thành ti tiện. Rất đáng thương và thông cảm. Đừng chê trách. Trong hoàn cảnh đó, Thanh Tâm Tuyền, với một gói dầu bơ vàng sệt hấp dẫn, thơm rực, chia cho tôi trong một chiều âm u lạnh đói. Nghẹn ngào. Nhớ mãi.

Tết 1981. “...*Nguyên đán bước ngày ngày vất vưởng. Ngoài tường, ngọn ngô đồng trơ trọc. Lắng buốt tiếng gặm mòn thịt xương. Lây xót xa núi rừng điêu đứng*” (“Nhớ xuân”). Hẹn với anh cùng ăn trưa đầu năm. Bữa cơm ngày Tết hiếm có quanh năm, có thịt trâu và canh, xào “...*Nhồi như nồi vịt, nước mắt rơi. Giao thừa tối cảm gió ỉ ôi. Ta vắng nghe chú bõn cọt. Tết ngày ăn, Xuân mùa vui chơi...*”. Tôi quá bận ở nhà bếp, xong việc thì đã quá trưa. Xuống buồng giam của anh, một số anh em đã trùm chăn ngủ cho quên ngày tháng hay khóc thầm nhớ vợ con. Anh vừa ăn xong. Chúc anh sức khỏe. Anh thường nói. Vợ đại con thơ. Bằng cách nào, cố sống mà về. Dù ngày về mù tịt. Tôi nhìn trước sau, len lén đưa cho anh một chai nhỏ. Gì thế?

Thuốc ho. Xuống giọng rằm rì. Chú liều thế. Tết tù mà như thế này là nhất! Ở tù khó nhất là đem rượu vào trại. Bị bắt thì cùm ngay. Có quan hệ bên ngoài thì tiêu thụ tại chỗ. Tôi có đưa em thân tín cùng đơn vị, Trần Quốc Ân, làm ở đội mía lo việc cất rượu. Quý ông anh, biết ông anh xưa vốn nòi Lệnh Hồ Xung, ngày Tết lén cắp rượu đem vô. Tôi chia cho Thanh Tâm Tuyền một nửa. Anh không uống được nhiều rượu. Một hai chung như thế cũng đủ cho thi sĩ của chúng ta có hứng khởi làm những câu thơ về xuân về Tết trong tù tuyệt vời. “...*Trời có mấy độ xuân? Đất bao nhiêu miền lạ? Chưa ngáy tiệc trần gian. Hồn run xanh búp lá.*” Tôi bị hớp hồn về ý và từ thơ xao xuyên “Hồn run xanh búp lá”. Một câu thơ xuân khác kỳ lạ không kém. Đơn giản mà âm vang đến sững sờ. “...*Vang vang trời vào xuân. Ta bật kêu mừng rỡ...*” Ở tù khổ sai mà làm thơ sáng khoái như thế, đúng là thứ thiệt.

Ghiền nặng thuốc lá. Vào trại anh là đệ tử của thần thuốc Lào. “*Bạn tù ơi lửa châm rồi. Rít cho ròn rã mê toi cõi lòng. Tựa lưng nhả khói thông dong. Tít say lú lấp cả mong với chờ...*” Anh làm cỏ sán ở gần nhà bếp đội chăn nuôi. Giờ nghỉ mệt, theo bạn lén vào bếp hút vố thuốc Lào. Nhà bếp, nơi nấu cám heo là nơi cấm. Sợ tù đói kinh niên vào đây ăn vụng cám lợn. Nghe kể lại, Thanh Tâm Tuyền đang phê thuốc, không kịp đi ra đã bị tay đội trưởng HĐĐ bợp tai. Tin này truyền nhanh vào trại. Tôi lấy cờ đi lấy củi đốt cho nhà bếp. Đánh xe trâu ra tận nơi. Không gặp HĐĐ ở đó. May cho hấn mà cũng hên tôi.

Suốt những năm tháng tù đầy, anh là một người tù bình thản đến lạ lùng. Không chống đối, than trách. Không tham gia hợp tác văn nghệ, văn gùng. Mùa xuân trước khi được tha, tay Bích tù hình sự làm trật tự, uy quyền trấn áp, buộc anh đưa thơ đăng bích báo Tết. Chẳng thể chối từ anh đưa bài “Ngày xuân trên cánh đồng mưa”. Bài thơ có những câu tuyệt. Bích không đăng, cho là anh chửi xéo. Với những câu: “*Trên cánh đồng nhàm mắt ngày tháng*” hay “*Ngày tế lạnh đều hiu nhớ nắng*”.

Ngày ra...

Một tình cờ kỳ thú. Thanh Tâm Tuyền và tôi vào tù cùng ngày cùng chỗ. Gần chín năm sau, ra tù cùng chỗ cùng ngày. Trong chuyến quy cố hương, có thêm nhà thơ Mai Trung Tĩnh.

Khi được tin thi sĩ Mai Trung Tĩnh qua đời lạnh lẽo tại Virginia năm 2002, tôi xúc động viết trên *Văn Học* 193 bài tưởng nhớ “Giữa Hà Nội tìm mai”. Trong đó có nhắc nhiều kỷ niệm cùng Thanh Tâm Tuyền dạo phố Hà Nội. Nay xin trích có sửa đổi để cho ai chưa đọc bài trên biết thêm một kỷ niệm khó quên của tôi và anh.

“... Vào một ngày nắng lạnh trước Tết, cả trại bàn tán xôn xao tin sắp có đợt tha. Tôi đứng đưng. Loại binh chủng ngành nghề an ninh, biệt kích, tình báo như chúng tôi, cứ chuyển trại vào sâu vùng hiểm hóc thì vội vã chuẩn bị, chắc chắn thế nào cũng có tên. Lệnh tha trong lúc hạn tù chưa vượt quá mười năm thì đừng có mà mong. Nhưng ở đời, có những chuyện không tin mà có thật. Tôi có đứa cháu, con người bạn cùng đơn vị, thuộc loại tù nhí, rất trẻ. Mới hai mươi mấy tuổi, đẹp trai, nhanh nhẹn dễ thương mà lại hoa tay viết chữ rất đẹp. Tù vì theo Phong trào Phục quốc sau 1975. Vào trại được tay cán bộ giáo dục, một trong mấy chức phận quyền uy, tin cậy chọn làm thư ký kiêm tà lợt. Sai làm đủ mọi thứ việc. Ngược lại cũng nhận được nhiều đặc ân. Không ở buồng giam, không dầm mưa dãi nắng lao động khổ sai. Áo quần sạch mới không tả tơi rách vá chằng đụp. Tù mà được như vậy đã là tiên. Chiều hôm đó, cậu ta xuống bếp lãnh phần ăn tối, ra dấu gọi tôi ra góc nhà. Lám lét nhìn trước sau, cười vui. “Chú có tên tha đợt này”. “Khó tin!”. “Thật. Chú đừng nói với ai. Chết cả chú lẫn cháu”. Tự nhiên tôi có linh cảm là sự thật. “Sao cháu biết? Có chắc không? Đừng làm chú mừng hụt nghe!”. “Cháu đang chép danh sách. Có tên chú và tên cháu.” Thấy tôi ngần ngừ. Như đã chuẩn bị, nó đọc rõ tên vợ tôi, địa chỉ nơi về. Nói xong nó mừng khóc. Tôi cười nghẹn. “Cám ơn cháu.” “Nhớ

nghe chú. Đừng nói cho ai. Tuần sau mới công bố”. Tin thì có tin nhưng tôi vẫn rất hồi hộp.

Mấy ngày sau thì một số lớn những người được tha, trong đó có tôi, được cán bộ quản giáo đội gọi lên cho biết bán chính thức và lại dặn dò đừng cho ai biết. Nhưng mọi người đã biết. Trại xôn xao hy vọng. Mai Trung Tĩnh đến gặp tôi lên gửi thư dặn đem về cho vợ. Hàng chục anh em khác cũng tin cậy gửi gắm. Họ biết chắc, bằng cách nào tôi cũng tìm cách giấu giếm những lá thư để đưa lọt về gia đình. Thời gian sau đó khi về Sài Gòn, hơn tháng trời tôi và đứa con gái 13 tuổi trên chiếc xe đạp cà rịch, ngày ngày tìm đến những địa chỉ khắp cùng ngõ ngách trao thư tận tay những người vợ, người mẹ, người cha, người tình. Sài Gòn, Thủ Đức, Biên Hòa. Nơi xa xôi thì gửi theo bưu điện. Qua việc làm này, tôi đã chứng kiến bao nhiêu chuyện buồn vui tủi nhục của những bạn bè cùng cảnh đang còn kẹt trong tù, mà ngày về thì biết đến bao giờ. Tôi đã có ý định ghi lại những hoạt cảnh xã hội này, nhưng cuối cùng không thực hiện vì trân trọng những đau thương đổ vỡ riêng tư.

Một ngày trước khi tha, tôi và Thanh Tâm Tuyền cùng một người bạn trẻ rất khí khái, vốn là học trò, có bữa ăn đạm bạc chia tay. Thanh Tâm Tuyền lại giao thêm cho tôi một trách vụ hiểm nghèo khác là đem ra những bài thơ của anh sáng tác trong thời gian ở tù, viết trên những dung giấy nhỏ. Nhiều bài thơ này đến với những người hâm mộ trong thi tập *Thơ ở đâu xa* đã được Cơ sở Văn xuất bản tại Mỹ năm 1999. Đem lên cả hàng chục lá thư gửi về gia đình lại thêm thơ lậu của Thanh Tâm Tuyền, qua mặt cán bộ ra khỏi trại là một “điệp vụ” căng thẳng. Có kẻ lén báo, cán bộ nhân lực, tức là an ninh trại, chặn xét tại cổng nhưng tôi đã chuyển giao cho anh bạn trẻ Phan Cảnh Phùng trước đó không lâu. Thoát hiểm trong đường tơ kẽ tóc.

Lúc ngồi với nhau, Thanh Tâm Tuyền cười nói. “Biết đâu ngày mai không phải là chú mà là tôi”. Không phải Nguyễn Đức Tâm mà là Dư Văn Tâm, tên thật của nhà thơ tự do. Lời nói ỡm ờ này không ngờ lại đúng một phần. Nếu đúng thật thì quá tội cho tôi. Lúc đọc lệnh tha, cả hai Tâm đều trúng số và thêm Nguyễn Thiệu Hùng, Mai Trung Tĩnh.

Một buổi sáng cuối năm lạnh nhẹ và sương mù, bên bờ nhánh sông Thương hiền hòa, chúng tôi, có cả Mai Trung Tĩnh và Thanh Tâm Tuyền, ngồi tùm hút thuốc. Uống chia nhau gô trà mộc nóng đậm. Ôi tuyệt vời những giây phút đầu tiên, tạm gọi là tự do, sau bao nhiêu năm tù đày. Chúng tôi ngồi chờ ca nô xuôi sông Thương, vượt sông Hồng chờ về trại chuyển tiếp Ấm Thượng, xóm nhỏ bên bờ sông Hồng. Để sáng hôm sau đáp tàu hỏa xuôi về Hà Nội. Ngày mai ra sao? Đẹp qua một bên. “*Sung sướng quá giờ cuối cùng đã hết*” (“Xuân tâm”).

Mấy toa tàu cũ kỹ lắc lư chờ hơn bốn mươi người được tha từ ga Ấm Thượng về đến ga Hàng Cỏ, Hà Nội. Tất cả được lừa nhốt trong nhà đơi. Đi tiêu tiểu phải xin phép. Chuyến tàu thống nhất tám giờ tối nay sẽ trả chúng tôi về miền Nam yêu dấu nay đã đổi chủ thay ngôi. “*Hương âm vô cải mấn mao thôi*”. Ngày về tóc đã bạc phai mái đầu. Tôi được giao nhiệm vụ sắp hàng anh em, điểm số.

“Thưa cán bộ thiếu mất một anh”. “Bỏ mẹ! Anh kiểm lại xem. Lúc lên tàu tôi đếm đủ. Không nhẽ rớt xuống đường. Đếm lại!”. “Thưa cán bộ đúng là thiếu một”. “Có biết thiếu ai không?” “Thưa biết”. Ai? “Nguyễn Thiệu Hùng”. Tôi vọt miệng nói tiếp “Tôi nghe nói anh ấy có bà cô ở đối diện ga. Chắc anh ấy tranh thủ ghé thăm. Cán bộ đừng lo. Đúng giờ tàu vào Nam chắc chắn anh ấy sẽ có mặt thôi”. Tôi biết rõ vì trước khi lên tàu Mai Trung Tĩnh có nói với tôi. “Vô kỷ luật. Ông nại cho vào tù ở thêm cho biết thế nào là nề độ”. Tay cán bộ răn đe. “Anh đi ngay ra khỏi ga, tóm đầu anh ấy về ngay cho tôi”. “Tôi không rành đường sá, nhớ lạc không về kịp chuyến tàu thì bỏ bu”. “Đi. Tôi bảo đi là cứ đi. Đừng nói thôi”. “Hay là cán bộ cho anh Dư Văn Tâm cùng đi. Anh ấy là dân Hà Nội chính cống”. “Được. Nhớ tìm được thì về ngay nhé. Khẩn trương!”. “Vâng!”. Tôi chạy đến chỗ ông Thanh Tâm Tuyền. “Minh đi thăm Hà Nội ba sáu phố phường”.

“Đi thế nào được. Chúng nó giam lỏng”. “Cứ theo tôi. Thế mới tài!”. Ông không tin. Tôi cười kể cho ông nghe. Ông vội vã khoác chiếc áo măng tô màu đen. Đội nón công nhân kiểu Lenin. Nón này là bảo vật tôi để lại cho ông kỷ niệm chia tay. Không ngờ hai anh em cùng được tha. “Anh đem tôi đi tham quan Hà Nội”. “Ông Hùng thì sao?”. “Đẹp qua một bên. Lo bò trắng răng. Đến giờ tàu chạy thì ông ấy mò về”.

Thanh Tâm Tuyên hóa xác. Thường ngày thông thả chậm chạp, giờ đi như chạy. Đường phố dường như quá quen thân cho dầu bao tang thương biến đổi. Ông bươn bả đi trước, tôi chạy theo. Không nói với nhau nhưng tôi biết ông đang xúc động khi trở về nơi chốn cũ. Tấp vào một quán phở bên kia đường để thưởng thức tô phở Bắc chính hiệu. Gọi mỗi đĩa một cốc cà phê. Thế là nhất. Mấy năm đói khát thèm ăn, tô phở làm chúng tôi thất vọng đã đành mà ông chủ quán, thuộc loại bộ đội giải ngũ, trong bộ đồ lính cũ, lại càng làm cho tôi phát ngáy. “Phở ở đây mới là phở. Trong Nam các anh nằm sao sánh được”. Tô phở phát phơ hai lát thịt nhỏ, mỏng dính. Nước dùng bột ngọt đậm chất. “Phét. Chúng mày lấy đầu ra thịt. Bỏ khi!” Tôi chửi thầm. “Ông đói dài mấy năm còn chả thấy ngon hưởng hồ...!”. “Các bác được Đảng khoan hồng nhớ về lao động...” Tôi nói đều: “Thôi nhờ ông anh tốp lại! Mấy năm nghe chán rồi. Biết rồi khổ lắm nói mãi! Vào đây đớp phở mì chính (bột ngọt) chứ không phải nghe ông lên lớp. Tính tiền!”. Ông Thanh Tâm Tuyên thấy tôi sừng cồ vội vàng đứng dậy ra khỏi quán. Bác Nguyễn Tuấn ơi! Chúng bán phở Bắc như thế này là chúng nó làm nhục bác rồi!

Chúng tôi, những thằng tù khổ sai biệt xứ mới được thả, đi giữa đường phố Hà Nội trong túi cũng xu hào rủng rỉnh. Đã gần mười năm toàn trắng, thế mà những bộ đồ lính, tấm vải dù làm vũng của chúng tôi đem theo từ ngày Sài Gòn thất thủ vẫn còn là món đồ đắt giá hợp thời trang. Dân Hà Nội chen lấn qua song cửa nhà ga tranh nhau mua. So với tô phở giá năm đồng, chiếc áo lạnh áo *jacket* nhà binh tôi bán bảy trăm. Miếng vải dù tưởng vất đi cũng có người mua đến chín chục.

Ông Thanh Tâm Tuyên dẫn tôi đi như chạy trên Phố Thuốc Bắc rục mùi cao đơn hoàn tán, lần đến ngôi nhà cũ nát tường vôi loang lổ. Căn phố hẹp tối tăm, nhiều gia đình cùng ở, ngăn chia nhau bởi những tấm màn vải nhàu bần. Người cô già mù lòa vẫn nhận ra tiếng nói của đứa cháu sau bao năm trời chia cách. Ôm chằm. Cô khóc, cháu sụt sùi. Và tôi, người chứng kiến những giây phút cảm động nhất của một cuộc kỳ ngộ, bước ra hàng hiên lau vội nước mắt.

“Anh đưa tôi đi xem Hồ Hoàn Kiếm và phố Hàng Đào”, từ già người cô, ra khỏi nhà, tôi đề nghị. “Thong thả”. Anh chặn bà già bưng mẹt bán bánh dày kẹp chả chiên. Món ăn đã biến mất trong trí nhớ của tôi. “Cho chúng cháu hai cái”. Anh thích thú nói với tôi. “Ăn đi. Đặc biệt Hà Nội”.

Đi qua những con đường loang lổ rêu phong, dễ chừng từ thời Pháp thuộc đến nay chẳng hề tu bổ. Nước cống rãnh tràn ướt lối đi rác bần. Những ngày giáp Tết, đường phố chen chúc bụi bặm người lam lũ, xám xịt. Nam nữ áo quần bộ đội, dép nhựa nón cối. Ôi! Đâu Hà Nội đáng kiêu thơm của Quang Dũng? Ôi! Đâu áo dài tha thướt, đầu tóc dài thả gió lê thê của nhạc sĩ Hoàng Dương, Anh Bằng, Vũ Thành? Và rồi phố Hàng Đào với những thiếu nữ khuê các của Nhất Linh, của Khải Hưng? Trước mắt tôi chỉ là một phố nhỏ lạc hậu so với Sài Gòn thân yêu của tôi mười năm trước đó. Hình ảnh sau cùng đồ vỡ thắm thương trong mơ tưởng của tôi. Hồ Gươm! Một vũng đọng. Tháp Rùa! Rêu bần, trơ trên phát phơ một ngọn cờ.

Cám ơn Mai Trung Tĩnh. Nhờ ông, tôi có dịp thăm Hà Nội và Thanh Tâm Tuyên trở lại cố đô” .

Sài Gòn, ngày về...

Dù trăm nghìn vất vả, lo sợ và bất an, chúng tôi vẫn có những ngày tháng nhàn rỗi. Thanh Tâm

Tuyên thời gian này không giao thiệp tiếp xúc nhiều. Bạn bè hay lui tới với anh chỉ năm, ba. Anh thân với người anh thích. Một phần bản tính, một phần vì an toàn cho bản thân. Tên anh trong bia đen "biệt kích văn nghệ" của chính quyền. Nhất là khoảng sau ngày đầu tháng 5, 1984 ngày nhà anh bị bắt thần khám xét, phải trình diện Phòng Chính trị Công an Thành phố cùng lượt với sự bắt giam trở lại các văn hào kẻ sĩ Doãn Quốc Sĩ, Hoàng Hải Thủy..., ca sĩ Duy Trác. Tôi mừng vì không tin rằng anh thoát khỏi trại giam thêm nhiều năm như các anh đó.

Nguyễn Đình Toàn, Đinh Cường, Phan Lạc Phúc, Cung Trầm Tưởng là những khuôn mặt thân quen tới lui. Anh qua tôi hay tôi qua anh. Uống trà, cà phê anh pha lấy hoặc ngồi ở mấy quán cóc mọc lên như nấm quanh Gia Định, Tân Định. Tôi và anh cũng thỉnh thoảng ghé thăm anh chị Nguyễn Sĩ Tế, Doãn Quốc Sĩ... nhất là từ khi anh Nguyễn Sĩ Tế bị đau mắt. Có khi cùng nhau lên quán sách của anh Phạm Kiều Tùng bên ngoài nhà thờ Huyện Sĩ, tìm sách cũ và cà phê tán dóc. Những khi rủng rỉnh thì ghé trước chợ Tân Định mua hai cái *croissant* nóng giòn thơm lừng mùi bơ Bretagne, ghé quán nhâm nhi cà phê đen đặc đến trưa. Nhưng giây phút đó quả là hạnh phúc. Đủ lãng quên đời.

Anh Mai Thảo và các bạn bè thân quen đang ở nước ngoài liên lạc giúp đỡ. Tôi biết anh đã từ chối không nhận \$ 50 đô của một thi sĩ gửi cho và nhờ anh Mai Thảo trả lui với lời cảm ơn. Đang lúc nghèo túng, anh cũng chỉ nhận sự giúp đỡ của bạn bè chí thân. Ngày được giấy tờ đi Mỹ, tôi đi với anh qua bệnh viện Nguyễn Văn Học, nhờ em của anh Dương Nghiễm Mậu, đang làm ở phòng quang tuyến, rọi phổi để có gì lo chữa chạy kịp khỏi trị hoãn ngày lên đường. Phổi anh tốt.

Đi Mỹ

Nhờ anh vợ, phi công, qua từ 1975 bảo lãnh, tuy đi theo diện H.O. nhưng ưu tiên đi trước vào năm 1990. Đến Baton Rouge, New Orleans. Nơi cư trú của anh vợ. Họa sĩ Ngọc Dũng ân cần mời gia đình về với anh ở Washington D.C., anh từ chối và sau đó quyết định về cùng con. Cháu Quang Tuệ vượt biên qua trước đang ở Minnesota, nơi anh chị Cung Tiến, bạn thân của Thanh Tâm Tuyền, chưa có con, nhận Tuệ làm con nuôi. Việc làm nhân nghĩa của anh chị đã được đất trời đền đáp. Năm sau anh chị sinh con đầu lòng, cháu Đăng Quang.

Cũng cần nói thêm, đi ở tù cũng có số là cái chắc (!) Ngày Sài Gòn sụp đổ, họa sĩ Ngọc Dũng rủ anh cùng đi Mỹ. Anh không đi được vì vợ đang có bầu. Đưa con út của anh, cháu Trung Từ, ra chào đời đúng 9 giờ sáng ngày tan hàng 30 tháng 4. Con chưa kịp đầy tháng thì bố đi tù. Tôi đang viết bài này cũng đúng ngày 30 tháng 4, ba mươi hai năm sau.

Coi lại

Với tài năng, Thanh Tâm Tuyền đã có một vị trí trân trọng trong văn học Việt Nam. Đặc biệt về trào lưu thơ được gọi là thơ tự do. Người yêu chuộng, nghiên cứu và phê bình về văn học đương đại của Việt Nam nhất là giai đoạn khởi sắc của miền Nam 54-75 không thể kể thiếu tên ông. Toàn bộ tác phẩm của tác giả cần được tập trung lưu giữ đã đành, mà cuộc đời của tác giả cũng trở thành đối tượng cần thiết để đối chiếu về mặt ảnh hưởng trên sự nghiệp sáng tác. Người cùng thời, kẻ quen người biết ông rồi cũng lần lượt theo ông. Cho nên, nhiều người đang cố nhớ ghi lại những điều được biết về ông. Ý kiến có khác biệt, nhưng sự kiện là điều có thể kiểm chứng. Chỉ với mục đích đó, trong khả năng hiểu biết của mình, sau khi đọc nhiều bài viết về Thanh Tâm Tuyền, những điểm sau đây nên coi lại.

1. Khi đưa tin về cái chết của Thanh Tâm Tuyền, nhiều báo có ghi rằng: *sau khi tù cải tạo về, ông có thời gian đi làm ruộng ở Phước Tuy, Bà Rịa.*

Thanh Tâm Tuyền chưa hề ra khỏi Sài Gòn cho đến ngày đi Mỹ.

2. Ông lấy vợ là người đẹp ở Bình Dương. *Lấy ông vì yêu thơ ông.*

Chị Thanh Tâm Tuyền, tục danh là Cao Thị Mai Hoa, người gốc Cần Thơ theo gia đình lên Sài Gòn. Chưa ở Bình Dương ngày nào. Học trường Tây Michelet. Ông Diệm đẹp trường Tây. Chị vào Trung Học Nguyễn Bá Tòng, học đệ tứ chương trình Việt. Gặp thầy dạy Việt văn Dư Văn Tâm. Bị thầy đì vì không rành văn chữ Việt. Ý thì có mà chính tả quá bết. Lúc đó cô nữ sinh Mai Hoa mới tròn trăng mười sáu. Thầy hơn trò đến mười tuổi. Với tuổi đó và trình độ Việt ngữ như thế, chắc không cách nào mê được thơ đếm số cửa sổ “Một cửa sổ, hai cửa sổ...” (*Tôi không còn cô độc*) của thầy Tâm. Sau đó thầy dần dần mê trò. Câu chuyện tình đẹp này, đầu đuôi có một người biết rất rõ: nhạc sĩ Cung Tiến. Động viên nhập ngũ Thủ Đức, 1963. Ra trường. Gia đình đi hỏi. Phong tục, lễ nghi Bắc Nam có khác. Ba chim bầy nổi. Cuối cùng đẹp đôi. Đám cưới ngày 4 tháng 7, 1964.

Liên, đêm, mặt trời tím tháy, tác phẩm xuất bản đánh dấu ngày vui này. Có người quyết đoán Liên là tên một người yêu của nhà thơ. Theo Thanh Tâm Tuyền giải thích, Liên chỉ có nghĩa là liên khúc của thơ và thơ xuôi trong tác phẩm. Ngày cưới vợ mà lấy tên người yêu cũ đặt cho quà cưới của mình thì có nước... đi thăm Bùi Giáng. Theo chị Mai Hoa, anh là mẫu người chồng, người cha lý tưởng. Dạy con rất nghiêm. Không nịnh vợ. Đúng sai rõ ràng. Điều này chắc chúng ta, những ông chồng, khẩu phục, tâm phục! Như bao nhiêu gia đình khác, anh cũng mất một đứa con trai trên đường vượt biên.

Thơ của Thanh Tâm Tuyền thường đề tặng bạn hữu. Đặc biệt tặng cho vợ, chỉ có hai bài.

Thơ tình trong tù (1980): “*Vẫn em của thuở trăng nào / Đêm hôm nở đóa chiêm bao xanh ngần/
Vẫn em tình của trăm năm / Đoan trang khoe hạnh thâm trầm dáng thơ / Vẫn em mối kết thiên
thu / Vẫn em xoa dịu sâu tư cõi này*”.

Sáng sớm mùng một Tết 1984, ông bảo vợ pha trà thơm để ông đọc tặng bài thơ đầu năm. “*Xuân tứ*” (1984): “*Cỏ hoa thắm thì hát / Ngoài vườn trăng đêm nay / Xuân ngàn mùa vẫn một /
Hương sắc không hề phai / Sự trôi chảy mãi thật / Tình đơn sơ còn đây / Ôi nỗi niềm bát ngát /
Thủy chung nào vơi đây*.”

Theo ông làm thơ dễ hơn viết văn. Ông thích làm thơ hơn là viết văn.

3. Một đôi điều thắc mắc nhân đọc một bài viết về Thanh Tâm Tuyền của Văn Quang, nhà văn quân đội quen thuộc trước 1975, nay còn trong nước. Đọc được trên *website* Gio-o.

Trích: “... *Khoảnh khắc đáng nhớ nhất là lần cuối cùng gặp anh cũng là ngày anh được tha ra khỏi trại cải tạo Vĩnh Phú, vào khoảng năm 1982. Anh ghé vào khu nhà giam tôi đang sống, anh hỏi. ‘Có trà ngon không, mang đãi khách. Bây giờ anh là tù, tôi là người ngoài tù’. Tôi gật gù...*”

Tôi không còn nhớ chắc Văn Quang có chung trại khi chúng tôi được tha hay không. Nếu có chẳng (?) thì việc Thanh Tâm Tuyền đến thăm Văn Quang và nói những lời như trên đây khó có thể xảy ra được.

Thứ nhất, như đã nói ở trên, Thanh Tâm Tuyền trước ngày đọc lệnh tha hoàn toàn không biết có tên mình nên mới nhờ tôi lén mang những bài thơ về. Bữa cơm tưởng là chia tay nhau hôm đó, gồm có Thanh Tâm Tuyền, tôi và người học trò cũ anh rất thương mến, Nguyễn Văn Thích.

Khi qua Mỹ, anh làm một bài thơ rất dài tặng tôi, trích đăng trên báo Văn 26. “Ăn tết với Nguyễn Văn Thích”: “...*Nhớ chú, nhớ chú Nguyễn Văn Thích/ Đừng để riêng ta cái nhớ dai/ Cái nhớ thâm thì những khuya khoắt...*”

Thứ hai, sau khi đọc lệnh, ai được tha tức khắc được ở khu riêng, không được tiếp xúc. Như chỗ tôi và gia đình biết, trước như thế nào tôi không rõ, nhưng sau này Thanh Tâm Tuyền không quá thân với Văn Quang, bản tính lại cẩn trọng không hồ đồ, không đại gì xé rào, hy sinh tấm giấy ra trại của mình để sang thăm Văn Quang. Đã không quá thân tình, lại sợ làm nản lòng người ở lại, như Văn Quang viết, thì việc đòi hút thuốc, uống trà và ăn nói như trên, khó có thể xảy ra với Thanh Tâm Tuyền.

Trích tiếp: “*Thanh Tâm Tuyền tên thật là Dzur Văn Tâm, sinh ngày 13-3-1936, có bạn ghi ngày 15-3-1935, tôi lại nhận được một nguồn tin khác, anh sinh năm 1934, do chính Thanh Tâm Tuyền tiết lộ với một số bạn bè khi ngồi ở nhà hàng La Pagode.*”

Giấy khai sinh cũ, rách, gia đình còn giữ được cho đến bây giờ. Cô mẹ Nhự, làm chứng khai sinh ghi rõ không gì bàn cãi. Dư Văn Tâm sinh ngày 13 tháng 3 năm 1936.

Tóm

Tuy đã cố nhớ để viết những điều về Thanh Tâm Tuyền, nhưng chắc chắn cũng lắm điều chưa rõ. Lắng nghe và đón nhận những bổ túc, sửa đổi cần thiết. Thúc đẩy của văn hữu. Khuyến khích của anh Lê Tất Điều. Tin cậy của gia đình Thanh Tâm Tuyền. Tôi đã qua được sự ngại ngùng. Và sau cùng, như nén tâm hương gửi anh về những ân tình và kỷ niệm, nhân Chung thất 49 ngày anh mất.

Chicago, ngày Chung thất 9 tháng 5, 2006

© 2006 talawas

Phụ đính :

Thơ Thanh Tâm Tuyền



Dạ khúc

Anh sợ những cột đèn đỏ xuống
Rồi dây điện cuốn lấy chúng ta
Bóp chết mọi hy vọng
Nên anh dìu em đi xa

Đi đi chúng ta tới công viên
Nơi anh sẽ hôn em đắm đuối
Ôi môi em như mật đắng
Như móng sắc thương đau

Đi đi anh đưa em vào quán rượu
Có một chút Paris
Để anh được làm thi sĩ
Hay nửa đêm Hà Nội

Anh là thằng khùng điên
Ôm em trong tay mà đã nhớ em ngày sắp tới

Phục sinh

Tôi buồn khóc như buồn nôn
ngoài phố
nắng thủy tinh
tôi gọi tên tôi cho đỡ nhớ
thanh tâm tuyền
buổi chiều sao vỡ vào chuông giáo đường
tôi xin một chỗ quỳ thầm kín
cho đứa nhỏ linh hồn
sợ chó dữ
con chó đói không màu

tôi buồn chết như buồn ngủ
dù tôi đang đứng trên bờ sông
nước đen sâu thao thức
tôi hét tên tôi cho nguôi giận
thanh tâm tuyền
đêm ngã xuống khoảng thì thầm tội lỗi
em bé quàng khăn đỏ ơi
này một con chó sói
thứ chó sói lang thang

tôi thèm giết tôi
loài sát nhân muôn đời
tôi gào tên tôi thảm thiết
thanh tâm tuyền
bóp cổ tôi chết gục
để tôi được phục sinh

từng chuỗi cuộc đời tiếp nối

nhân loại không tha thứ tội giết người
bọn đao phủ quỳ gối
giờ phục sinh

tiếng kêu là kinh cầu
những thế kỉ chờ đợi

tôi thèm sống như thèm chết
giữa hơi thở giao thoa
ngực cháy lửa
tôi gọi khẽ
em
hãy mở cửa trái tim
tâm hồn anh vừa sống lại thành trẻ thơ
trong sạch như một lần sự thật

Mặt trời

ngó đầu ra ngoài thở hơi mưa
cảm giác ngủ một vùng yên tĩnh

bao giờ ánh sáng cũng nhói thẳng con người
tâm hồn rục rở bàn tay vấy
tôi trở lại cùng những người thân yêu
không giam tâm hồn trong nhà ngục tâm hồn
thể giới nói thêm lời hoa cỏ thiên nhiên

câu chuyện mặt trời hoang đường như đôi mắt tình nhân
tôi hôn
bỗng tin lần mi khép

Định nghĩa một bài thơ hay

hơn một loài quạ đen khủng khiếp
cánh màn trắng ngón tay lo âu vuốt mắt
hãy đánh rơi vào buổi chiều của trời
một cuộc đời tròn như hạt cốm
mùa thứ ba trong năm nhỏ sữa
may mắn như bài thơ gồm những âm trầm đồng tình

cần thêm vào tam đoạn luận
người là phải chết
mày là một người vậy mày phải chết
một yết thị
các con hãy ngủ tim những người thân yêu
cuộc hành trình thiêng liêng đi mãi bằng dòng máu

hoàn thành bao nhiêu tác phẩm
chỉ để sau rút kết luận một lời

anh hãy từ biệt mọi người cho đẹp bằng tác phẩm của anh

một câu thơ hay tự nhiên như lời nói
bài thơ hay là cái chết cuối cùng

giã từ cái giường cái bàn cái ghế
một người hai người và ba người

một người hai người và ba người

Ôi anh em Cộng Hoà

Các anh Cộng Hoà đã chiến đấu cho Tây Ban Nha
xứ sở Lope de Vega Garcia Lorca
một Breton tình điên còn nức nở
mà Hi vọng Malraux còn thồn thức
và mãi Ernest còn tiếc thương

Andalousie đói quên khiêu vũ
Việt Nam ốm yếu quên ca dao

chẳng bao giờ
chẳng bao giờ
các anh quên kỉ niệm buồn của thế kỉ
chắc các anh chưa đọc bài thơ nào
đòi nhọc tiểu
chúng tôi đến sau hai mươi năm
cuộc chiến kéo dài qua chúng tôi ở đây
thêm sự phản trắc nặng nề
cộng sản

André Pablo Federico Don

thầm kín đau giấu mãi lồng ngực
những điều kiện hôm qua đòi vẫn biệt tăm
chúng tôi gánh chịu biết rằng không phải riêng mình
lẽ các anh thừa để hưởng chia cùng kẻ đi chinh phục
nhất định các anh còn đứng phía chúng tôi

anh sẽ đọc thấy trong một đêm không ngủ ở
Madrid Bruxelles Genève Paris hay Venézuela
hay từ Chili hoang dã Bắc phi tối tăm
bởi vì tôi tin các anh không bỏ rơi cách mạng
bởi vì tôi tin các anh còn đau tim

André Pablo Federico Don

chúng tôi nhúng ngòi vào máu
những giới thuyết thoát ra ngoài địa hạt siêu hình
thế nào là dân tộc thế nào là cách mạng
sẽ gửi đến anh những bài thơ

dưới trời sao tím đọi bình minh
ôi anh em cộng hoà.

Trưởng thành

Anh biết vì sao cộng-sản thủ tiêu Khái-Hưng

mỗi lần hoàng hôn tôi bước cùng đám đông
lòng khẩn cầu cách mạng

anh biết vì sao cộng-sản thủ tiêu Phan-văn-Hùm

mỗi lần hoàng hôn tôi chạm mặt từng người
có phải chúng ta đang sửa soạn

anh biết vì sao cộng-sản thủ tiêu Tạ-thu-Thâu

mỗi lần hoàng hôn tôi cố thở cho nhiều
các anh nhớ tôi còn sống
quờ quạng tay đan dứ
cách mạng nổ trong sự nín thinh

anh biết vì sao cộng-sản thủ tiêu
vì sao cộng-sản thủ tiêu
vì sao cộng-sản thủ tiêu

Mỗi lần hoàng hôn tôi chỉ là người văn nghệ bé nhỏ
hoặc tôi cảm mòm hoặc tôi thét la
mặc chúng dụ dỗ mặc chúng doạ nạt
chúng sợ cách mạng vô cùng

cộng-sản thủ tiêu Hưng Hùm Thâu

mỗi lần hoàng hôn chúng tôi tìm gặp nhau
những người văn nghệ yếu đuối
mê cách mạng năng lực tựa thiên thần
tôi còn Trọng Lang ba lần cộng-sản giết hụt
tôi còn Mai Thảo yêu vỡ Hà Nội khi về
tôi còn Duy Thanh màu mai nghệt thờ
tôi còn Thanh Hiệp đau khổ bằng ông cụ già
một ông cụ già bất mãn và khó tính
tôi còn Quốc Sỹ sạch và trong hơn ngọn suối
của những chuyện thần tiên
tôi còn Sỹ Tế bén nhạy điềm tĩnh như cuộc đấu tranh

ngày mai qua bao nhiêu hình ảnh

mỗi lần hoàng hôn tôi đốt lửa người tôi tới trước
và các bạn tôi
nghĩa là điệp điệp trùng trùng

có ngã xuống còn kịp nói với nhau
chúng mình chết tự do quá chừng

Phiên khúc 20

Tặng những người đã ngã cho Phiên Khúc 20

Ta vừa hai mươi tuổi
nhân loại cũng hai mươi
ôi nhân loại hai mươi
thóc gạo dư ăn
bột xay thừa nặn bánh

ta kêu lên hờn căm
khi quá thể chúng cất tình ruột thịt
hỡi mẹ hiền nhìn mẹ rưng rưng
yêu chẳng được yêu khóc không dám khóc

hôm nay ta xông ra ngoài phố
ngày 20
nắm tay tròn cầu giận
má phùng lửa yêu thương
môi bỏng niềm tủi cực
đêm qua ai thét giữa đêm dài
tỉnh dậy ôi nao nức
ấy là tiếng hét trong hồn ta
ngã xuống ngã xuống
những kẻ dưng linh hồn cho giặc
những kẻ tối tăm quên cốt nhục
những kẻ bán đứt quê hương
ngã xuống ngã xuống
chân giậm chặt đường
kéo về khắp ngã
phá cho tan hoang
nổ tung căm phẫn
chưa biết chị là ai
đau như đạn xuyên giữa ngực mình
chị trúng thương rồi chị trúng thương rồi
đây chúng tôi
hò reo mà ghê khiếp
địch rú không chạy kịp
ta thoi vào mặt ngã sóng soài
ngã xuống ngã xuống
những người làm bản tuổi hai mươi

ta đi hôm nay ngày hai mươi
rồi hẹn rằng chưa đủ
mắt nhìn suốt ngày mai
chân đạp tung áp bức
thóc gạo về người phải dư ăn
bột mịn màng thừa bánh để dành

hỡi người khốn khổ
ở đây Đông Âu hay Bắc Phi
hãy đổ ra ngoài phố
đến lượt phiên khúc hai mươi
không phải câm mà không biết nói
máu đỏ tươi cho ánh ngói cười
nóc nhà thương và mái học đường
tường trắng sáng là màu tự do
khung cửa lớn và gương loang loáng
chúng tôi giành lại đất nước thân yêu
các anh giành lại đất nước thân yêu
những lời ấp ủ ngàn xưa
ta hát lên to lớn
con cháu ngày sau còn nghe rõ
mà nhớ
đất ta là của ta
đừng ai hòng cắt xẻ
chúng ta thương yêu nhau
cùng là con một mẹ
chiếm lại trọn đất đai
xoá sạch oán thù
nhường nhau là hết nói
ôi hai mươi
nhân loại trẻ như hoa búp
con về dựng lại cửa nhà
trẻ con đi học trên đường rộng
chữ đầu tiên em học là gì
thưa yêu

các em ơi anh đương tuổi hai mươi
em rồi cũng thờ tuổi hai mươi
tuổi hai mươi đời vui phơi phới
anh sẽ xin trao tận tay các em
đất nước nguyên lành tinh sông núi
cả lòng người thơm hương dạ hội
trọn ngày mai ngày mai ngày mai
không hết mùa hai mươi bay nhảy
khi em cất lời ca rún rẩy
anh ngủ giấc dài rất thơ ngây

Bằng hữu

Và như thế hiện lên ánh sáng
và như thế hiện lên khí trời
chúng chém vào giữa trán chúng bắn vào giữa ngực
khi tuổi anh chưa tròn ba mươi
khi môi anh còn khoe nụ cười
khi tay anh níu tuyệt vọng cuộc đời
đó là giữa trưa hay đêm khuya
hình ảnh tự do đổ vỡ

hình ảnh tự do trưởng thành
chúng hành hình công khai man rợ
bằng hữu ngục quy đầu đón vô ngần

các con ơi cha anh chết đều chưa đầy ba mươi

bởi vì các con không bao giờ muốn thế
bởi vì bằng hữu tình khăng khít nào hơn
phá mọi cửa ngục tù
đoạt khí giới
không cho chúng giết người đương ban ngày
không cho chúng giết người ban đêm
không cho chúng huỷ những cuộc sống thiêng liêng
chúng tôi vẫn chối từ nhìn mặt trời

các con ơi cha anh chết đều chưa đầy ba mươi

Bến tàu

Chập chùng bờ hàng hoá
người thuỷ thủ già
xuống bến tàu
sớm mai
biển tím thổi gió mặn vào sông
thành sắt đỏ hoen
thuyền đi giữa dòng không cột buồm
người nào ra khơi hôm nay

người thuỷ thủ già
ôm chặt đứa em trai
hắn vừa xuống trên chuyến tàu đổ bến
cùng ba nghìn bạn hữu
vượt trùng dương không phiêu lưu

rưng rưng bắp tay hải cảng
say bát rượu cuối cùng
người thuỷ thủ già làm bạn ba nghìn lẻ một

Mắt biếc

Mắt biếc mắt biếc
tròn như vòng chân trời thăm thẳm
ngó vào lạc lối
khi mùa thu gọi dậy tình viễn khơi
anh định phiêu lưu chưa kịp
phá toang từng ống máu thớ tim
những tự-do giải-phóng
những thống-nhất quê hương
những yên lành độc-lập

còn chần chừ gì
giật mình ngay những vùng trời riêng rẽ
ta chui xuống hố cá nhân
ôm ngày mai vào lồng ngực
tình yêu làm giáp sắt
ta rút về chiến khu
pháo đài dựng lên tua tủa niềm tin
nguyện chiếm lại đại lộ bờ cây tâm sự
những gian hàng cửa kính
bày khắp cả những khối tròn thủy tinh
mắt biếc mắt biếc

anh không phải người anh giải phóng
thị trấn tiêu điều
đại lộ bờ cây hoang lạnh
những cửa hàng kín bung
anh không nhìn thấy chân trời
thành trì oán hờn đứng lên ngang dọc
anh mang nốt tự do vào công trường máu xương
giam hoà bình trong trại tập trung địa ngục
công trình huỷ diệt kiên cố nghênh ngang
rời đường phố rầy đầy vách tường gạch ngói
lối cụt gài bẫy quanh mình
một chút ánh sáng một chút chân trời
cho những người tù nô đầy đoạ

đây người anh giải phóng
rừng rùng rợn quân vượt mùa thu cừu địch
chuyển nắng thành mưa
thổi gió heo may thành dông bão
tôi xin làm tên lính nhỏ tiên phong
cầm cờ và ca hát
ta trở về yêu đương múa đầu mũi súng
tôi hát toang toang
nở tung tâm phóng mắt
những tia nhìn đổ ra đại dương
những công trình điều ngoa ngã quy
vôi vữa tự tách rời
chẳng may tôi gục dọc đường dài
xin đừng quan trọng
lực lượng ta không hề suy suyển
tôi thiếp trong niềm vui pháp phối lên cờ
hi vọng mang hoa phủ mặt
tôi nằm lại một mình nghe bước chân dững mảnh
cứ ngân tiếp lời ca đã khởi
tôi là người mười năm
chết giờ này cũng thoả
mười năm ôi những người mười năm
những Cửu long hờn dỗi
những nhục nhằn Trường sơn
Bà rá Côn lôn

Sơn la Lao bảo
phá những ngục hàm hũ nút
tám mươi năm biến mất
sao còn xích cùm nô lệ sau mươi năm
ôi đau khổ những người mười năm
suốt đời chiến đấu
xin chịu lỗi cùng người đến sau
tôi là người mười năm
được chết trên đường hi vọng bay hoa
thăm thẳm
mùa thu gọi dậy tình viễn khơi
mắt biếc mắt biếc
mắt biếc

Tình yêu giữa đám đông

Tà áo màu kết hoa mở hội
hôm qua với hôm nay cầm tay
trẻ ngả công trường trùng điệp
đẹp những bình minh mai một
hi vọng xếp hàng giảng giảng
mắt ai cười sao vỡ
anh đi trong đoàn thể
chênh vai bạn đường ngát ngây
bặm môi nắm tay
chào đón chào đón cuộc đời sáng loá
mắt ai cười sao vỡ
đèn trắng rung sóng xô
tóc em mạnh gió rừng
bước vững băng băng
phát bay màu áo chói
anh yêu rồi em ơi
anh đi trong đoàn thể
em ngược nẻo nghiêng nghiêng
thác vui oà rộn rã
anh yêu rồi em ơi
đẹp những bình minh mai một
chào đón chào đón cuộc đời sáng loá

Kiến trúc

Bằng đường nét nhịp nhàng
cửa sổ xuôi mi mắt đẹp
ngõ hẻm sáng trưng
nhạc khúc dạo mở đầu
bay bay hàng lửa điện
đường mơ rộng mươi lần
xe khiêu vũ
bóng người đổ ven tường

bâng khuâng âu yếm
giữa hồ nổ pháo bông
rực tia dài quỳến luyến
bờ hè sao chứa nỗi
hân hoan

kiến trúc tâm hồn
ít nhất một ngày thành phố.

Hoa

Tại sao em thích gọi tên hoa
nào ngày mai của chúng ta buông từng cánh
xuống vai trần
viền cổ
bồng tóc nâu
em sẽ gọi tên anh
mùa hoa hôm nay
nhưng thời gian đã ngã vào lòng vô định
chút sữa huệ ẩm đời thiếu tiếng chim
cánh hồng ngọt không gian tàn phá
những thời gian không rời nhau mang đến bao nhiêu mưa
dạy em yêu phía sau cửa sổ
thiếp đềm trong chuỗi dài giấc ngủ
rất vui

hoa nào không mang tên
chỉ là nét rối bời trên bức hoạ
màu sắc nhòa
anh đã vẽ vào em
vào giấc mơ chập chờn lên tiếng hát

những cánh hoa cười rữ
xếp hàng tên chúng ta

Tình cờ

Hai người yêu nhau rất tình cờ
như trên cùng một toa xe lửa
tàu chạy qua cầu nghe tiếng sắt và tiếng nước trôi mau
nhìn về đóm lửa yếu thành phố trên sông
thành phố trẻ thơ tiêu điều ru dưới những bầu trời xấu
của lòng tin phủ tro
hãy yêu nhau rất tình cờ
như mặt trăng may mắn thoát ra ngoài vòm mây
chiếc đầu máy mệt nhọc dừng lại một ga nhỏ
với một ngọn đèn đêm
một người giữ ga già mặt đồng hồ kim không chuyển động
và rừng khuya không tiếng vang

tôi tự hỏi sự tình cờ nào đưa chúng ta gần nhau
khi chúng ta cùng nghẹn ngào
quá khứ chết đi không một lời than tiếc
hôm nay thiếp dưới làn chăn gai
và ngày mai ngày mai bơ vơ như đứa trẻ trong cơn oanh tạc
tôi tự hỏi sự tình cờ nào đưa chúng ta gần nhau

Tù binh

600 người phóng thích
một thành phố đợi chờ
những linh hồn ngong ngóng

chúng nó làm phát-xít
chúng nó làm cộng-sản
chúng con làm tù nhân

toa chở súc vật
bít bụng tức thở
bánh nghiêng đường rầy
Sibérie tuyết trắng
rào gai tập trung

mẹ bụng tấm hình úa cũ trước ngực
dò xét từng nét đau khuôn mặt
em ôm tấm hình úa cũ trước ngực
nhắm cầu kinh theo nhịp trái tim

chúng nó làm phát-xít
chúng nó làm cộng-sản
chúng con làm tù nhân

bước về khua sạn đầy thể hệ
các anh nhìn cúi đầu
khóc lén
hai hàng rào quá khứ đăm đăm

600 người phóng thích
giữa cuộc đời nghẹn ngào

chúng nó làm phát-xít
chúng nó làm cộng-sản.
chúng ta làm tù nhân.

Bài thơ chữ số

Tặng Mai-Thảo

Bát ti: 14-7

89
mùa thu tháng 8
19-45
phần nộ bùng bùng nắm tay kháng khí
19-12-46
con số những người đã chết hiện thành
nhục nhĩ 20-7-54
và 17
như kia 38
khắc sâu tâm khảm
những dây số vô nghĩa đến đốn đau
80
13
17-6-30
2.000.000
còn những lượng không sao nói được
vỡ Bát ti
trang tự do tuyên ngôn quyền người hớn hờ
tung xích cùm
tổ quốc thân yêu cười vui lạ
trả bằng hơi thở trái tim
nhận mình làm số không
người mến thương thành vô lượng
đất nước đẹp bao la
hãy nhớ 10 năm
đừng làm lỡ 45
tin từ bây giờ 55 hi vọng
mất hôm nay 36
Hà nội kinh hoàng
lực lượng ngày mai dấy lên
ghi tình yêu không chữ số

Thành phố

Mưa giờ giới nghiêm tăm tối
trên hè đường hắt hủi
xưởng máy rầm rầm nghiêng nát
nước mắt thợ quánh dầu
Vác-xô-vi Bá linh
Bình nhượng Buy đa bét
Mốt cu Pra gơ Bắc kinh
cửa nhà nào lỏng then
nghe chừng bước đêm nặng nhọc
bếp sủi củi tàn
áo manh toi tả
giận lên cho ấm ngực gầy

mưa giờ giới nghiêm tăm tối
trên hè đường hắt hủi
Hà nội Hà nội

Hình ảnh

Mỗi bài thơ khi viết tôi đều nghĩ đến một người
có thể là Liên là Đĩnh
có thể là Hiệp là Đồng
chưa bao giờ tôi viết bài thơ nào trống trơn

tôi sống thường trực bằng hình ảnh
cửa sổ mở ánh sáng bình minh
ngoại ô nhà ngói đường xe điện
sân ga đường dan díu chân trời
bến tàu phu khuân vác ống khói
hải cảng tàu biển chân vịt quay
ban mai buổi chiều vội vã đêm
cây máy ruộng cao sông lớn hiền
để cho ngực ai huy hoàng rực rỡ
âm thanh nháy đều răng cấm thạch
bầy tóc cánh đồng
tôi sống thường trực bằng hình ảnh
cuộc đời thèm khát không thôi

nếu chúng tôi giật cánh khuỷu
súng lên đạn chĩa nòng sâu ngấm trái tim
còn đủ thời gian tôi nhìn mây một lần
rồi nhìn ngón chân tròn như mầm vừa nhú
sẽ còn không biết bao nhiêu người tiếp thay
tôi nghĩ đến người yêu chưa hề thổ lộ

tôi sống thường trực bằng hình ảnh
bài thơ này tôi viết trong giấc mơ
của một người con gái tên Liên
tôi mơ rằng em mơ
tôi chết và em khóc giọt lệ pha lê
nhưng ngày giải phóng tôi trở về anh hùng
riêng Liên
tôi sống thường trực bằng hình ảnh

Của em

Tặng Mặc Đỗ

Cửa sổ trời những mắt chưa quen
trán hoang đồng cỏ
run đường môi kỉ niệm
đi qua những thành phố đầy tim
cười đổ mưa một mình

trái tim ngọn lửa xanh
áo mùa đông

ngón tay út ngậy thơ nền vải
buổi chiều
quá lạnh những hàng chấn song
đã yêu nhau muôn vàn mái nhà
những người vô tội chối từ khí giới
chấp hai lòng tay lò sưởi
không nở làm rối mi mắt khép
gửi một tiếng cười và mùa thu
và một lá thư học trò

Một bài thơ

Người tài xế mặc áo đen
chiếc xe hàng vắng
mưa xứ nắng buồn dầy muện
tình nhân thờ dĩ vắng vuốt ve
không đa đa siêu thực
thẳng thẳng
khởi từ ca dao sang tự do

Của Duy Thanh

Những rừng gió kể chuyện bề khơi
trời của mây của mùa thu
những chuyến đi xa không hành lí
hành trình tới Paris
suốt đời người
không muốn nhớ tiếng thì thào thăm hỏi
móng tay níu chặt hơi sương khói
ai thôi cơn chiều hay thiêu hủy tâm tình

hồn tôi đứng thành tượng
mình trần
không bấp thịch
trận bão cơn điên xô ngã
ấy mùa đông
và một phiến đá xanh

Chim

Tặng Nguyễn sỹ Tế

Đêm giao thừa thế kỉ mưa rơi sao
mái sáng đường nằm chiêm bao biển giận dỗi
bàn tay mây mắt trắng môi nhiệt đới
chiến tranh còn những khoảng đất hoang
cửa sổ đập lên cao cánh chim én mùa xuân
ôm vào lòng bãi cỏ vườn hoa bày sao rụng

ai hỏi anh ngoài hàng giậu
lãng mạn lập thể siêu thực dã thú đa đa
tôi mở những trái cây vườn nhà
cử chỉ trữ tình tinh khiết
những bước đi văn nghệ chim sẻ
mùa ngói nâu dựng vức mắt nâu

tôi ru chim ngủ trong cổ họng
mặt trời kêu xuống thái dương những màu ánh sáng thơm
tim kinh ngạc
đời tạo câu cười thiên nhiên mai
hi vọng đứng ra ngoài ô ngực ngực băng khuôn
lần gặp gỡ thứ nhất

rồi kỉ niệm kim khí thuỷ tinh hành hạ
đau xé trời đêm không sao bánh máy quay vũ khí
tôi chối từ giam cầm chim đẹp trong rừng tóc
dù tiếng hót đã chọn mấy hàm răng
người bộ hành cô đơn chờ đêm để lên đường
về quá khứ
chim bay vào trận mưa sao

Mưa ngủ

Tặng Trần thanh Hiệp

Tôi đứng nhìn mưa bên sông, mưa nửa dòng nước. Ôi nếu được ngủ dưới mái tranh, mùi đất bốc mưa mới đầu mùa ẩm phỉ hơn một hơi thuốc lá.

Tôi sẽ đưa em về bên ấy, nền nhà ẩm và em chân đất. Từ bỏ thành phố nhà máy xe điện xe buýt ánh đèn ngã tư. Tôi can đảm như thế. Con đường vào làng men chân đê hoa cỏ hoang dại nói tâm hồn những vật những người sắp gặp. Em đi thăm vườn trái cây và em có thể bắt đầu làm việc. Ngực trần không vương vùi anh thấy anh với hơi thở với bầu trời với cây màu đất là một.

Mưa bên kia sông mưa nửa dòng nước
ta thương cô mình như bước nhớ chân
hoa dù tàn muôn vạn nghìn lần
lòng ta vẫn chỉ một lần thương yêu

Hồn nhiên tôi trở thành thi sĩ ca dao nhẹ những nhát cuốc đầu xới lần áo mỏng ruộng đồng. Những chuyến đi xa theo mưa về ngủ mái dạ. Đêm hiền lành, có lẽ từ một cửa bể bên sông quán rượu. Những người bạn hứng mưa vào lòng tay, giọt mưa đẹp như mắt ngủ, rất xa không hề cách. Tôi sẽ đưa em về ngủ bên sông, tâm hồn là cánh đồng chưa khai phá. Tôi sẽ mời anh về nghe mưa trên vừng trán vô tư, giác quan mở những ngõ lạ xuống linh hồn. Chúng ta ngủ ngoài mưa như mơ ngủ.

Một ngày tôi theo anh ra thành thị để chọn một màu hoa dã thú một hơi thở tự do.
Hồn nhiên tôi trở thành thi sĩ ca dao,

Đêm hôm qua mưa lũn mái dạ
mưa ngủ cùng những kẻ cô đơn
bao nhiêu xa cách không sợ bằng giận hờn
đừng giận anh em hỡi mưa trời còn thương anh

Nhịp ba

Tặng Doãn-Quốc-Sỹ

Ngực anh thủng lỗ đạn tròn
lưỡi lê thấu phổi
tim còn nhẩy đập
nhịp ba nhịp ba nhịp ba
tình yêu tự do mãi mãi
anh về ngã xuống vườn nhà
cây liền kết trái
hoa rụng tươi ử xác
anh chạy nhịp hai qua cách trở
mắt bùng
thống nhất tự do
ngoài xa thành phố
bánh xe lăn nhịp ba
áo màu xanh hơn hờ
nhát búa gỗ
lòng máy quay
cửa nhà thi nhau lớn
nhịp ba nhịp ba nhịp ba
tình yêu tự do mãi mãi
sông bồi phù sa
ruộng lúa trở hoa
núi cao uốn cây rừng
nhịp ba nhịp ba nhịp ba
tình yêu tự do mãi mãi
đất nước ào ào vỗ nhịp
triều biển chập chùng
Hà-nội Huế Sài gòn
ôm nhau nức nở
có người cầm súng bắn vào đầu
đạn nổ nhịp ba
không chết
anh ngồi nhóm dậ
khoẻ mạnh lạ thường
bước ai thánh thót
nhịp ba
tình yêu
tự do
mãi mãi
tình yêu tự do mãi mãi
tình yêu tự do
mãi mãi anh ơi

Nguồn: *Tôi không còn cô độc*, Thơ Thanh Tâm Tuyền, Người Việt xuất bản. Ngọc Dũng và Jacques Halpern vẽ bìa. Duy Thanh minh hoạ và Mặc Đỗ trình bày. Bìa trước hoạ phẩm của Ngọc Dũng. Bìa sau hoạ phẩm của J. Halpern. Thanh Tâm Tuyền nhìn bởi Duy Thanh. Ngoài những cuốn thường còn in thêm 13 bản quý không bán đề Đỗ Thạch Liên – Mai Thảo - Nguyễn Sỹ Tế - Doãn Quốc Sỹ - Trần Thanh Hiệp – Quách Thoại - Trọng Lang - Ngọc Dũng – Duy Thanh – Hà Việt Phương - Trần Lê Nguyễn - Mặc Đỗ - Đạm Minh – và 100 bản đánh số từ I đến C dành riêng cho các bạn yêu thơ. Tất cả những bản này đều có một phụ bản đặc biệt độc nhất của Duy Thanh và chữ kí tác giả. Bản quyền là của tác giả. In tại nhà in HỢP LỰC (Việt Nam) xong ngày 15-10-1956, giấy phép số 1160/TXB (3-9-1956). Bản điện tử do Nguyễn Tiến Văn, Đồng Chuông Tử và Phạm Kiều Tùng thực hiện.

"Tôi Không Còn Cô Độc"

Tưởng nhớ Thanh Tâm Tuyền



Tôi không còn cô độc
Tôi gọi tên tôi cho đỡ nhớ
Tôi Lệ Đá Xanh khóc lẻ loi một mình(*)
Đèn đường khóc mắt tím
Khóc dạ khúc trầm đàn
Chết u hoài trên phim
Nhỏ giọt thơ!!!
Nhỏ giọt gót ngựa đầu non
Bếp lửa reo đòi quá vắng
Mãi nhớ em dấu ngày chưa kịp tới
Chưa kịp nghe phách gõ nhịp ba
Nhịp bốn xanh máu đá
Nhịp năm nhịp sáu nhịp mười rộn tiếng ca
Hoa gai sắc nở Thu Không
Thềm nắng tiếng cu cườm
Rắc lá phơi âm nhạc
Rắc cho Liên Đêm Mặt Trời Tim Thấy(**)

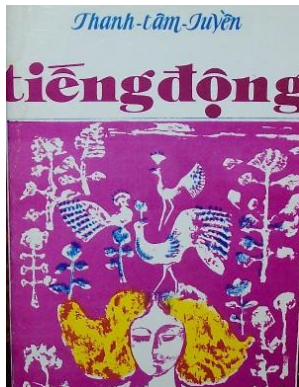
Kết tóc em hoài chiêm bao
Kết tóc em hoài trong ngực
Ôi Móng Sắc Thương Đau(***)
Nhẹ bàn tay em
Thơ khổ lụy trong vắt
Đừng nhắc nữa thơ ơi!!!
Ôi biên chữ la thăm
Thấm hết máu ngữ ngôn trên kè đá
Khói thuốc vèo Hư Không!!!

Thư gửi Phan Lạc Phúc ở k5 – tl

Nhớ bạn như đang nhớ thuốc lào
Đường gần nhưng cách trở biết bao
Mấy năm không gặp nhau rồi nhỉ?
Râu tóc long đong hắt bạc phau
"Đằng ấy" còn chằng nét "tiểu ngạo"
"Tớ đây" vẫn giữ vẻ "tiêu dao"

Thơ thuốc lào

Ngồi chơi hút điếu thuốc lào
Tạm quên những lúc gian lao ưu phiền
Điếu thông đóm nổ thuốc êm (1)
Thử coi sẽ thấy đảo điên đất trời
Bạn tù ơi lửa châm rồi
Rít cho ròn rã mê tơi cõi lòng
Tựa lưng nhả khói thông dong
Tít say lú lập cả mong với chờ
Kể chi vợ dại con thơ
Sá gì chuyện cửa chuyện nhà mai sau
Sá gì mấy cuộc bể dâu
Loay hoay chỉ tổ bạc đầu mà thôi
Này đây trà đậm chén mời (2)
Long Giao còn thú tuyệt vời nào hơn (3).



Một đêm đông tại trại K2, Tân Lập

Đêm rét nằm co quắp
Thân xương xẩu trơ khấc
Bụng đói, ruột ục sôi
Vẳng trong tiếng gió bắc
Suối chảy siết bồi hồi
Luồn trong nỗi giá buốt
Thoáng rừng rợn xa xôi
Nhớ đã hơn năm trời
Tin nhà trông vắng bật
Lưu đầy trên đất Bắc
Chốc đã ba đông rồi
Còn qua bao cửa ngục
Đây quê mình quê người
....
Thương vợ con khôn nguôi.

Chiều cuối năm qua xóm nghèo
(một chiều cuối năm trên đất Bắc của nhà thơ)

Mưa bay lất phất gió căm căm
Đường lầy trơn nhà cửa tối tăm
Trốn đâu lũ trẻ mặt lem luốc
Co ro đứng coi tù qua thôn
Vác bó cuốc nặng bước loạng choạng
Về trong xây xẩm buổi tàn đông
Lạnh lẽo nhà ai không đèn lửa
Âm đạm lòng ta chiều cuối năm

Về Quách Thoại

Còn gì chẳng?
Tôi bung mặt khóc bên thềm cửa
Trời đất rưng rưng
Em không để cầm tay
Khi người thi sĩ ấy chết trơ trụi
Không một lời trời trăng từ biệt
Mắt khép không đợi vuốt
Nửa đêm
Còn gì chẳng?
Tôi ngồi khóc bên bờ sông trôi mãi
Em bỏ đi
Nhưng người thân nhất đều hất hủi
Giữa xứ sở đau thương tôi chịu đọa đầy
Khi người thi sĩ ấy đã gặp
Người tình ngàn đời là vô cùng
Trong hồn đất

Còn gì chẳng?

Tôi bé nhỏ và tôi than thở
Em bỏ đi
Em cũng chẳng trở về
Những vì sao rụng bống đầy lệ nhân gian
Người thi sĩ bay vào miền đất lạ
Không nhớ mây may biển gió cát muôn trùng
Ở đây tôi còn mở mắt
Điêu linh hồn lang thang

Bao giờ

Tặng Doãn Quốc Sỹ

Dù sao mai phòng triển lãm sẽ đóng cửa
(Rồi mở thêm một lần nữa
Để làm gì)
Vứt mẩu thuốc cuối cùng xuống giòng sông
Mà lòng mình phơi trên kè đá
Con thuyền xuôi
Chiều không xanh không tím không hồng
Những ống khói tàu mệt lả

Ai xui rằng mùa mặng chưa tới
Mà mùa mặng về mặng thối chẳng ngọt
Vườn mặng rừng thảng sáu đêm sâu
Muốn làm người học trò mười bảy tuổi
Đạp xe trên đường đồng
Bông mía trắng những căn nhà ngủ dưới cây
Sẽ thăm những bà con thân thuộc
Một người em hay một bà dì
Trời xẩm
Như mắt
Như ngõ hoang hồn này
Hôm nay
Nghe lời hát quen quen
Người đàn bà ấy mang tên lời từ biệt
Trên một sân ga vắng
Tiếng kèn trầm của một chuyến ô-tô-ray
Đầy dĩ vãng
Nếu đã đi từ Hà Nội xuống Hải Phòng
hay sang Bắc Ninh
Nếu đã đi từ Sài Gòn xuống Vĩnh Long hay lên Thủ Dầu Một
Chuyến xe vẫn chỉ thuộc một mình
Như kẻ say rót rượu lấy mà uống
Cho vui thêm cuộc hành trình
(Đúng rồi những người thù ghét thơ của tôi ời)
Cuộc hành trình hoàn toàn cô độc

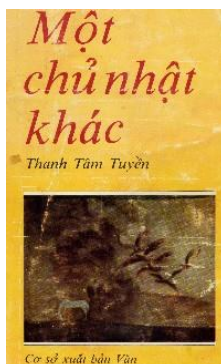
Một bài thơ

Người tài xế mặc áo đen
chiếc xe hàng vắng
mưa xối ướt buồn dẫy muộn
tình nhân thờ [thuở?] dĩ vãng vuốt ve
không đa đa siêu thực
thăng thần
khởi tử ca dao sang tự do

Lệ đá xanh

tôi biết những người khóc lẻ loi
không nguôi một phút
những người khóc lệ không rơi ngoài tim mình
em biết không
lệ là những viên đá xanh
tim rũ rượi

đôi khi anh muốn tin
ngoài trời chỉ còn trời sao là đáng kể
mà bên những vì sao lấp lánh đôi mắt em
đến ngày cuối
đôi khi anh muốn tin
ngoài đời thơm phức những trái cây của thượng đế
mà bên những trái cây ngọt ngào đôi môi em
nguồn sữa mật khởi đầu
đôi khi anh muốn tin
ngoài đời đầy cỏ hoa tinh khiết
mà bên cỏ hoa quyến rũ cánh tay em
vòng ân ái
đôi khi anh muốn tin
ôi những người khóc lẻ loi một mình
đau đớn lệ là những viên đá xanh
tim rũ rượi



Lên cao

Lên cao không khí thờ nhẹ loãng
Thờ kín buốt gió địa cực

Theo cơn đồng thiếp lạnh ngời.

Dưới vực hút khói mây xông toả
Dưới sâu xa mặt đất chìm
Vần vụn. Biệt tăm.

Sụt lở rặng núi tuyết
Màng nhĩ rách bươm
Tối mắt bụi trắng xoá chập chùng.

Hàn băng lửa trầm u vô thủy
Thieu đốt mình mảy như cặn ý
Ướt giá khô biết mấy lớp trời.

11-95



Phụ chú của Tiền Vệ:

Mấy ngày gần đây có một số độc giả và thi văn hữu hỏi chúng tôi: “Thanh Tâm Tuyền, khi đã sang định cư ở Mỹ, có còn sáng tác không?” Để trả lời câu hỏi ấy, chúng tôi xin đăng lại ở đây một vài bài thơ trong số những bài thơ Thanh Tâm Tuyền đã viết tại Minnesota, nơi ông định cư.

Bài thơ “Lên cao” trên đây được công bố lần đầu trên tạp chí *Thơ*, số mùa Đông 1995, trang 5.

Thơ Thanh Tâm Tuyền Nguyễn Vy Khanh

Tôi không còn cô độc (1956)

Như thiên thi đời Trần lên núi hét một tiếng để nhận chân thân - phận cát bụi nhỏ nhoi của mình trong hư vô, *Tôi* loan báo "Tôi không còn cô độc" để thấy hiện rõ cái cô độc của mình, của thân phận con người. Nhưng tôi chấp nhận vì tôi muốn làm kẻ nhập cuộc, hết mình dấn thân, để tự giải thoát. Tôi bất chấp ám ảnh, cạm bẫy, lừa dối, buồn nôn vây phủ, cả tự tử và tha nhân là địa ngục (Jean-Paul Sartre). *Tôi* "phải" khởi đi từ những yếu lý siêu hình đó! Mở đầu tập *Tôi không còn cô độc* đã có hàng chữ tự xác định mạnh mẽ đất thi ca riêng, nhưng cũng là một phản ứng của kẻ loan truyền cái mới, cái khác:

*"Ở đây tôi là vị hoàng đế đầy đủ quyền uy. Bởi vì người vào trong đất đai của tôi.
Người hoàn toàn tự do / để cai trị tôi có những luật lệ tinh thần mà người phải thần phục nếu*

người muốn nhập lãnh thổ.

Người hoàn toàn tự do và có thể ném cuốn sách ra cửa sổ"

"Phục sinh", bài thơ mở đầu tập đã là một tuyên ngôn công khai, rõ rệt. Thật vậy bài này về sau trở thành đề tài tranh luận, bỗ báng, nhưng cũng đồng thời nói rõ quan niệm của nhà thơ về thi ca và cuộc đời - dù tác giả của nó đã từng từ chối danh hiệu *thi sĩ* ^[1] Cái *Tôi* độc đáo, đặc biệt, kiêu hãnh, tự do! *Tôi* đã nói ra, một cần thiết! Anh hùng một cõi, cõi *Tôi*, nhưng thực tâm thì chưa chuẩn bị, mà cần gì! Mới thấy ánh bình minh đã phải nhảy mừng, ca tụng. Dù nắng trưa sẽ gắt và hoàng hôn cõi âm sẽ trở về như định mệnh. *Tôi* phục sinh, "*Tôi buồn khóc như buồn nôn / ngoài phố / nắng thủy tinh / tôi gọi tên tôi cho đỡ nhớ / Thanh Tâm Tuyền*".

Nắng thì chói chang mà *Tôi* thì buồn nôn. *Tôi* đang hiện sinh, đang kiêu hãnh sống, bên cạnh cuộc đời và con người đáng chán và buồn nôn. *Tôi* ghé tòm cái ù lì buồn nôn đồng thời dâng trong *tôi* sự thương xót và ở mỗi sự vật như cũng có dấu vết của sự thương hại đó, ở góc phố, góc giáo đường, ở cột đèn, cả nơi linh hồn. Tự cao, tự mãn xong, liền tủi thân, xót xa:

*"tôi gọi tên tôi cho đỡ nhớ
thanh tâm tuyền"*

Tôi gọi tên tôi, Thanh Tâm Tuyền nhà thơ và Thanh Tâm Tuyền trong thơ như là hai khía cạnh của một con người, một sáng suốt với ý thức, nhìn một kia đại khờ, yếu đuối. Một thương xót cho một kia phải giáp mặt cuộc đời, phải khổ sở:

*"Buổi chiều sao vỡ vào chuông giáo đường
Tôi xin một chỗ quỳ thầm kín
Cho đứa nhỏ linh hồn
Sợ chó dữ
Con chó đói không màu"*

Chuông giáo đường chiều tàn vắng bóng con chiên, chỉ có *Tôi* quỳ thầm lặng; không, chỉ có một linh hồn nhỏ hãi sợ tội lỗi, sự ác! Linh hồn nhỏ, đại, đứa nhỏ, đại, đứng trước cuộc đời dữ, con chiên lành trước đàn sói rình rập, không rõ màu. Càng phải tỉnh táo, không thể cả tin, ừ, tha nhân vốn là địa ngục:

*"Tôi hét tên tôi cho người giận
thanh tâm tuyền
Đêm ngã xuống khoảng thì thầm tội lỗi
em bé quàng khăn đỏ sợ
này một con chó sói
thứ chó sói lang thang"*

Đứa nhỏ sợ chó dữ, một linh hồn nhỏ đại sợ tội lỗi, quỳ rũ trần gian. Cô bé quàng khăn đỏ sợ con chó sói xảo quyệt, như trong truyện cổ tích, như vẫn phải vậy! Lang thang, không màu như thân phận, như "đời là thế", như cái buồn nôn, như cái hủy diệt của thời gian. Khiến phải ưu tư, lo lắng, ám ảnh, sợ bủa vây, sợ nanh vuốt! Và khiến *Tôi* tức giận, buồn nôn, buồn ngủ, thành ra phải gất gồng lớn tiếng, phải hét. Phải tìm một nơi ẩn náu, nơi góc giáo đường, dưới chân tháp chuông, một chỗ nghỉ an, như một giấc ngủ vui, một nơi nương tựa, ẩn náu, và xa hơn, lâu dài hơn, cái chết sau cùng, ở cuối đường đời! Cái chết như nơi phải đến, như một cực luận để

cuộc đời trước khi đến đó có ý nghĩa. Phiền muộn, sống chưa trọn vẹn, đang thiếu thốn, nhưng đã buồn nôn, chán chường, mơ... chết, mơ cuối đường. Một thân phận dang dở, chưa xong, dù phải hoàn thành, cho ra con người!

*"Tôi thêm sống như thêm chết
giữa hơi thở giao thoa
ngực cháy lửa
tôi gọi khẽ
em
hãy mở cửa trái tim
tâm hồn anh vừa sống lại thành trẻ thơ
trong sạch như một làn sự thật"*
("Phục sinh", tr. 11).

Muốn "trẻ thơ", "một lần sự thật", những ao ước của một cái Tôi ngạo nghễ. Cái Tôi mà thi nhân rút vào, cái Tôi vỏ sò vỏ hến. Cái Tôi tự do, thân phận. Thực vậy, là cái Tôi của thời đại của nó, của một giai đoạn, một bậc thang phải bước qua! Và muốn Em, người tình! Thêm một nhân vật: Em, người nữ, người yêu, sự dịu dàng cho một kiếp người và cuộc sống buồn nôn, dở dang, phiền muộn. Và van nài, để được sống lại "trẻ thơ" "trong sạch" như... sự thật. Một sự thật nào đây? Làm người? Người khác - ở đây là người nữ, là tình yêu, và sẽ là suối ngọt, là bóng mát, nơi có thể ngủ vui. Một điểm tựa cho cuộc đời, một vớ theo, sau những lang thang trên hè phố, sau những thất bại và buồn nôn. Người vớ người, cô đơn vớ suối ngọt, bãi cỏ xanh êm. Mà không còn là gác chuông giáo đường!

Tình yêu như một phương tiện để "về với đời sống (...) bị dùng làm phương tiện khám phá đời sống, khai quật ý thức" ^[2], vậy là không cần thiết nhưng hình như Tôi không thể sống thiếu tình yêu, một thăng hoa của cuộc sống, một chốn-để-về. Một phần thưởng cho những ai đã ra đi, đã đi xa, đi hoài, đã lang thang nhiều vỉa hè, nhiều đêm khuya vắng,... tình yêu như một chặng đến không thể tránh, không thể tốt hơn, dù phía sau cửa sổ:

*"... em sẽ gọi tên anh
mùa hoa hôm nay
nhưng thời gian đã ngã vào lòng vô định
chút sữa huệ ấm đời thiếu tiếng chim
cánh hồng ngọt không gian tàn phá
những thời gian không rời nhau mang đến bao nhiêu mưa
dạy em yêu phía sau cửa sổ
thiếp điên trong chuỗi dài giấc ngủ
rất vui"*
("Hoa", tr. 32).

Người yêu, người thân, trong sự yêu đời, bằng yên. Và được "*cảm giác ngủ một vùng yên tĩnh*":

*"ngó đầu ra ngoài thở hơi mưa
cảm giác ngủ một vùng yên tĩnh
bao giờ ánh sáng cũng nhói thẳng con người
tâm hồn rục rở bàn tay vấy*

*tôi trở lại cùng người thân yêu
không giam tâm hồn trong nhà ngục tâm hồn
thế giới nói thêm lời hoa cỏ thiên nhiên
câu chuyện mặt trời hoang đường như đôi mắt tình nhân
tối hơn
bỗng tin lần mi khép lại"*

"Ánh sáng" đã "nhói thẳng con ngươi", trực diện, thẳng đến, và "tâm hồn rục rờ bàn tay vẫy" khích lệ, tươi vui, yêu đời. Đã "ngủ" ngon giấc, nắng đang lên, cùng thiên nhiên, "mặt trời hoang đường như đôi mắt tình nhân". Nhưng đời mãi là những giấc mơ, thì cô đơn vẫn trọn vẹn:

*"Tôi biết những người khóc lẻ loi
không nguôi một phút
những người khóc lệ không rơi ngoài tim mình
(...) đôi khi anh muốn tin
ôi những người khóc lẻ loi một mình
đau đớn lệ là những viên đá xanh
tim rũ rượi"
(“Lệ đá xanh”, tr. 60)*

***Liên, Đêm, Mặt trời tìm thấy* (1964)**

Đến tập *Liên, Đêm, Mặt trời tìm thấy*, xuất bản năm 1964 nhưng đã sáng tác những năm cuối thập niên 1950, Thanh Tâm Tuyền đã tiến lên một bước, cái tôi có vẻ xã hội hơn, tình yêu được nói đến nhiều hơn, và kiếp người vẫn là những đề tài trội bật.

*"... Tôi đẹp như hình tôi / như cuộc đời / như mọi người / như chút thôi / anh yêu lấy em...". "Tôi là tiếng nói là tiếng khóc (...) / tôi chờ đợi / tôi là tiếng thơ là tiếng cười / mai Việt Nam hỡi mai Việt Nam"
(“Bài ca ngợi tình yêu”, tr. 106).*

Người tình Thanh Tâm Tuyền thú:

*"Anh phải làm mới tình yêu
Như sửa sang nhà cửa
Như xây dựng thành phố
Như vun bón ruộng vườn
Như nhìn vào vũ trụ
khi thế giới vừa dựng
Sẽ mời mọc tình nhân
(...) Phải làm mới tình yêu
Coi chúng ta là những người thứ nhất
Trên trái đất này biết yêu nhau
những cặp tình nhân khác bắt chước
Để con cái sau này không khổ đau"
(“Bài thơ của tháng Giêng”, tr. 20-21)*

Tình như đắng cay cuộc đời, sống không trọn cho phút giây hiện tại :

"(...) Đi đi chúng ta đến công viên / Nơi anh sẽ hôn em đắm đuối / Ôi môi em như mật đắng / Như móng sắc thương đau / (...) Ôm em trong tay mà đã nhớ em ngày sắp tới / (...) anh đưa em đi trốn / những giày vò ngày mai"
(“Dạ khúc”, tr. 34-35)

Tình lạnh lùng bí mật: *"Trong cánh tay ôm của người tình lạnh lùng bí mật như đêm khuya, em ngã vào để biết mình nhảy qua hai bờ vực không..."* (tr. 17). Thích để "hôn vào môi vào má vào răng" (“Mai”, tr. 11) và "thèm muốn mỗi hàm răng" để phải "đau môi" (tr. 13). Một bi quan lạnh lùng khác cái bi quan tuyệt vọng của một Nguyễn Đình Toàn bệnh (tưởng) giai đoạn chót trong tập *Mật đắng*(1962):

*"Người đau đón gục đầu trong giấc máu
Tháng ngày đi trong một chuyến thờ dài
Người áp ngực đau từng hơi cháy bỏng..."* (tr. 8)

Nhưng tình yêu ở Thanh Tâm Tuyền luôn có dĩ vãng ám ảnh nếu không muốn nói tình yêu là dĩ vãng và là tất cả. Dĩ vãng của *Tôi* là Liên, cũng là chữ đầu của *Tựa* tập thơ, và cũng là người đối tượng cho bài viết "Nỗi buồn trong thơ hôm nay":

*"Hỡi Liên những Liên và Liên
Làm thế nào để quên được nhau
(...) Chẳng là anh ngông cuồng kiếm tìm tổ quốc vậy em biết không. Mà tổ quốc ngàn đời nín thở vì trời thì xanh mà nỗi khổ đau nói sao cho hết. Chẳng là anh chót yêu em vậy em biết không? Mà khi yêu nhau, trong những đêm sao hằng hà, làm thế nào để quên được nhau.
Hỡi Liên những Liên và Liên"*
(“Nói về dĩ vãng”, tr. 22-23)

Vì *"Em có biết sau lúc em từ biệt / Điều thuốc cháy trên môi như người bạn chết"* (“Bài hát buồn”, tr. 30). Tình yêu đó là Tình Yêu viết hoa: *"Anh sẽ hôn em, thời khắc hạnh phúc vẫn mong manh. Mà vĩnh viễn đó"* (“Mặt trời tìm thấy”, tr. 115). Bài “Mặt trời tìm thấy” là một bản trường ca tình ái: *"Tôi từ biệt tôi và gặp em đang đón đợi"* (tr. 120). *"Chưa bao giờ anh hiền lành như hôm nay. Anh ở trong thành phố không quá khú, ngõ xóm còn buông theo tưởng tượng rắc rối hơn tình yêu, anh mang đặt tên em để mình anh gọi. Anh viết cho em từ xứ sở xa vời khi qua bấy màu cầu vồng nơi mắt em với những mưa nắng hoàng hôn bình minh đột ngột. (...) / Bây giờ, và những bây giờ mãi mãi, màu đêm như lòng đen mắt ấy là con tim cao vời từ thân về nhịp múa./ Sẽ chết như sao rơi vào bất tận / Sẽ yêu như giọt nước hân hoan"* (tr. 122-123). Thì cũng có vẻ đứt khoát với quá vãng, nhưng không với tình yêu!

Hiện tại ư, một người tình bất-cảm-thông, như "Một chỗ trên xe buýt":

*"... Mưa xuống bên ngoài, ngoài cửa sổ. Những bàn tay níu lấy vòng sắt lạnh
Mỗi ngày chúng ta đứng bên nhau không quen nhau
Thân mật ngó lên mái tóc rối nền trời khuya
Ngó vào mắt hoang xa dòng sông không bờ
Sau một ngày làm việc em mơ về khói ấm khuôn mặt riêng..."* (tr. 27).

Tình yêu cũng như cuộc đời không bền chặt, không hẳn vậy là vậy; hoặc con người không muốn bị lừa. Người sẽ tàn nhẫn với người, với tình yêu - bóng mắt tìm thấy:

*Mùa thu / ghi thương tích nơi cườm tay / Khóa chặt / Anh xô ngã em từ chóp đỉnh hạnh phúc...".
Xô bóng mát, chỗ tưởng là nơi trú ẩn được, phải chăng vì
"... Ở cuối đêm
Em rũ tóc nói những lời mê sảng
Những ám hiệu
Của một biển đen không
tình yêu tuyệt vọng
Anh xe tóc em cùng những cành lá chết..."*
("Đêm", tr. 56)

"Còn muốn sống như nguồn nước đổ, sao em trả lời bằng bệnh viện mắt kín mưa đêm?" (tr. 17). Phải trở lại cái cô đơn, bất khả cảm thông nguyên ủy:

*"Những đêm nào chiến tranh đã quên
Con mắt đen niêm im lặng
Anh vẫn đi hoài trong thành phố
Cô đơn
Trưa nắng cháy
Vào sâu trong ghê lạnh
Vói máu trong tim
Chảy nhanh như máy móc đau ốm
(...) Tình yêu tuyệt vọng"*
("Đêm", tr. 55)

Chiến tranh và nỗi cô đơn phi lý để chung vào nhau trong một tổng thể kết cấu, như một ép buộc, của cuộc đời. Nhưng hình như đã thành công nói lên cái có thể sống cho mình, một mình, một khả thi khi tưởng không thể nữa - đã có người, đã có tình yêu, trong một thành phố, vẫn lang thang một mình, vẫn có thể nói với mình, một mình. Cô đơn, dù là "thiên tài", "*Thiên tài dùng làm gì? / Để gây ra tội lỗi...*" (tr. 57) vì "*Thiên tài không tình yêu giống như con lợn lòi*" (tr. 59). Cô đơn như một khám phá lớn, rằng con người sinh ra và chết cô đơn: "*... Khuôn mặt vỡ tan / Như cảm thạch / Như nước mắt / Như muôn đời / Không hối hận / Con đường anh phải đi một mình / Trần trường dã thú / Đón anh ở cuối đường / Hố sâu vĩnh viễn / Không có em*" ("Đêm", tr. 56)

"Cả đời là sa mạc / Cả tôi là tự do", tự do nhưng cô đơn, "đời người thân nhiên như tên gọi" (tr. 69). "*Anh chia bàn tay khô héo / Nỗi tự do buồn phiền / Hai bàn tay những con đường cỏ cháy...*" (tr. 37). Thân phận không lối thoát, và con đường lữ hành dù gì cũng phải đi trọn:

*"... Tôi đi tìm tiếng nói
Cho cổ họng của tôi
Tôi vẫn khóc vẫn khóc
Hết linh hồn mới thôi
Tôi đi tìm tiếng nói
Cho ra tới ban ngày*

*Người ta níu lại hỏi
Cớ sao chịu đọa đày..."*
("Đêm", tr. 62)

Vì "*Em biết không? Em biết không? / Trong ngục tù giam giữ những than van / Người ta kêu một mình...*" ("Sầu khúc", tr. 42). Tôi cô độc vì Liên, con mắt đen, vì "*Liên còn trong Hà Nội / Đã mất / Tiếng cười tan thành khói trên những búp tóc rối...*" (tr. 66).

Đến tàn hơi thở "*Tôi vẫn sống thiết tha dù không còn hình ảnh, Dù không còn âm thanh (...)* Tôi tin rằng tôi sẽ nổi loạn, tôi sẽ làm cách mạng cùng những người anh em của một ngày chưa ước hẹn. Nhưng rồi tôi biết tôi đang chết, tôi đang yêu người đàn bà phụ bạc. Nàng cấu xé thân thể tôi, nàng giày vò linh hồn tôi. Nàng chỉ cho tôi trông thấy màu đen của tròng mắt nàng, màu đen xoáy sâu hun hút con đường địa ngục yêu thương. (...) Tôi vẫn sống thiết tha dù hôm nay biết chắc chẳng ai đến hôn vào môi mình cho thêm một hơi thở. Người ta đã phụ nhau rồi, phải không em?" ("Hơi thở", tr. 94 & 96).

Tôi rơi vào bi đát của cuộc đời, của thành phố, một chốn để trở về hay để bỏ đi: "... muốn một hồn người yêu đương mà không gặp nên thành phố là nơi đầy ải gớm ghê vì chứa chấp những cô đơn chống chọi. Ngó xuống mỗi viên gạch, nhìn lên mỗi cây đèn đủ thấy sự khinh ghét lạnh lùng" ("Thành phố", tr. 86). "*Có ai gọi tên tôi giữa phố, phố vắng và cái tên âm lên sự thù hận. Tôi dừng lại trả lời: để cho tôi yên với tất cả đêm nay đang ngấm vào máu tôi*" ("Đêm", tr. 72). Dù trong điệu nhạc từng đêm chốn vũ trường, người tuổi trẻ vẫn buồn, cái buồn thâm hại:

"*Sao tuổi trẻ quá buồn / như con mắt giận dữ / Sao tuổi trẻ quá buồn / như bàn ghế không bầy*" (tr. 35). Không khí nhiễm độc hay không gian thù địch? Vẫn phải níu kéo cuộc sống : "... *Hai bàn tay nắm chặt hư vô / Mà hình dung hạnh phúc ngày mai...*" ("Đừng bắt tôi từ biệt", tr. 97). Khóc tiếng khóc cô đơn. "... *Người đàn ông khóc vì phải khóc / Như anh đã phải ôm em và tủi cực vô cùng / Cuộc đời cứ mở tròn những con mắt thản nhiên nhìn tội lỗi...*" ("Đêm", tr. 64). Nhà thơ trở về, "*Tôi đã trở về nhận quyền âu yếm của người không tên*" (tr. 115), thảm thương bị trúng tên. Đến phải lớn tiếng với chính mình: "*Thôi mày hãy ôm khối lửa đỏ, định mệnh mày cừu địch, những hân hoan ngu tối cùng tự do khôn nạn*" ("Chiều trên phi trường", tr. 25).

*

Tôi qua hai tập thơ *Tôi không còn cô độc và Liên, Đêm, Mặt trời tìm thấy* là một chủ thể rất cô độc, dù có hét lớn phủ nhận định mệnh, dù đã mở rộng vòng tay, tâm hồn, dù đã có lúc khép vò óc! Từ một cái Tôi lớn tiếng nhưng giậm chân một chỗ đến một cái Tôi trưởng thành, cô độc đã làm nền cho thi nhân chứng tỏ sức sống sau những ám ảnh, buồn lo; ánh sáng rọi làm tan biến những tối ám địa ngục, như nắng lên sau những ngày mưa liên li, như sau một giấc ngủ vùi - ngủ đã đời! Nghĩa là đã có hy vọng, có những vệt nắng!

Thơ tự do của Thanh Tâm Tuyền đã là một khởi hành, một thế giới thi ca thử ứng hợp với con người và xã hội ở một thời điểm. Thanh Tâm Tuyền đã phá vỡ cái tĩnh, cái nền của ngôn ngữ, ông đã phá cái cấu trúc bình thường. Ngôn ngữ trong thơ Thanh Tâm Tuyền bất thường, bất ngờ, lẫnh lạ, không thứ tự cũng không thông thường nhưng nhiều khi cũng rất bình thường như lời nói ngoài phố chợ. "Nỗi buồn trong thơ hôm nay" được coi như bản tuyên ngôn của ông về thơ tự do. Thanh Tâm Tuyền đã viết: "Tôi nghĩ rằng điều làm cho người đọc xa lạ với thơ hôm nay không hoàn toàn vì hình thức tự do của nó. Thơ không vần, không điệu, thơ xuôi nếu quả thật là thơ - nghĩa là đạt được đến ngôn ngữ màu nhiệm không chỉ chuyên chở ý tưởng mà còn

ám ảnh vang vọng mãi trong tâm hồn - thì sớm muộn người đọc cũng tìm thấy và quen dần với một thứ nhịp điệu rộng rãi phức tạp ở một trình độ nghệ thuật cao hơn đối với nhịp điệu đơn giản rút gọn... Người làm thơ hôm nay có thể bỏ thơ không thương xót khi họ nhận thấy thơ không làm thỏa mãn nỗi khao khát quá chừng của đời sống hôm nay (...)" Thanh Tâm Tuyền đi xa hơn khi tuyên bố: "Chúng tôi theo cơn cuồng nộ bi thảm của Dionysos, của cuộc đời hôm nay. Chúng tôi cho các người vĩnh viễn (= thơ theo quan niệm cũ!), hãy nhường cho chúng tôi hiện tại":

*"Dù sao mai phòng triển lãm sẽ đóng cửa
(Rồi mở thêm lần nữa
Để làm gì)
Vứt mẩu thuốc cuối cùng xuống dòng sông
Mà lòng mình phơi trên kè đá
Con thuyền xuôi
Chiều không xanh không tím không hồng
... Nếu đã từ Sài Gòn xuống Vĩnh Long hay lên Thủ Dầu Một
Chuyến xe vẫn chỉ thuộc một mình
Như kẻ say rót rượu lấy mà uống
Cho vui thêm cuộc hành trình
(Đúng rồi những người thù ghét thơ tôi ơi)
Cuộc hành trình hoàn toàn cô độc"
(“Bao giờ”, LDMTTT, tr. 32-23).*

Nỗi cô đơn vẫn tràn ngập!

Tóm, *một nỗ lực về ngôn ngữ thơ, về nhạc điệu*. Tự do và khác. Tất cả với Thanh Tâm Tuyền là phản, là đối nghịch. Như nội dung, ý tình chuyên chở trong thơ. Hình thức và nội dung với thơ Thanh Tâm Tuyền là một, như một. Phải thành công một, kia mới thành công xướng lên, mới lên. Yếu tính thơ tự do có yếu tố hỗn độn,... vì nó có sự tổ chức riêng, có kết cấu riêng, nội tại, để nói lên, để nên thơ! Thơ tự do khác thơ cổ điển hay có niêm luật vì liên hệ đến tác giả, đến tài thơ, nhịp thơ riêng. Nếu không, là thất bại, là không còn thơ tự do! Thanh Tâm Tuyền bỏ làm thơ sau những xáo trộn giữa thập niên 1960, cho đến khi ông vào trại "cải tạo" nơi núi rừng Việt Bắc sau 1975. Trên tạp chí *Nghệ thuật*, nhà thơ Trần Đức Uyển đã có lần nhắc lại câu tâm sự của Thanh Tâm Tuyền tại sao không còn có thể làm thơ: "... Tự nhiên thấy khó, không dám làm. Vả lại chưa tìm được cái gì mới. Tôi thấy thơ bây giờ càng ngày càng thu hẹp lại, rút gọn vào trong cái "tôi", để cuối cùng chỉ có mình hiểu được thơ mình".^[3]

Ra ngoài nước, 47 bài thơ làm trong thời gian tù đày "cải tạo" được xuất bản với tựa *Thơ ở đâu xa*(1990) - như một nhận diện cuối (hay thêm) về con người, về ý thức hệ, về sự thủy chung của thiên nhiên. Sống giây phút hiện tại, ở đây không còn là những khám phá hừng khởi của thời trẻ, chỉ còn là cái triền miên của khổ ải, nhân tình! Cuộc đời chỉ là đời sống có giá trị khi có *Tôi* trong đó!

(14.4.1999)

^[1]Thanh Tâm Tuyền. "Nỗi buồn trong thơ hôm nay". *Sáng tạo*, 31, 9-1959, tr. 5.

^[2]Thanh Tâm Tuyền. Bđd., tr. 6.

^[3]Trần Đức Uyển. "Nhìn lại thơ hôm nay". *Nghệ thuật*, 12, 12-1965, tr. 16-17.

Nguồn: Nguyễn Vy Khanh, *Văn học Việt Nam thế kỷ XX. Một số hiện tượng và thể loại*. Chương 13, tr. 439-451, Đại Nam xuất bản, California 2004